

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUỐC TẾ VĨNH TÂN

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LÂM ĐỒNG

ĐẾN Số:.....
Ngày:.....
Chuyển:.....
Số và ký hiệu HS:.....

BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2025

CƠ SỞ: BẾN CẢNG QUỐC TẾ VĨNH TÂN

ĐỊA ĐIỂM: VĨNH PHÚC, XÃ VĨNH HẢO, TỈNH LÂM ĐỒNG

Vĩnh Hảo, năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUỐC TẾ VĨNH TÂN

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LÂM ĐỒNG

ĐẾN Số:.....
Ngày: 13.01.2026
Chuyển:.....
Số và ký hiệu HS:.....

**BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
NĂM 2025
CƠ SỞ: BẾN CẢNG QUỐC TẾ VĨNH TÂN**

ĐỊA ĐIỂM: VĨNH PHÚC, XÃ VĨNH HẢO, TỈNH LÂM ĐỒNG

**CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY CP CẢNG QUỐC TẾ
VĨNH TÂN**



**PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN BÌNH DÂN**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH LÂM ĐỒNG
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Quang Minh

Vĩnh Hảo, năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUỐC TẾ VĨNH TÂN**

Số: **17**/BC-VTIP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lâm Đồng, ngày **09** tháng **01** năm 2026

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường năm 2025

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: **Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân.**
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân.
- Địa chỉ: Thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng (xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận cũ).
- Điện thoại: 0252 625 6869
- Người đại diện: Ông Phan Lê Hoàng Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:
 - + Bốc xếp hàng hóa cảng biển và vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
 - + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
 - + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp vận tải đường thủy.
- Quy mô/công suất:
 - + Quy mô diện tích: 141,34 ha
 - ✓ Đất xây dựng bến cảng: 18,54 ha;
 - ✓ Đất giao thông kết nối: 1,17 ha;
 - ✓ Đất trồng (dự kiến làm dự án công nghiệp): 31,63 ha;
 - ✓ Đất mặt nước và hạng mục thủy công: 90,0 ha.
- Quy mô, sản lượng sản xuất và sản phẩm:
 - + Khối lượng hàng hóa thông qua cảng năm 2025 là 2.500.000 tấn bao gồm muối xá, muối bao, tro khô, tro ẩm, xỉ than, xỉ măng, gạch, cát, đá 1x2, đá 3x4, đá mi, đá cấp phối, thép...
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 3401086899 đăng ký lần đầu ngày 05/09/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 01/08/2025 do Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp.
- Mã số thuế: 3401086899.
- Quyết định số 20/QĐ-BTNMT ngày 06/01/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân” tại xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.
- Giấy phép môi trường số 333/GPMT-BNNMT ngày 22/08/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép cho Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân tại thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng.
- Khối lượng sản phẩm của năm báo cáo và năm gần nhất:
 - + Khối lượng sản phẩm năm 2024: 1.271.000 tấn.



Handwritten signature

+ Khối lượng sản phẩm năm 2025: 2.500.000 tấn

- Nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ của năm báo cáo và năm gần nhất:

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025
1	Điện sử dụng	Kwh	613.440	764.676
2	Nước sử dụng	m ³	22.880	11.150

(Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân cung cấp)

Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

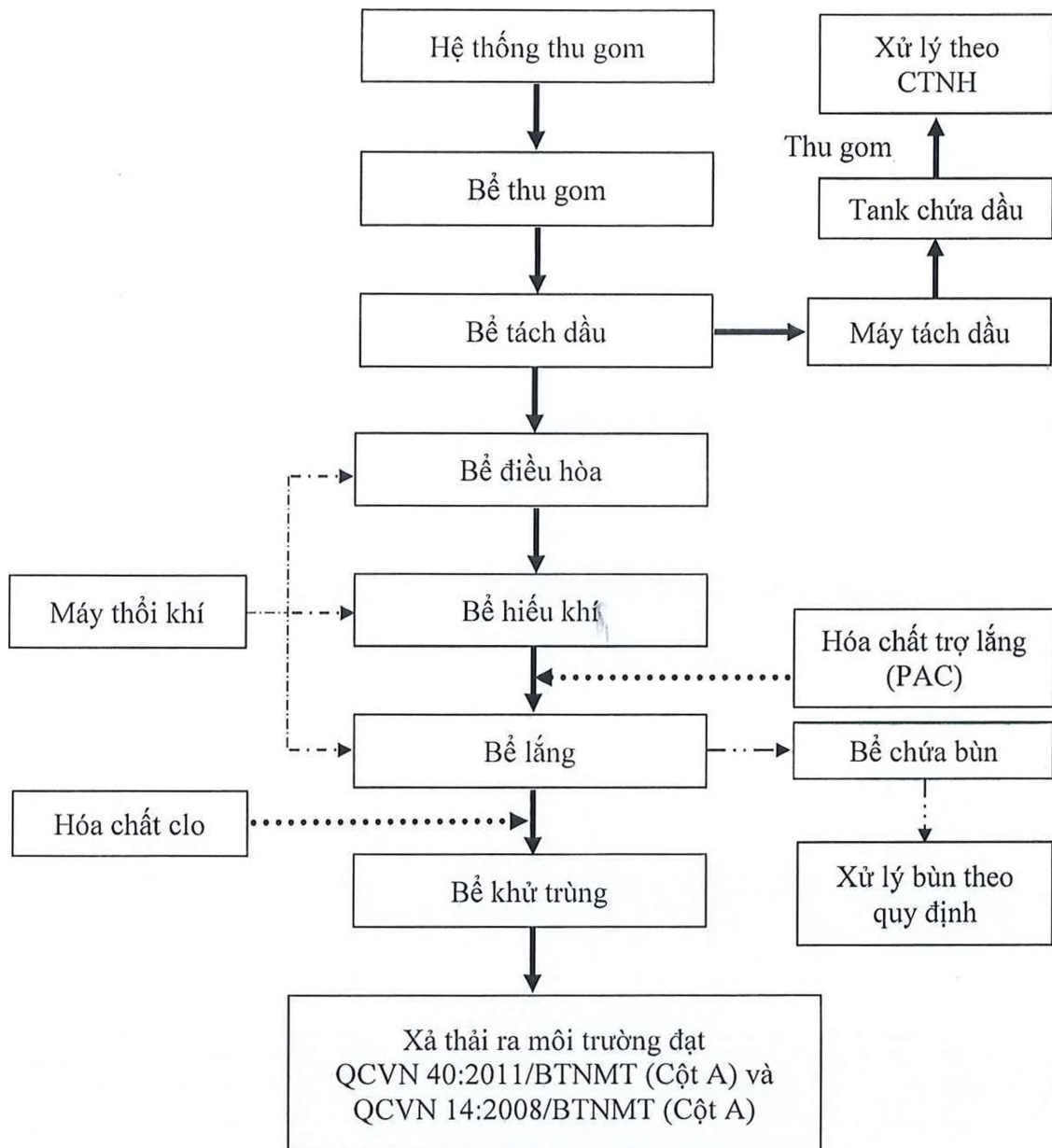
- **Liệt kê các công trình xử lý nước thải của Cơ sở:**

- **Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công nghiệp:**

+ Hiện nay, Cơ sở có 01 công trình xử lý nước thải có công suất xử lý 80 m³/ngày.đêm để xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp từ các hoạt động của cảng. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A với K_q=1,0; K_r=1,1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra biển; Ngoài ra, Cơ sở còn trang bị 02 bể sự cố bằng túi PVC di động (01 túi thể tích 50 m³, 01 túi thể tích 30 m³) để lưu trữ toàn bộ nước thải khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung (HTXLNTTT).

+ Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 20/QĐ-BTNMT ngày 06/01/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì Cơ sở có 2 hệ thống xử lý nước thải là hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với công suất xử lý 30 m³/ngày.đêm và hệ thống xử lý nước thải công nghiệp với công suất xử lý 50 m³/ngày.đêm nhưng Cơ sở đã có các Công văn số 106/CV-VTIP ngày 26/05/2020 và Công văn số 126/CV-VTIP ngày 16/06/2020; Công văn số 160/CV-VTIP ngày 13/08/2020 gửi Bộ Tài nguyên và môi trường về việc gộp hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt vào hệ thống xử lý nước thải công nghiệp hiện hữu của dự án Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân tại xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (cũ) và được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận công trình xử lý nước thải công suất 80 m³/ngày.đêm tại Giấy xác nhận số 40/GXN-BTNMT ngày 17/06/2021 về việc xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án “Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân”.

+ **Công nghệ xử lý nước thải tại khu vực Cơ sở:** sử dụng phương pháp xử lý tổng hợp (hóa, lý, sinh) với sơ đồ công nghệ như sau:



+ Nguyên lý hoạt động của hệ thống hiện hữu:

Nước thải rửa phương tiện, thiết bị, container, nước thải từ sửa chữa bảo dưỡng máy móc, nước xịt rửa sàn, sân và nước thải sinh hoạt. Được thu gom bởi hệ thống mương và được dẫn về hố ga tập trung của hệ thống mương. Sau đó, được dẫn về hố thu gom tập trung của hệ thống xử lý nước thải bằng ống HDPE DN200.

Bể thu gom hệ thống có 2 ngăn, tại vị trí đầu vào của hố thu được lắp đặt van cửa phai, dùng để ngăn không cho nước chảy về hố thu khi có sự cố hay sửa chữa tại hố thu. Nước thải chảy về ngăn thứ nhất của hố thu thì những cặn, rác có kích thước lớn sẽ được giữ lại, nước thải tiếp tục qua ngăn thứ 2 qua lỗ thông. Tại ngăn thứ hai được lắp đặt 2 bơm tự động bơm lên bể tách dầu.

Nước thải được bơm lên bể tách dầu 4 ngăn có nhiệm vụ điều tiết dòng chảy đảm bảo dầu nhớt nổi trên bề mặt và được giữ tại 3 ngăn đầu, ngăn thứ 3 của bể được lắp đặt máy tách dầu có nhiệm vụ vớt dầu có trong nước thải dẫn về bể chứa dầu, nước thải qua ngăn thứ 4 của bể đã được loại bỏ hết dầu nhớt tự chảy qua bể điều hòa.

Bể điều hòa cân bằng dòng chảy, ổn định nồng độ các chất, điều hòa lưu lượng,

Thư

đồng thời các chất hữu cơ sẽ được phân hủy một phần nhờ các vi khuẩn cũng như đặc điểm của nước thải.

Ở trong bể điều hòa việc khuấy trộn nước thải vô cùng quan trọng có ảnh hưởng tới hiệu quả xử lý của các công đoạn xử lý sinh học phía sau.

Bể điều hòa được sục khí với áp suất thấp ở đây ngoài mục đích xáo trộn đều nồng độ các chất ô nhiễm và điều hòa lưu lượng còn có nhiệm vụ quan trọng là chống cạn lắng trong bể điều hòa tạo thành môi trường kỵ khí làm giảm nhân tố gây phát sinh mùi trong hệ thống. Không khí được cung cấp bởi 2 máy thổi khí đặt ở nhà vận hành của hệ thống.

Nước thải từ bể điều hòa sẽ được bơm sang bể xử lý sinh học hiếu khí bởi hai bơm được lắp đặt tại bể.

Bể xử lý sinh học hiếu khí theo dạng liên tục với lưu lượng xử lý khoảng 3,33 m³/h. Trong bể được lắp đặt hệ thống giá thể bám dính dạng tổ ong. Xử lý chất hữu cơ trong nước thải bằng vi sinh vật hiếu khí với vi sinh thuộc hệ bám dính. Không khí được cung cấp bởi 2 máy thổi khí đặt ở nhà vận hành của hệ thống.

Nước thải qua bể hiếu khí các chất hữu cơ đã được xử lý. Nước được thu trên bề mặt bằng hệ máng thu dẫn qua ống trung tâm của bể lắng để xử lý cặn lơ lửng.

Khi nước được dẫn tới ống trung tâm được bổ sung hóa chất trợ lắng (PAC) bởi hệ thống bơm định lượng, cặn lơ lửng phản ứng với hóa chất tạo thành cặn có kích thước lớn hơn đủ nặng để lắng xuống đáy nhờ ống trung tâm để giảm tốc độ dòng chảy, tăng khả năng phản ứng với hóa chất và hướng dòng nước theo chiều đi xuống. Bể lắng được tạo độ dốc hỗ trợ quá trình lắng. Nước sạch sau khi tách cặn được thu bởi máng thu trên bề mặt bể chảy qua bể khử trùng.

Tại bể lắng được lắp đặt bơm bùn có nhiệm vụ hút bỏ cặn bùn lắng dưới đáy bể lắng tới bể chứa bùn.

Nước thu từ bể lắng chảy qua bể khử trùng được bổ sung chất khử trùng Chlorine được cung cấp bởi hệ thống bơm định lượng chất khử trùng nhằm tiêu diệt các vi khuẩn Coliform gây bệnh sẽ được châm vào bể trước khi xả thải ra môi trường.

Nước thải sau khi tách bùn và tiếp xúc hóa chất diệt khuẩn sẽ được bơm qua đồng hồ đo lưu lượng để kiểm soát lượng nước thải xử lý bởi 2 bơm. Nước thải sau khi xử lý được dẫn ra ngoài.

Bùn trong suốt quá trình lắng ở bể lắng sẽ được hút sang bể chứa bùn để phân hủy, bùn dư hút định kỳ, quản lý bởi cơ quan có chức năng.

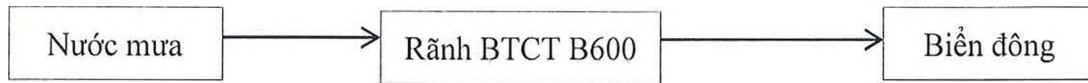
• **Tổng lưu lượng nước thải phát sinh:** Tổng lưu lượng nước thải phát sinh của cơ sở được cấp phép là 80 m³/ngày.đêm. Trong đó:

- + Lưu lượng nước thải sinh hoạt được cấp phép: 30 m³/ngày.đêm;
- + Lưu lượng nước thải công nghiệp được cấp phép: 50 m³/ngày.đêm

• **Nước mưa chảy tràn:**

Biện pháp thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa được bố trí dọc theo mép đường nội bộ quanh các hạng mục công trình của Cảng, rãnh có kết cấu bằng bê tông cốt thép B600mm, độ dốc i = 0,3%, rãnh có nắp đậy và song chắn rác. Trên hệ thống rãnh thoát nước mưa cứ cách khoảng 100m có bố trí một hố ga lắng

cận kích thước $D \times H \times L = (0,7 \times 0,7 \times 0,7)m$. Toàn bộ nước mưa được dẫn xả qua 04 cửa xả: 03 cửa xả (CX1, CX2, CX3) xả ra kè phía Tây thoát ra biển; 01 cửa xả (CX4) nằm phía Đông khu vực Cầu cảng số 2 thoát ra biển.



1.2. Kết quả quan trắc nước biển ven bờ, nước thải, trầm tích

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước biển, nước thải, trầm tích

06 tháng đầu năm vị trí quan trắc căn cứ theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã duyệt số 20/QĐ-BTNMT ngày 06/01/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

■ Vị trí quan trắc nước biển: Nước biển ven bờ tại khu vực luồng tàu (ven bờ).

- Thời gian quan trắc:

+ Đợt 1 ngày 24/06/2025.

- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.

■ Vị trí quan trắc nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công nghiệp.

- Thời gian quan trắc:

+ Đợt 1 ngày 20/03/2025;

+ Đợt 2 ngày 24/06/2025.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.

■ Vị trí quan trắc trầm tích: Trầm tích khu vực ven bờ.

- Thời gian quan trắc: Ngày 24/06/2025.

- Tần suất quan trắc: 01 lần/năm.

06 tháng cuối năm vị trí quan trắc căn cứ theo Giấy phép số 333/GPMT-BNNMT ngày 22/08/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp Giấy phép môi trường cho cơ sở.

■ Vị trí quan trắc nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công nghiệp.

- Thời gian quan trắc:

+ Đợt 3 ngày 25/09/2025;

+ Đợt 4 ngày 10/11/2025.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.

■ Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc:

Stt	Khu vực/vị trí/điểm quan trắc	Số lượng mẫu của từng đợt				Tổng cộng số mẫu/năm
		Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	Nước biển ven bờ tại khu vực luồng tàu (ven bờ).	01	-	-	-	01
2	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công nghiệp	01	01	01	01	04
3	Trầm tích khu vực ven biển	01	-	-	-	01
Tổng cộng						06

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (QCVN):
 - Nước biển: QCVN 10:2023/BTNMT (bảng 1 và bảng 2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.
 - Nước thải:
 - + QCVN 40:2011/BTNMT (cột A với $K_q=1,0$; $K_f=1,1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
 - + QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, $K=1,0$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
 - Trầm tích: QCVN 43:2017/BTNMT (cột B: trầm tích nước mặn, nước lợ) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích.
- Đơn vị thực hiện quan trắc Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng - đơn vị đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số 64/GCN-BTNMT ngày 18/9/2024 với mã số VIMCERTS 145 và số 47/GCN-BTNMT ngày 26/7/2024 mã số VIMCERTS 57, số 26/GCN-BTNMT ngày 19/6/2025 mã số VIMCERTS 118 tiến hành đo đạc, lấy mẫu và phân tích.
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn (nếu có):
- Thống kê vị trí điểm quan trắc

Bảng 1: Thống kê vị trí điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu theo tọa độ VN 2000	
				X	Y
1	Nước biển ven bờ tại khu vực luồng tàu (ven bờ).	NB	24/6/2025	1.250.952	534.361
2	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công nghiệp	NT1	20/3/2025	1.251.321	534.299
		NT2	24/6/2025		
		NT3	25/09/2025	1.251.108	534.379
		NT4	10/11/2025	1.251.107	534.384
3	Trầm tích khu vực ven bờ	TT	24/6/2025	1.250.878	534.015

Ghi chú:

- + NB: Nước biển ven bờ tại khu vực luồng tàu;
- + NT1: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công nghiệp lấy mẫu đợt 1;
- + NT2: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công nghiệp lấy mẫu đợt 2;
- + NT3: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công nghiệp lấy mẫu đợt 3;
- + NT4: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công nghiệp lấy mẫu đợt 4;
- + TT: Trầm tích khu vực ven bờ.

Thư

■ Kết quả quan trắc:

- Kết quả quan trắc nước thải:

Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công nghiệp qua các đợt quan trắc (đợt 1: ngày 20/03/2025; đợt 2: ngày 24/06/2025; đợt 3: ngày 25/09/2025; đợt 4: ngày 10/11/2025) được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 2: Kết quả quan trắc nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công nghiệp 06 tháng đầu năm

Ký hiệu điểm quan trắc	Chỉ tiêu		Màu	PH	BOD ₅	COD	TSS	TDS	Sunfua	Amoni	Nitrat	Phosphat	Tổng N	Tổng P	Dầu mỡ động thực vật	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Tổng dầu mỡ khoáng	Coliforms
Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công nghiệp	Đơn vị		Pt-Co	-	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MNP/100ml
	NT1	Đợt 1	KPH LOD=5	6,59	KPH LOD=1	KPH LOD=11	9	234	KPH LOD=0,04	<0,03 LOQ	0,53	0,43	1,2	0,462	1,7	KPH LOD=0,022	1,3	1,1×10 ²
	NT2	Đợt 2	KPH LOD=5	7,9	<8 LOQ	KPH LOD=11	<9 LOQ	311	KPH LOD=0,04	KPH LOD=0,01	3,61	0,68	4,79	0,714	1,2	0,04	1,7	2×10 ¹
Giá trị QCVN/TCVN hiện hành	QCVN 40:2011/BTNMT (cột A với K _q = 1,0; K _f = 1,1)		50	6 - 9	33	82,5	55	-	0,22	5,5	-	-	22	4,4	-	-	5,5	3.000
	QCVN 14:2008/BTNMT (cột A với K = 1,0)		-	5 - 9	30	-	50	500	1,0	5,0	30	6	-	-	10	5	-	3.000

(Nguồn: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng tổng hợp)

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT (cột A với K_q=1,0; K_f=1,1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Nhận xét: Dựa vào bảng tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng nước thải 06 tháng đầu năm cho thấy: Các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong quy chuẩn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột A với K_q=1,0; K_f=1,1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công

Thư

nghiệp và QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nguồn nước thải sau hệ thống xử lý đảm bảo chất lượng không gây ô nhiễm môi trường.

Bảng 3: Kết quả quan trắc nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công nghiệp 06 tháng cuối năm

Ký hiệu điểm quan trắc	Chỉ tiêu		Nhiệt độ	Màu	PH	BOD ₅	COD	TSS	Sunfua	Amoni	Tổng N	Tổng P	Tổng dầu mỡ khoáng	Coliforms
Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công nghiệp	Đơn vị		°C	Pt-Co	-	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MNP/100ml
	NT3	Đợt 3	28,11	<9 LOQ	8,04	KPH MDL=3	KPH MDL=11	11	KPH MDL=0,02	<0,03 LOQ	2,98	0,428	KPH MDL=0,9	1,3×10 ²
	NT4	Đợt 4	28,15	12	7,98	KPH MDL=3	KPH MDL=11	<9 LOQ	<0,06 LOQ	KPH MDL=0,01	4,8	0,692	1,2	KPH MDL=1,8
Giá trị QCVN/TCVN hiện hành	QCVN 40:2011/BTNMT (cột A với K_q = 1,0; K_f = 1,1)		-	50	6 - 9	33	82,5	55	0,22	5,5	22	4,4	5,5	3.000

(Nguồn: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng tổng hợp)

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT (cột A với K_q=1,0; K_f=1,1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Nhận xét: Cơ sở đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp Giấy phép môi trường. Căn cứ theo giấy phép đã được phê duyệt cơ sở tiến hành quan trắc các chỉ tiêu đã được cấp phép. Dựa vào bảng tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công nghiệp của Cơ sở cho thấy: Các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong quy chuẩn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột A với K_q=1,0; K_f=1,1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, nguồn nước thải đảm bảo chất lượng không gây ô nhiễm môi trường.

Thư

- Kết quả quan trắc nước biển:

Kết quả quan trắc chất lượng nước biển tại khu vực luồng tàu (ven bờ) qua các đợt quan trắc được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 4: Kết quả quan trắc nước biển tại khu vực luồng tàu (ven bờ) 06 tháng đầu năm theo ĐTM được phê duyệt

Ký hiệu điểm quan trắc	Chỉ tiêu	pH	DO	TSS	Phosphat	Tổng sắt	Coliform	Amoni	Dầu mỡ khoáng
	Đơn vị		mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	MPN/100 ml	mg/L	mg/L
Nước biển tại khu vực luồng tàu (ven bờ)	NB	8,35	5,08	10	KPH LOD=0,01	KPH LOD=0,02	KPH LOD=1,8	<0,03	0,4
Giá trị QCVN/TCVN hiện hành	QCVN 10:2023/BTNMT (bảng 1 và bảng 2)	6,5-8,5	≥ 5	50	0,2	0,5	1000	0,1	5

(Nguồn: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng tổng hợp)

Ghi chú:

- QCVN 10:2023/BTNMT (bảng 1 và bảng 2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển áp dụng từ ngày 12/09/2023.

Nhận xét: Dựa vào bảng tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng nước biển tại khu vực luồng tàu (ven bờ) của Cơ sở cho thấy: Các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong quy chuẩn cho phép QCVN 10:2023/BTNMT (bảng 1 và bảng 2), giá trị giới hạn của các thông số chất lượng nước biển vùng biển ven bờ. Chứng tỏ, chất lượng nước biển ven bờ tại khu vực luồng tàu của cơ sở chưa có dấu hiệu ô nhiễm bởi hoạt động của Cơ sở.

- Kết quả quan trắc môi trường trầm tích:

Kết quả quan trắc chất lượng môi trường trầm tích qua các đợt quan trắc được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 5: Kết quả quan trắc môi trường trầm tích

Ký hiệu điểm quan trắc	Chỉ tiêu	As	Cd	Cu	Zn	Pb	Cr	Hg
	Đơn vị	mg/kg	mg/kg	mg/kg	mg/kg	mg/kg	mg/kg	mg/kg
Trầm tích khu vực ven bờ	TT	0,32	0,14	3,89	91,8	15,1	1,28	KPH LOD=0,06
QCVN 43:2017/BTNMT (cột B: trầm tích nước mặn, nước lợ)		41,6	4,2	108	271	112	160	0,7

(Nguồn: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng tổng hợp)

Ghi chú: QCVN 43:2017/BTNMT (cột B: trầm tích nước mặn, nước lợ) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích.

Nhân xét: Dựa vào bảng tổng hợp kết quả quan trắc mẫu trầm tích khu vực ven biển tại Cơ sở qua các đợt quan trắc cho thấy: Các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong quy chuẩn cho phép QCVN 43:2017/BTNMT (cột B: trầm tích nước mặn, nước lợ) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích.

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

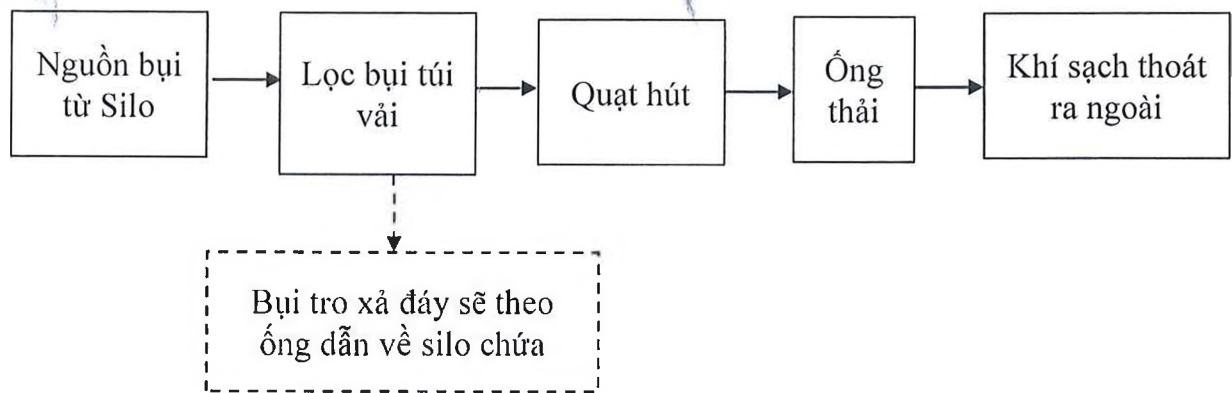
Cơ sở có quy mô xả thải < 500 m³/ngày nên không thuộc danh mục phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Do đó Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục và trong nội dung báo cáo không đề cập đến nội dung này.

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

• Liệt kê các công trình xử lý khí thải của Cơ sở:

- Cơ sở có 6 thiết bị lọc bụi của silo, trong đó:
 - + Thiết bị lọc bụi của silo đứng: 2 thiết bị, lưu lượng 2.800-3.000 m³/giờ/thiết bị;
 - + Thiết bị lọc bụi của silo nằm: 4 thiết bị, lưu lượng 7.300-9.000 m³/giờ/thiết bị.
- Sơ đồ công nghệ xử lý bụi trong silo như sau:



- Nguyên lý hoạt động của hệ thống lọc bụi túi vải:

Khi silo hoạt động áp suất trong silo tăng lên sẽ thoát khí có chứa tro bay ra bên ngoài theo lỗ thoát của thiết bị, tại lỗ thoát đã được gắn ống thu gom không khí chứa tro bay đưa vào thiết bị lọc bụi túi vải nhờ quạt hút. Tại thiết bị lọc bụi túi vải khí chứa tro được phân phối toàn bộ vào các túi lọc. Các hạt tro có kích thước lớn hơn kích thước các khe trên vải lọc bụi sẽ được giữ lại trên bề mặt vải theo nguyên lý rây. Các hạt tro có kích thước nhỏ sẽ bám dính trên bề mặt sợi vải do va chạm các hạt với nhau, dưới tác dụng của lực hút tĩnh điện và lực hấp dẫn. Lớp tro này sẽ cùng với thành của túi tạo nên lớp tro lọc. Với khả năng trên thì thiết bị lọc bụi túi vải có khả năng loại được các hạt tro có kích thước rất nhỏ. Sau một thời gian thì lớp tro bám sẽ ngày càng dày hơn dẫn đến trở lực cho toàn bộ thiết bị ngày càng lớn. Lúc này phải ngưng hoạt động thiết bị và tiến hành quá trình loại bỏ bụi trên bề mặt túi lọc thông qua van xung giữ bụi. Quá trình loại bỏ tro của thiết bị được hoàn thành bởi xung khí nén phun vào túi thông qua van xung điện từ tự động. Cơ chế làm sạch bao gồm túi khí, ống thổi và van điều khiển xung điện từ. Một ống phun được lắp đặt trên đỉnh đầu ra của mỗi hàng túi lọc trong buồng lọc. Ống tiêm được cung cấp ở phía dưới của ống tiêm ở giữa túi lọc. Mỗi ống xung được cung cấp một van xung và giao tiếp với khí nén. Trong quá trình vệ sinh, van điện từ mở van xung và khí nén được phun bằng thiết bị điều khiển làm sạch (áp suất chênh lệch) theo chương trình cài đặt để mở bơm xung điện từ. Khí nén đi qua từng xung trong một thời gian rất ngắn và theo thứ tự. Van tạo ra không khí nhiều lần lượng không khí được bơm vào túi lọc qua vòi phun trên ống thổi để tạo thành sóng không khí. Túi lọc tạo ra sự giãn nở nhanh và rung động tác động từ miệng túi xuống đáy, dẫn đến hành động làm sạch mạnh, làm rung bụi lọc trên túi và rơi xuống phễu thu bụi. Chu kỳ xung giữ bụi khoảng 3 phút/lần, thời gian giữ 5 giây. Tro từ phễu được đưa lại silo chứa tro bay.

• **Tổng lưu lượng khí thải phát sinh:**

- 06 tháng đầu năm 2025 việc giám sát môi trường không khí tại Cơ sở theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 20/QĐ-BTNMT ngày 06/01/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, chủ yếu là giám sát khu vực xung quanh tại khu vực cầu cảng bốc xếp hàng rời, khu vực hành chính và khu vực hàng rào của dự án giáp khu dân cư.

Cơ sở đã và tiếp tục áp dụng một số biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải như sau:

- + Đã bố trí 04 vòi cấp nước mục đích phun dập bụi phía ngoài cầu cảng.
- + Việc xuất tro bay được xe bồn kín bơm trực tiếp lên tàu thuyền chuyên dụng.

Handwritten signature

+ Các đường nội bộ trong Cơ sở được bê tông hóa. Trồng cây xanh dọc theo các đường nội bộ, khu vực nhà điều hành, khu vực nhà đa năng, ... để điều hòa khí hậu.

+ Đã đầu tư 01 xe phun nước để hạn chế bụi trên các tuyến đường vận chuyển nội bộ và trên bề mặt bến cảng.

- 06 tháng cuối năm 2025 việc giám sát môi trường không khí tại Cơ sở theo Giấy phép môi trường số 333/GPMT-BNNMT ngày 22/08/2025 là bụi từ thiết bị lọc bụi của silo chứa tro bay. Tổng lưu lượng khí thải phát sinh được cấp phép như sau:

+ Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý của thiết bị lọc bụi số 1. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 3.000 m³/giờ.

+ Dòng khí thải số 02: Khí thải sau xử lý của thiết bị lọc bụi số 2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 3.000 m³/giờ.

+ Dòng khí thải số 03: Khí thải sau xử lý của thiết bị lọc bụi số 3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 9.000 m³/giờ.

+ Dòng khí thải số 04: Khí thải sau xử lý của thiết bị lọc bụi số 4. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 9.000 m³/giờ.

+ Dòng khí thải số 05: Khí thải sau xử lý của thiết bị lọc bụi số 5. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 9.000 m³/giờ.

+ Dòng khí thải số 06: Khí thải sau xử lý của thiết bị lọc bụi số 6. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 9.000 m³/giờ.

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

2.2.1 Kết quả quan trắc định kỳ

- Vị trí quan trắc: 06 tháng đầu năm

+ Không khí tại khu vực cầu cảng bốc xếp hàng rời;

+ Không khí tại khu vực hành chính

+ Không khí tại khu vực hàng rào của dự án giáp Khu dân cư (KDC)

+ Thời gian quan trắc: Ngày 24/6/2025

- Vị trí quan trắc: 06 tháng cuối năm

+ Bụi từ thiết bị lọc bụi số 1

+ Bụi từ thiết bị lọc bụi số 2

+ Bụi từ thiết bị lọc bụi số 3

+ Bụi từ thiết bị lọc bụi số 4

+ Bụi từ thiết bị lọc bụi số 5

+ Bụi từ thiết bị lọc bụi số 6

+ Thời gian quan trắc: Ngày 24-25/11/2025.

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc:

STT	Khu vực/vị trí/điểm quan trắc	Số lượng mẫu của từng đợt		Tổng cộng số mẫu/năm
		06 tháng đầu năm	06 tháng cuối năm	
1	Không khí tại khu vực cầu cảng bốc xếp hàng rời	01	-	01

Handwritten signature

STT	Khu vực/vị trí/điểm quan trắc	Số lượng mẫu của từng đợt		Tổng cộng số mẫu/năm
		06 tháng đầu năm	06 tháng cuối năm	
2	Không khí tại khu vực hành chính	01	-	01
3	Không khí tại khu vực hàng rào của dự án giáp KDC	01	-	01
4	Bụi từ thiết bị lọc bụi số 1	-	01	01
5	Bụi từ thiết bị lọc bụi số 2	-	01	01
6	Bụi từ thiết bị lọc bụi số 3	-	01	01
7	Bụi từ thiết bị lọc bụi số 4	-	01	01
8	Bụi từ thiết bị lọc bụi số 5	-	01	01
9	Bụi từ thiết bị lọc bụi số 6	-	01	01
Tổng cộng				09

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (QCVN):

+ QCVN 19:2019/BTNMT (Bảng 1, cột B, $K_p = 1$ và $K_v = 1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Đối với quan trắc môi trường không khí xung quanh: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Bình Thuận - đơn vị đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số 64/GCN-BTNMT ngày 18/9/2024 với mã số VIMCERTS 145 tiến hành đo đạc, lấy mẫu và phân tích.

- Đối với khí thải: Trung tâm Nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ - đơn vị đã được cấp Giấy chứng nhận VIMCERTS 259 tiến hành đo đạc, lấy mẫu và phân tích.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn (nếu có):

+ Thống kê vị trí điểm quan trắc:

Bảng 6: Thống kê vị trí điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu theo tọa độ VN 2000	
				X	Y
1	Không khí tại khu vực cầu cảng bốc xếp hàng rời	KK1	24/6/2025	1.250.965	534.273
2	Không khí tại khu vực hành chính	KK2	24/6/2025	1.251.268	533.831

Handwritten signature

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu theo tọa độ VN 2000	
				X	Y
3	Không khí tại khu vực hàng rào của dự án giáp KDC	KK3	24/6/2025	1.251.870	534.011
4	Bụi từ thiết bị lọc bụi số 1	KT1	25/11/2025	1.250.948	533.918
5	Bụi từ thiết bị lọc bụi số 2	KT2	25/11/2025	1.250.948	533.921
6	Bụi từ thiết bị lọc bụi số 3	KT3	24/11/2025	1.250.942	533.972
7	Bụi từ thiết bị lọc bụi số 4	KT4	24/11/2025	1.251.000	533.957
8	Bụi từ thiết bị lọc bụi số 5	KT5	24/11/2025	1.250.997	533.939
9	Bụi từ thiết bị lọc bụi số 6	KT6	24/11/2025	1.250.991	533.9117

- Kết quả quan trắc:

Kết quả quan trắc chất lượng không khí tại các điểm quan trắc của Cơ sở qua các đợt quan trắc được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 7: Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh

Ký hiệu điểm quan trắc	Chỉ tiêu	Bụi (TSP)	CO	SO ₂	NO ₂	Độ ồn	Độ rung
		µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³	dBA	dB
Không khí tại khu vực cầu cảng bốc xếp hàng rời	KK1	84,3	<17200 (LOQ)	<133 (LOQ)	<48 (LOQ)	68,2	47
Không khí tại khu vực hành chính	KK2	127,4	<17200 (LOQ)	<133 (LOQ)	<48 (LOQ)	62,4	47
Không khí tại khu vực hàng rào của dự án giáp KDC	KK3	127,5	<17200 (LOQ)	<133 (LOQ)	<48 (LOQ)	67,7	47
Giá trị QCVN/	QCVN 05:2023/BTNMT	300	30.000	350	200	-	-

Ký hiệu điểm quan trắc TCVN hiện hành	Chỉ tiêu	Bụi (TSP)	CO	SO ₂	NO ₂	Độ ồn	Độ rung
		µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³	dBA	dB
	QCVN 26:2010/BTNMT	-	-	-	-	70	-
	QCVN 27:2010/BTNMT	-	-	-	-	-	70

(Nguồn: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Bình Thuận tổng hợp)

Ghi chú:

+QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Nhân xét: Kết quả quan trắc cho thấy chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực dự án nhìn chung đạt quy chuẩn cho phép. Nồng độ bụi tổng (TSP) tại các vị trí quan trắc dao động từ 84,3-127,5 µg/m³, thấp hơn giới hạn QCVN 05:2023/BTNMT (300 µg/m³). Các thông số CO, SO₂ và NO₂ đều nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp phân tích và thấp hơn nhiều so với quy chuẩn hiện hành. Mức ồn đo được từ 62,4-68,2 dBA, nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT; độ rung 47 dB, đáp ứng QCVN 27:2010/BTNMT. Nhìn chung, hoạt động tại khu vực quan trắc chưa ghi nhận tác động tiêu cực đáng kể đến môi trường xung quanh tại thời điểm đo, tuy nhiên cần tiếp tục thực hiện quan trắc định kỳ để theo dõi và kiểm soát các nguy cơ phát sinh.

Bảng 8. Kết quả quan trắc môi trường khí thải

Ký hiệu điểm quan trắc	Chỉ tiêu	Bụi (TSP)	Lưu lượng
	Đơn vị	mg/Nm ³	m ³ /h
Bụi từ thiết bị lọc bụi số 1	KK1	<5	976
Bụi từ thiết bị lọc bụi số 2	KK2	<5	915
Bụi từ thiết bị lọc bụi số 3	KK3	<5	830
Bụi từ thiết bị lọc bụi số 4	KK4	<5	993
Bụi từ thiết bị lọc bụi số 5	KK5	<5	379
Bụi từ thiết bị lọc bụi số 6	KK6	<5	546
Giá trị QCVN/ TCVN hiện hành	QCVN 19:2009/BTNMT (Bảng 1, cột B, K _p = 1 và K _v = 1)	200	-

(Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân cung cấp)

Ghi chú:

+ QCVN 19:2009/BTNMT (Bảng 1, cột B, $K_p = 1$ và $K_v = 1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.

Nhân xét: Kết quả quan trắc tại các điểm KK1 đến KK6 cho thấy nồng độ bụi tổng (TSP) sau các thiết bị lọc bụi đều $< 5 \text{ mg/Nm}^3$, thấp hơn rất nhiều so với giá trị giới hạn cho phép 200 mg/Nm^3 theo QCVN 19:2009/BTNMT (Bảng 1, cột B, $K_p = 1$ và $K_v = 1$). Lưu lượng khí thải dao động từ $379\text{-}993 \text{ m}^3/\text{h}$, cho thấy các thiết bị hoạt động ổn định trong các điều kiện vận hành khác nhau.

2.2.2. Quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc danh mục phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Do đó Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục và trong nội dung báo cáo không đề cập đến nội dung này.

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường**❖ Thống kê CTRSH phát sinh:**

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt thường ngày của các cán bộ công nhân viên làm việc tại Cơ sở và chất thải rắn sinh hoạt từ tàu thuyền. Số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại Cơ sở là 61 người. Đa số cán bộ công nhân viên làm việc tại Cơ sở đều làm việc giờ hành chính nên khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thực tế tại Cơ sở chỉ khoảng 50 kg/ngày . Thành phần chất thải sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì, vỏ cơm hộp, chai nhựa, lon nước giải khát, giấy vệ sinh...

- Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở đã được áp dụng các biện pháp thu gom, xử lý như sau:

+ Lập nội quy sinh hoạt yêu cầu công nhân không xả rác bừa bãi;

+ Nơi lưu trữ chất thải có mái che nhằm hạn chế cuốn chất thải theo nước mưa chảy tràn;

+ Tất cả rác sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại Cơ sở được thu gom hàng ngày và hợp đồng với Hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường Vĩnh Tân theo Hợp đồng số 13/2025/HĐDV/VTIP-HTXVT ngày 01/01/2025 đến thu gom, xử lý với tần suất 03 lần/tuần.

Bảng 9: Thống kê CTRSH

TT	CTRSH	Khối lượng năm 2025 (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất - năm 2024 (kg/năm)	Chi chú
1	Thức ăn thừa	7.300	Hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường	7.300	Hợp đồng đính kèm sau phụ
2	Bao bì, vỏ cơm hộp	1.825		1.825	

TT	CTRSH	Khối lượng năm 2025 (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất - năm 2024 (kg/năm)	Chi chú
3	Chai nhựa, lon nước giải khát	2.555	Vĩnh Tân	2.555	lục báo cáo
4	Lá cây, cỏ, hoa rụng...	3.650		3.650	
5	Giấy vệ sinh	2.920		2.920	
6	Chất thải rắn sinh hoạt từ tàu thuyền	4.141		1.256	
Tổng khối lượng		22.391		19.506	

(Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân cung cấp)

- Thống kê CTCNTT:

Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường phê duyệt, chất thải rắn CNTT phát sinh từ quá trình hoạt động của Cơ sở bao gồm: Hàng hóa rơi vãi, hỏng hóc có lẫn đất, cát; bao bì nhựa, pallet ... Lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 226 kg/năm. Hiện tại, chất thải rắn công nghiệp thông thường của Cơ sở phát sinh được thu gom, phân loại và lưu giữ tạm thời tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường và hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường Khánh Hòa theo Hợp đồng số 46/2025/HĐNT/VTIP-KES.COM ngày 19/02/2025 đến thu gom và xử lý.

Khối lượng thành phần và phương pháp xử lý được thống kê cụ thể tại bảng sau:

Bảng 10: Thống kê CTCNTT

Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng năm 2025 (kg/năm)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất - năm 2024 (kg/năm)	Chi chú
Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	6		Hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường Khánh Hòa	0	Hợp đồng đính kèm sau phụ lục báo cáo
Bao bì gỗ (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 07	220			0	
Tổng khối lượng		226			0	

Handwritten signature

4. Về quản lý chất thải nguy hại:

- Thống kê CTNH:

Chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở gồm sơn, giẻ lau dính dầu, dầu thải, que hàn, xỉ hàn, ốc quy, bao bì dính dầu... Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 1881 kg/năm. Hiện tại, chất thải nguy hại của Cơ sở phát sinh được thu gom, phân loại và bảo quản trong các thùng chuyên dụng và hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường Khánh Hòa theo Hợp đồng số 46/2025/HĐNT/VTIP-KES.COM ngày 19/02/2025 đến thu gom và xử lý với tần suất 02 lần/năm.

Khối lượng thành phần và phương pháp xử lý được thống kê cụ thể tại bảng sau:

Bảng 11: Thống kê CTNH:

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (năm 2025) (kg/năm)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất - năm 2024 (kg/năm)	Ghi chú
Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (ví dụ đá mài, giấy ráp...)	07 03 10	18	Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và bảo quản trong các thùng chuyên dụng	Hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường Khánh Hòa	25	Hợp đồng đính kèm sau phụ lục báo cáo
Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	37			15	
Xỉ hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	07 04 02	80			72	
Bùn thải có thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	1000			0	
Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	65			52	
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	0			1	

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (năm 2025) (kg/năm)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất - năm 2024 (kg/năm)	Ghi chú
Dầu động cơ, hợp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	100			269	
Bao bì mềm thải nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 01	10			15	
Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 02	95			114	
Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 03	30			33	
Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	327			164	
Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	119			167	
Tổng khối lượng		1881			927	

(Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân cung cấp)

Cơ sở không phát sinh các chất thải nguy hại (CTNH) xuất khẩu và các CTNH được sử dụng sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở.

- **Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới:** Tiếp tục thực hiện trách nhiệm quản lý CTNH phát sinh tại cơ sở, công tác phân loại, bảo quản và lưu giữ tại

Thao

Cơ sở đảm bảo an toàn và không để rò rỉ, xả thải ra ngoài môi trường; Chủ Cơ sở thu gom, phân loại, lưu chứa tại kho chất thải nguy hại và Chủ Cơ sở cam kết thực hiện theo đúng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, với các biện pháp sau:

- + Chất thải nguy hại được thu gom, dán nhãn, ghi mã số sau đó lưu trong các thùng chứa đặt trong kho chứa chất thải nguy hại theo đúng quy định.
- + Tiếp tục Hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại.

5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:

Quyết định số 111/QĐ-VTIP ngày 02/06/2025 của Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân về việc thành lập Ban chỉ đạo ứng phó sự cố môi trường và Đội ứng phó sự cố môi trường.

Quyết định số 112/QĐ-VTIP ngày 02/06/2025 của Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân về việc ban hành Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

Trong quá trình hoạt động của Cơ sở sẽ phát sinh nhiều nguyên nhân có thể gây ra các sự cố như: tai nạn giao thông đường bộ, đường thủy; sự cố rò rỉ, tràn dầu; rủi ro, sự cố do công trình xuống cấp; sự cố cháy nổ; rủi ro, sự cố do thiên tai; rủi ro từ hệ thống xử lý nước thải; rủi ro, sự cố từ hệ thống xử lý khí thải...

■ Sự cố tai nạn giao thông đường bộ, đường thủy:

- Hệ thống biển báo, phao tiêu chưa được trang bị đầy đủ và phù hợp về vị trí.
- Do va chạm tàu thuyền trong quá trình ra vào cảng.
- Do sự cố bồi lắng bất thường ở một vị trí gây khó khăn cho việc di chuyển của các phương tiện tàu thủy ra vào cảng.
- Ý thức người tham gia giao thông hạn chế, người tham gia giao thông không tuân thủ, chấp hành hiệu lệnh, biển báo.
- Tai nạn giao thông làm hư hại thậm chí gây chết người.

■ Sự cố rò rỉ, tràn dầu:

Các thiết bị lưu chứa nhiên liệu có thể không đảm bảo, dầu có thể rò rỉ ra ngoài. Ngoài ra, chất thải do vệ sinh định kỳ và duy tu các kết cấu, bảo dưỡng máy móc, giặt lau máy dính dầu... Nếu không được kiểm soát tốt sẽ là nguồn gây ô nhiễm môi trường nước. Ngoài ra, tràn dầu có thể xảy ra do các sự cố va chạm giữa các tàu với sà lan neo đậu. Thậm chí có thể xảy ra chìm tàu thuyền, dầu tràn nhanh chóng lan tỏa ra xung quanh theo chiều nước chảy trong vòng bán kính từ 1 đến 5 cây số tùy theo lượng dầu tràn. Sự cố tràn dầu trên biển thường làm nguồn nước ô nhiễm ảnh hưởng trực tiếp đến các loài động thực vật thủy sinh.

■ Rủi ro, sự cố do công trình xuống cấp:

- Hệ thống cầu cảng được đặt lộ thiên nếu không được bảo dưỡng hoặc hoạt động không liên tục có thể bị xuống cấp.
- Hệ thống kè gầm bến, đê chắn sóng... nếu không được duy tu, bảo dưỡng có

Handwritten signature

thể chịu tác động của sóng, dòng chảy, độ mặn của nước biển dẫn đến xuống cấp.

- Các cơ sở hạ tầng, kho bãi, đường giao thông nội bộ, ngoài cảng nếu không được duy tu, bảo dưỡng cũng bị xuống cấp.

■ **Sự cố cháy nổ:**

- Chập điện do điều kiện thời tiết bất lợi.

- Sử dụng các thiết bị điện không đảm bảo công suất, vượt quá khả năng chịu tải.

- Do hệ thống điện không được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.

■ **Rủi ro, sự cố thiên tai:**

- Rủi ro sự cố do mưa bão: sự cố do mưa bão với cường độ lớn sẽ ảnh hưởng đến cơ sở:

+ Ảnh hưởng tới hệ thống thoát nước mưa, nước thải của khu vực cơ sở gây quá tải hoặc tràn lượng nước thải ra khu vực lân cận.

+ Ảnh hưởng đến việc vận hành cầu cảng, hệ thống kho bãi, trạm biến áp... gây thiệt hại về kinh tế cho Cơ sở.

+ Ảnh hưởng tới các hạng mục công trình gây giảm sút chất lượng hoặc xuống cấp các hạng mục công trình.

■ **Rủi ro từ hệ thống xử lý nước thải:** Quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải công nghiệp của Cơ sở có thể tiềm ẩn các rủi ro sự cố như:

- Chất lượng nước đầu ra không đạt Quy chuẩn cho phép.

- Hư hỏng hệ thống điện do cháy nổ, mưa bão...

- Tắc nghẽn hệ thống đường ống.

■ **Rủi ro từ hệ thống xử lý khí thải:** Quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải có thể tiềm ẩn các rủi ro sự cố như:

- Chất lượng khí thải đầu ra không đạt Quy chuẩn cho phép.

- Hư hỏng hệ thống điện do cháy nổ, mưa bão...

- Tắc nghẽn, rò rỉ đường ống; túi vải lọc bụi bị hư hỏng...

5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

5.2.1. Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại Cơ sở.

■ **Sự cố do va chạm, chìm tàu vận chuyển gây tràn dầu:** Khu vực cảng Quốc tế Vĩnh Tân sẽ có nhiều loại hình tàu thuyền hoạt động. Do đó, để tránh những rủi ro đáng tiếc xảy ra, các tàu và sà lan vận chuyển hàng hóa ra vào cảng phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về luật giao thông đường biển và đảm bảo:

- Không chở hàng quá tải trọng cho phép.

- Nạo vét duy tu luồng tàu, vũng quay tàu để đảm bảo độ rộng, độ sâu cho tàu ra vào cảng thuận lợi.

- Phổ biến hành trình, giờ cập bến cảng của các tàu chở hàng đến cộng đồng ngư dân địa phương để giảm thiểu việc va chạm không đáng có.

- Quay trở tàu, sà lan đúng kỹ thuật trong phạm vi vũng quay tàu.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì hệ thống đèn pha, đèn báo, trang bị sẵn các thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế khi gặp sự cố.

- Thường xuyên theo dõi các thông báo của Cục Hàng hải Việt Nam để biết

Handwritten signature

những thay đổi về tuyến luồng quy định.

- Thường xuyên theo dõi dự báo khí tượng thủy văn để sắp xếp lịch trình tàu, sà lan cho phù hợp.

- Cảng sẽ bố trí các phao phân luồng và biển báo hiệu, đèn báo hiệu tại các vũng tàu, sà lan để tránh các ghe, tàu nhỏ vào khu vực có chướng ngại vật nguy hiểm.

- Khi xảy ra va chạm giữa các tàu vận chuyển vấn đề đáng ngại nhất là lượng dầu nhiên liệu trên các tàu có tải trọng lớn sẽ đổ ra biển. Mỗi khi xảy ra sự cố nghiêm trọng lượng dầu này có thể đổ ra biển gây ô nhiễm môi trường. Do vậy, kế hoạch phòng ngừa và ứng phó kịp thời sự cố tràn dầu sẽ được xây dựng và triển khai nghiêm túc trong quá trình hoạt động cảng. Một số nội dung chính của kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được trình bày như sau:

- + Tất cả các tàu thuyền hoạt động trên vùng sông, vùng biển của Việt Nam đều phải tuân theo quy định về trang thiết bị an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

- + Thành lập Ban ứng phó sự cố tràn dầu trực thuộc Công ty Cổ phần cảng Quốc tế Vĩnh Tân để phối hợp với các đơn vị chuyên trách của Nhà nước Và UBND địa phương trong ứng phó sự cố tràn dầu.

- + Phối hợp với các Trung tâm ứng cứu sự cố tràn dầu (thuộc Ủy ban phòng chống cứu nạn quốc gia) tại khu vực miền Trung (đóng tại Đà Nẵng) và miền Nam (đóng tại Vũng Tàu) trong công tác lập kế hoạch hành động ứng cứu sự cố tràn dầu, huấn luyện cán bộ triển khai các hoạt động ứng cứu khi xảy ra sự cố tràn dầu ở khu vực cảng và vùng lân cận.

- + Phương án, kế hoạch cụ thể cho công tác ứng cứu sự cố tràn dầu sẽ được trình cơ quan có thẩm quyền (UBND tỉnh Bình Thuận) theo các quy định pháp luật hiện hành.

■ Sự cố rò rỉ nhiên liệu:

- Quy định các tàu thuyền không chuyên chở hàng hóa vượt trọng tải quy định. Các tàu thuyền khi neo đậu tại Cảng không được xả chất thải rắn và chất thải súc rửa tàu trực tiếp xuống biển. Kết hợp với chính quyền địa phương kiểm tra trật tự - an ninh xã hội và các tệ nạn khi tập trung một lượng lớn tàu thuyền và người trên tàu thuyền tại đây.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ để thu gom toàn bộ rác thải, dầu nhớt để đưa đến nơi tập trung rác, dầu nhớt, chất thải để xử lý.

- Các tàu thuyền vận chuyển, mua bán xăng dầu, nhớt tại bến cảng, trên biển phải là các tàu chuyên dụng đã được cơ quan chức năng cấp phép. Chủ các tàu thuyền phải trang bị đầy đủ dụng cụ và tổ chức thu gom toàn bộ rác thải, dầu nhớt, có phương án phòng, chống rò rỉ dầu, cháy nổ, tràn dầu được cơ quan chức năng phê duyệt.

■ Tai nạn lao động:

- Bố trí các phao tiêu gần khu vực luồng tàu vào cảng: Để đảm bảo an toàn giao thông và hướng dẫn tàu thuyền ra vào bến ngày và đêm cần bố trí hệ thống các phao tiêu báo hiệu chỉ dẫn cho tàu. Các phao báo hiệu được đặt tại khu nước trước bến.

- Không chế khối lượng hàng hóa, nguyên vật liệu cần chở không vượt quá tải trọng cho phép của tàu, sà lan.

- Công nhân vận hành của các tàu, sà lan phải luôn luôn điều hành tàu, phà đúng tuyến luồng quy định, thường xuyên quan sát và phát hiện các chướng ngại vật để dịch chuyển luồng tàu chạy cho thích hợp. Khi vận hành tàu ban đêm thì phải có hệ thống đèn pha để có thể phát hiện và tránh những chướng ngại vật đồng thời phải trang bị các đèn báo hiệu để các ghe tàu khác có thể nhìn thấy.

- Việc neo đậu tàu, thuyền tại bến cần phải trang bị và thắp sáng các đèn báo hiệu vào ban đêm để tránh va chạm với các tàu khác khi lưu thông qua khu vực này.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị cứu hộ, cứu nạn để có thể ứng phó kịp thời nếu trong trường hợp xảy ra sự cố.

■ **Sự cố cháy nổ:**

- Đối với hoạt động khai thác và vận chuyển tại bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân thì công tác phòng cháy chữa cháy là không thể thiếu và đặc biệt nghiêm trọng. Công tác an toàn phòng cháy chữa cháy trong khu vực phải tuyệt đối tuân thủ đúng quy tắc về phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định của Việt Nam.

- Mọi hoạt động của các phương tiện bốc xếp tuân theo nội quy về an toàn cháy nổ, an toàn lao động. Các tàu chỉ được dùng dây cáp bọc cách ly tránh tạo ra tia lửa.

- Trang bị hệ thống phòng chống cháy, nổ tại khu vực bến Cảng:

+ Hệ thống nước chữa cháy: hệ thống cung cấp nước chữa cháy áp lực cao độc lập sẽ được trang bị cho Cảng.

+ Lắp đặt hệ thống phát hiện và báo cháy, hệ thống mạch vòng cấp nước chữa cháy; hệ thống xả tràn; hệ thống bọt chữa cháy cố định; các thiết bị chữa cháy xe đẩy, xách tay.

+ Hệ thống điện: trang bị hệ thống báo cháy.

■ **Công trình xuống cấp:**

- Thường xuyên kiểm tra chất lượng công trình để kịp thời có phương án sửa chữa khi công trình bị xuống cấp, hư hỏng.

- Duy tu, bảo dưỡng các trang thiết bị máy móc định kỳ.

- Gia cố, tu bổ những vị trí có nguy cơ sạt lở.

■ **Sự cố nước thải:**

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải hằng ngày.

- Thực hiện lấy mẫu giám sát chất lượng nước thải sau xử lý để đánh giá hiệu quả xử lý hệ thống xử lý nước thải và có biện pháp khắc phục ngay khi có sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ; bảo đảm vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thu gom nước thải, hồ ga lắng nước thải trên tuyến mương thu gom về hệ thống xử lý nước thải.

- Trang bị thiết bị dự phòng cần thiết (bơm, máy thổi khí...) để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

■ **Sự cố khí thải:**

- Bố trí cán bộ có chuyên môn vận hành, theo dõi hoạt động của thiết bị lọc bụi.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của thiết bị lọc bụi và thực hiện bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị.

Thư

- Dự phòng các thiết bị dễ hư hỏng như quạt hút, túi lọc, van giữ bụi... để thay thế trong trường hợp hư hỏng đột xuất.

- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân tại hệ thống không chế ô nhiễm để kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra.

5.2.2. Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại Cơ sở.

Từ đầu năm 2025 đến nay, Cơ sở chưa xảy ra sự cố môi trường nào. Tuy nhiên Công ty đưa ra các giải pháp ứng phó nhằm đáp ứng kịp thời nếu có sự cố xảy ra, cụ thể như sau:

- *Ứng phó sự cố tai nạn lao động:* Trên nguyên tắc phòng ngừa tai nạn lao động là chính, nhưng thực tế trong trường hợp có xảy ra tai nạn lao động, Công ty cũng phải có biện pháp cấp cứu kịp thời. Khi xảy ra tai nạn, tổ chức sơ cứu tại hiện trường, sau đó nhanh chóng đưa người bị tai nạn đến bệnh viện điều trị. Ngoài ra, phải trang bị tủ thuốc cá nhân để sơ cứu.

- *Ứng phó sự cố cháy nổ:* Khi có sự cố cháy nổ xảy ra người quản lý sẽ có nhiệm vụ xác định nhanh điểm xảy ra cháy, nhấn nút chuông của hệ thống báo cháy, hướng dẫn mọi người rời khỏi vị trí cháy nổ, cúp cầu dao điện ngay khi có thể, sử dụng các dụng cụ có sẵn (bình chữa cháy, thùng cát, bể nước) để dập tắt lửa và thông báo ngay cho công an PCCC bằng cách bấm gọi 114, sử dụng vòi chữa cháy và lăng trụ phun nước thì nhanh chóng kéo vòi và phun vào đám cháy để kịp thời dập tắt đám cháy và di chuyển các tài sản hàng hóa lưu động và các chất dễ cháy ra nơi an toàn.

- *Ứng phó sự cố tràn dầu, nước thải, khí thải:* Người phát hiện sự cố thông báo cho Trưởng Ban chỉ đạo và Đội trưởng đội ứng phó sự cố. Báo cáo rõ ràng, chính xác tình hình sự cố. Ban chỉ đạo đưa ra phương án, kế hoạch và phân công nhiệm vụ ứng phó sự cố theo mức độ ảnh hưởng của sự cố. Đồng thời, thông báo cho các cơ quan chức năng và đơn vị có liên quan. Đội trưởng/ Đội phó đội ứng phó sự cố tiếp nhận phương án ứng phó từ Ban chỉ đạo, trực tiếp điều hành xử lý sự cố. Quan sát, nắm bắt tình hình thực tế và báo cáo Ban chỉ đạo. Thành viên đội ứng phó sự cố triển khai trang thiết bị ứng phó sự cố.

5.2.3. Báo cáo kết quả thực hiện công tác ứng phó sự cố tràn dầu năm 2025

Năm 2025, Cảng Quốc tế Vĩnh Tân không xảy ra sự cố tràn dầu nào. Tuy nhiên, nhằm đảm bảo xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra Công ty đã thực hiện các công việc như sau:

- Công ty đã ban hành Quyết định số 80/QĐ-VTIP ngày 28/04/2025 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo ứng phó sự cố tràn dầu và Đội ứng phó sự cố tràn dầu tại Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân.

- Công ty đã tham gia, phối hợp diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu cùng với Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường T.Đ.A tại khu vực cầu cảng Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân vào ngày 10/06/2025 và ngày 24/10/2025 để phòng ngừa ứng phó khi có sự cố tràn dầu xảy ra tại Cơ sở.

6. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

Trong quá trình hoạt động của Cơ sở không sử dụng các chất ô nhiễm khó phân

hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy. Do đó trong báo cáo không đề cập nội dung này.

7. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có)

Trong thời gian qua Cơ sở chưa có cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra đối với công tác bảo vệ môi trường. Do đó, trong nội dung báo cáo không đề cập đến nội dung này.

Phần 2. Tình hình thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH

Cơ sở hoạt động với ngành nghề bốc xếp hàng hóa cảng biển và vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; kho bãi và lưu giữ hàng hóa, không phải là đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH. Vì vậy, trong nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Cơ sở không đề cập đến nội dung này. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở, Công ty hợp đồng với Hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường Vĩnh Tân tới thu gom và xử lý. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH phát sinh tại Cơ sở, Công ty hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Khánh Hòa thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Phần 3. Tình hình quản lý phế liệu nhập khẩu

Cơ sở không sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu. Do vậy, trong nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Cơ sở không đề cập đến nội dung này.

Phần 4. Tình hình triển khai công tác cải tạo và phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản

Cơ sở không thuộc lĩnh vực khai thác khoáng sản làm nguyên liệu. Do vậy, trong nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Cơ sở không đề cập đến nội dung này.

Nơi nhận:

- Sở NN&MT Lâm Đồng (bc);
- UBND xã Vĩnh Hảo (bc);
- Lưu: VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUỐC TẾ VĨNH TÂN**



**PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN BÌNH DÂN**

Handwritten signature

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH LÂM ĐỒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3401086899

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 09 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 01 tháng 08 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUỐC TẾ VĨNH TÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH TAN INTERNATIONAL PORT
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VTIP

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Hào, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Điện thoại: 0252 385 69 68

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ: 369.900.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi chín tỷ chín trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 36.990.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: PHAN LÊ HOÀNG

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 13/11/1991

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 001091016666

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ liên lạc: P1603 - 83B Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Võ Hải Bình

Số: 20 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân” tại xã Vĩnh Tân,
huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Cảng tổng hợp Vĩnh Tân” tại xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận họp ngày 04 tháng 10 năm 2018;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân” tại xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Công văn số 283/CV-VTIP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân;

Xét đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bình Thuận;
- Sở TN&MT tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT (03). HH (10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân



Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân”

Địa điểm: xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

(Kèm theo Quyết định số 20 /QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 01 năm 2020
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

- Tên dự án: Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân
- Đại diện công ty: Ông Phan Lê Hoàng; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Nguồn vốn: Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân và vốn vay từ ngân hàng thương mại.
- Loại hình dự án: Công trình cảng biển - cấp I.
- Quy mô dự án: Tổng diện tích của Dự án là 141,34 ha (gồm đất bến cảng và hậu cần cảng 51,34 ha; đất mặt nước 90,0 ha), bao gồm:
 - Các hạng mục, công trình chính của dự án:
 - + Cầu cảng số 1, số 2 cho tàu 50.000 DWT với kích thước 450,0 m x 26,75 m (bao gồm 02 trụ neo bờ cho tàu 50.000 DWT).
 - + Cầu cảng cho tàu 3.000DWT, kích thước 18,0 m x 120,0 m.
 - + Đê chắn sóng phía Tây Nam dài khoảng 220,0 m; đê chắn sóng phía Đông dài khoảng 580,0 m kết hợp 03 cầu cảng cho tàu 3.000 DWT.
 - + 06 phao báo hiệu hàng hải.
 - + Kè bảo vệ bờ với tổng chiều dài 2.457,0 m.
 - + Nạo vét luồng tàu và vũng quay tàu và dùng vật chất nạo vét làm vật liệu san nền với khối lượng khoảng 1.761.384 m³.
 - + Các công trình trên bờ gồm: Khu vực bãi chứa hàng; kho hàng; khu văn phòng; xưởng bảo dưỡng sửa chữa cơ khí; đường giao thông nội bộ; hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải.
 - + San lấp khu đất dự án công nghiệp với diện tích khoảng 29,43 ha.
 - Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường
 - + Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt.
 - + Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với công suất xử lý 30 m³/ngày.đêm, nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A; K=1,0) trước khi xả ra biển; bể sơ bộ trạm xử lý nước thải sinh hoạt với dung tích 60 m³.
 - + Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp có công suất xử lý 50 m³/ngày.đêm, nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A với K_q=1,0; K_f=1,2) trước khi xả ra biển; bể sơ bộ trạm xử lý nước thải công nghiệp với dung tích 100 m³.

+ Kho lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích 32,0 m²; kho tập kết chất thải rắn sinh hoạt với diện tích 16,0 m².

+ Cây xanh với tổng diện tích khoảng 5.967 m²; hệ thống ứng phó sự cố tràn dầu.

- Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường:

+ Các hạng mục, hoạt động đã thực hiện theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 698/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: cầu cảng cho tàu 3.000DWT, kích thước 18,0 m x 120,0 m; 06 phao báo hiệu hàng hải; kè bảo vệ bờ với tổng chiều dài 2.457,0 m; nạo vét luồng tàu và vũng quay tàu và dùng sản phẩm nạo vét làm vật liệu san nền; khu vực bãi chứa hàng; kho hàng; khu văn phòng; xưởng bảo dưỡng sửa chữa cơ khí; đường giao thông nội bộ; hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; san lấp khu đất dự án công nghiệp với diện tích khoảng 29,43 ha.

+ Hoạt động khai thác nguyên, vật liệu phục vụ xây dựng Dự án.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: bụi; ồn; chất thải xây dựng, chất thải sinh hoạt; tác động đến hoạt động giao thông; tác động tới môi trường nước biển ven bờ do hoạt động nạo vét luồng tàu và vũng quay tàu.

- Trong giai đoạn vận hành: nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; tác động do hoạt động xả nước thải và hoạt động nạo vét, duy tu định kỳ luồng tàu và vũng quay tàu.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Trong giai đoạn thi công

+ Nước thải sinh hoạt từ 150 công nhân thi công trên công trường, khoảng 12 m³/ngày.đêm.

+ Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị, dụng cụ thi công khoảng 7,75 m³/ngày.đêm.

- Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 10 m³/ngày.đêm; nước thải công nghiệp phát sinh lớn nhất khoảng 20 m³/ngày.đêm.

- Trong giai đoạn vận hành thương mại:

+ Nước thải sinh hoạt khoảng 30 m³/ngày.đêm.

+ Nước thải công nghiệp khoảng 50 m³/ngày.đêm.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Trong giai đoạn thi công: bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị thi công, san lấp mặt bằng khu vực bến cảng.

- Trong giai đoạn vận hành thương mại: khí thải phát sinh từ các hoạt động giao thông của các phương tiện ra vào bến cảng; bụi và khí thải phát sinh từ hoạt

động bốc dỡ và vận chuyển hàng hoá tại cầu cảng; bụi và khí thải của các tàu thuyền ra vào khu vực bến cảng.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

- Trong giai đoạn thi công: chất thải sinh hoạt khoảng 75 kg/ngày.đêm.

- Trong giai đoạn vận hành: chất thải sinh hoạt tối đa khoảng 145 kg/ngày.đêm; bùn từ 02 trạm xử lý nước thải khoảng 72,8 kg/ngày; vật liệu nạo vét từ hoạt động duy tu luồng tàu - vũng quay tàu khoảng 45.000 m³/lần nạo vét (3 năm tiến hành nạo vét 01 lần).

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Trong giai đoạn thi công: Dầu DO khoảng 960 lít/năm và khoảng 126 kg/năm chất thải nguy hại khác.

- Trong giai đoạn vận hành thương mại: chất thải nguy hại phát sinh khoảng 2000 - 3.000 kg/năm; dầu nhớt khoảng 2.500 lít/năm.

2.6. Quy mô, tính chất của các tác động khác

Tác động đến bồi lắng do hoạt động nạo vét duy tu luồng tàu - vũng quay tàu; tác động đến chất lượng nước biển khu vực ven bờ xã Vĩnh Tân do hoạt động xả thải.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Trong giai đoạn thi công:

+ 04 nhà vệ sinh lưu động trên công trường.

+ Nước thải xây dựng được dẫn vào các hố lắng và tách dầu sau đó được sử dụng để tưới ẩm khu vực nền bãi của bến cảng.

+ Nước vệ sinh tàu thuyền vận chuyển hàng hoá từ khu vực bến 3.000 DWT, nước dẫn tàu sẽ do các chủ phương tiện thực hiện thu gom và xử lý, không được phép thải xuống lưu vực.

+ Nước rò rỉ từ quá trình nạo vét vật chất từ luồng tàu - vũng quay tàu để san lấp nền sẽ chảy về các hố lắng trước khi thoát trở lại vùng biển với 2 hố lắng với dung tích tối thiểu 7,5 m³/hố.

+ Khơi thông hệ thống mương thoát nước mưa xung quanh khu vực thi công thường xuyên, dọc tuyến thoát nước mưa bố trí song chắn rác; thực hiện che chắn và hạn chế vật liệu xây dựng rơi vãi trên công trường.

- Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại:

+ Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh trên toàn khu vực bến cảng được xử lý cục bộ qua bể tự hoại, sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K=1) trước khi xả thải ra biển.

+ Nước thải công nghiệp phục vụ các quá trình rửa thiết bị, vệ sinh container, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc được dẫn về trạm xử lý nước thải công nghiệp để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A với K_q=1,0; K_f=1,2) trước khi xả ra biển.

Phương án xả nước thải: xả thải liên tục với lưu lượng xả tối đa 80 m³/ngày.đêm cho cả 02 hệ thống xử lý; xả thải tại 01 vị trí ra khu vực phía biển xã Vĩnh Tân. Trong trường hợp nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu sẽ dẫn về 02 bể sự cố với tổng dung tích 160 m³ (60 m³ cho nước thải sinh hoạt và 100 m³ cho nước thải công nghiệp) để lưu chứa và tái xử lý.

+ Nước vệ sinh tàu thuyền vận chuyển hàng hoá từ khu vực bến cảng, nước dẫn tàu sẽ do các chủ phương tiện thực hiện thu gom và xử lý, không được phép thải xuống lưu vực.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Trong giai đoạn thi công:

+ Các khu vực tạm chứa vật liệu xây dựng trên công trường được che chắn bằng tường tạm (ván, gỗ, hoặc tôn) và được đặt cuối hướng gió. Khu vực san lấp nền và khu vực thi công được tưới nước đều đặn với tần suất tối thiểu 2 lần/ngày.

+ Các phương tiện chuyên chở vật liệu thi công đều phải đạt các tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm Việt Nam; che phủ bạt kín khi vận chuyển, không để rơi rớt vật liệu; không chở hàng hóa quá tải trọng cho phép.

+ Các phương tiện, máy móc thi công cơ giới trên công trường đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm Việt Nam; bố trí thời gian thi công phù hợp, tưới nước giảm bụi; che chắn khu vực thi công, trang bị bảo hộ lao động.

- Trong giai đoạn vận hành

+ Bố trí hợp lý cây xanh trong khu vực bến cảng; phân luồng giao thông nội bộ hợp lý; quy định tốc độ xe chạy; quét dọn và tưới đường thường xuyên.

+ Định kỳ kiểm tra các phương tiện, máy móc trên cảng; trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên.

+ Tại khu vực tập kết tạm rác thải, các thùng chứa rác thải sẽ được vệ sinh và phun enzym khử mùi định kỳ; nước vệ sinh rửa sàn sẽ dẫn về trạm xử lý nước thải của bến cảng để xử lý.

+ Có trách nhiệm và phối hợp cùng với các đơn vị xuất tro bay, xuất nhập hàng rời và các đơn vị có liên quan khác trong việc quản lý và thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu bụi khi thực hiện xuất, nhập hàng hóa qua cảng.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt

- Trong giai đoạn thi công: Toàn bộ chất thải sinh hoạt tại công trường sẽ được thu gom bởi 10 thùng chứa rác loại 150 lít, có nắp đậy và chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Toàn bộ rác sinh hoạt sẽ được thu gom và tiến hành phân loại tại nguồn; rác thải thu gom và chứa trong các thùng chứa chuyên dụng 10 thùng loại 150 lít. Hàng ngày, rác thải được thu gom về khu vực tập kết tạm rác thải có diện tích 16,0 m² kết hợp phun enzym khử mùi và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Bùn dư phát sinh từ 02 trạm xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp sẽ thuê đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

+ Toàn bộ vật chất nạo vét duy tu định kỳ luồng tàu - vũng quay tàu (3 năm tiến hành nạo vét 1 lần) sẽ được bơm lên mặt bằng cảng Quốc tế Vĩnh Tân và được quản lý, giám sát theo đúng quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Trong giai đoạn thi công: Các loại chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu trữ trong 05 thùng chứa chất thải (có nắp đậy kín), đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường và có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để chuyển giao xử lý theo quy định.

- Trong giai đoạn vận hành: Kho lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 32 m² gồm 4 ngăn với 05 thùng chứa chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

- Trong giai đoạn thi công: sử dụng máy móc, phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, có mức âm và độ rung thấp, bố trí thời gian thi công hợp lý.

- Trong giai đoạn vận hành: xây dựng nội quy, quy chế ra vào khu vực bến cảng; các thiết bị, máy móc trạm xử lý nước thải sinh hoạt, trạm xử lý nước thải công nghiệp được bảo trì, bảo dưỡng theo định kỳ.

- Phối hợp với cơ quan quản lý Nhà nước để ngăn ngừa các hành vi đánh bắt các loài thủy hải sản tại khu vực; nghiêm cấm xả rác, thải nước bẩn xuống vùng biển; xây dựng các hạng mục công trình và nạo vét luồng tàu - vũng quay tàu theo đúng phạm vi được cơ quan chức năng quy định.

- Tuân thủ đúng các quy định về hành lang an toàn đường biển; cấp phép khai thác và xả nước thải vào nguồn nước; phối hợp với các đơn vị có chức năng để đảm bảo an toàn giao thông.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Bố trí 02 bể sự cố cho 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và công nghiệp: bể 60 m³ ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và bể sự cố 100 m³ cho hệ thống xử lý nước thải công nghiệp)

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, cháy nổ theo quy định của pháp luật; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan để phòng chống, khắc phục các sự cố do tai nạn giao thông của tàu thuyền và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai Dự án.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Công trình bảo vệ môi trường chính:

+ Hệ thống thu gom và thoát nước mưa; hệ thống thu gom và thoát nước thải.

+ Khu vực chứa chất thải thông thường; khu vực chứa chất thải nguy hại;

+ 02 trạm xử lý nước thải với công suất trạm xử lý nước thải sinh hoạt là 30 m³/ngày.đêm và nước thải công nghiệp là 50 m³/ngày.đêm; 02 bể sự cố hệ thống xử lý nước thải với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt là 60 m³ và hệ thống xử lý nước thải công nghiệp là 100 m³.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

- Giám sát nước thải sinh hoạt
 - + Tần suất: 03 tháng/lần
 - + Vị trí giám sát: 2 điểm giám sát tại khu vực lán trại công nhân.
 - + Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, TSS, TDS, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, Tổng Coliform.
 - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột A).
- Giám sát nước thải xây dựng
 - + Tần suất: 03 tháng/lần
 - + Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực tập kết nguyên vật liệu, trộn bê tông
 - + Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng dầu mỡ khoáng.
 - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A với K_q=1,0; K_f=1,2).
- Giám sát chất thải rắn:
 - + Tần suất: 03 tháng/lần
 - + Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực bãi tập kết chất thải của Dự án
 - + Chỉ tiêu giám sát: khối lượng chất thải sinh hoạt, khối lượng chất thải công nghiệp, khối lượng chất thải nguy hại.
- Giám sát môi trường không khí:
 - + Tần suất: 06 tháng/lần
 - + Vị trí giám sát: Tổng cộng 4 vị trí (1 điểm giám sát tại tuyến kè; 1 điểm giám sát tại khu vực nhà điều hành văn phòng; 1 điểm tại khu vực tập kết nguyên vật liệu, trộn bê tông; 1 điểm tại chân hàng rào của dự án giáp khu dân cư).
 - + Chỉ tiêu giám sát: Tổng bụi lơ lửng, SO₂, NO₂, CO.
 - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT.
- Giám sát chất lượng nước biển ven bờ:
 - + Tần suất: 06 tháng/lần;
 - + Vị trí giám sát: 2 điểm tại khu vực dự án (1 điểm khu vực xây dựng cầu cảng hoặc đê/kè; 1 điểm ven bờ).
 - + Chỉ tiêu giám sát: pH, DO, TSS, Amoni, Phosphat, Sắt, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.
 - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 10-MT:2015/BTNMT (chất lượng nước biển vùng biển ven bờ - vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh).
- Giám sát chất lượng trầm tích:
 - + Tần suất: 12 tháng/lần;
 - + Vị trí giám sát: 01 điểm (khu vực ven bờ).
 - + Chỉ tiêu giám sát: Asen, Cadimi, Chì, Crom, Đồng, Kẽm, Thủy ngân, tổng Hydrocacbon.
 - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 43:2012/BTNMT (trầm tích nước mặn, nước lợ).

5.2. Chương trình giám sát môi trường khi dự án đi vào vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng.

- Giám sát nước thải sinh hoạt:

+ Tần suất: theo quy định về giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

+ Vị trí giám sát: các bể xử lý của trạm xử lý nước thải.

+ Chỉ tiêu giám sát:

Tại bể gom và bể chứa nước thải sau xử lý: Lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, TDS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Phosphat, Dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng coliforms.

Tại bể lắng: BOD₅, TSS, TDS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Phosphat, Dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt.

Tại bể khử trùng: Tổng coliforms.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1).

- Giám sát nước thải công nghiệp:

+ Tần suất: theo quy định về giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

+ Vị trí giám sát: các bể xử lý của trạm xử lý nước thải.

+ Chỉ tiêu giám sát:

Tại bể gom và bể chứa nước thải sau xử lý: Lưu lượng, Màu, pH, BOD₅, COD, TSS, Sunfua, Amoni, Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliforms.

Tại bể lắng: BOD₅, COD, TSS, Sunfua, Amoni, Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ khoáng.

Tại bể khử trùng: Coliforms.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A với K_q=1,0 và K_f=1,2).

- Giám sát chất thải rắn:

+ Tần suất: 01 tháng /lần.

+ Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa chất thải tạm.

+ Chỉ tiêu giám sát: khối lượng chất thải sinh hoạt; khối lượng chất thải công nghiệp; khối lượng chất thải nguy hại.

5.3. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thương mại.

- Giám sát nước thải sinh hoạt

+ Tần suất: 03 tháng/lần

+ Vị trí giám sát: 1 điểm tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

+ Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, TDS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Phosphat, Dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng coliforms.

- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1).
- Giám sát nước thải công nghiệp
- + Tần suất: 3 tháng/lần.
- + Vị trí giám sát: 1 điểm giám sát sau hệ thống xử lý nước thải công nghiệp.
- + Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, màu, pH, BOD₅, COD, TSS, Sunfua, Amoni, Tổng N, Tổng P, tổng dầu mỡ khoáng, Coliforms.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A với K_q=1 và K_f= 1,2).
- Giám sát chất thải rắn
- + Tần suất: 03 tháng /lần
- + Vị trí giám sát: khu vực lưu chứa chất thải tạm.
- + Chỉ tiêu giám sát: khối lượng chất thải sinh hoạt, khối lượng chất thải công nghiệp, khối lượng chất thải nguy hại.
- Giám sát khác:
- + Giám sát chất lượng không khí:
- Tần suất: 06 tháng/lần
- Vị trí giám sát: 03 điểm (1 điểm giám sát tại khu vực cầu cảng bốc xếp hàng rời, 1 điểm giám sát tại khu hành chính, 1 điểm tại khu vực hàng rào của dự án giáp khu dân cư).
- Chỉ tiêu giám sát: Tổng bụi lơ lửng, khí SO₂, NO₂, CO, tiếng ồn, rung.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT.
- + Giám sát chất lượng nước biển ven bờ:
- Tần suất: 06 tháng/ 01 lần
- Vị trí giám sát: 1 điểm (tại luồng tàu).
- Chỉ tiêu giám sát: pH, DO, TSS, Amoni, Phosphat, Sắt, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 10-MT:2015/BTNMT.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường.

6.1. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận, Ban quản lý Khu bảo tồn biển Hòn Cau và các Chủ dự án thuộc Trung tâm điện lực Vĩnh Tân xác định, cắm mốc giới phạm vi thi công để hạn chế tối đa các ảnh hưởng đến hệ sinh thái của Khu bảo tồn biển Hòn Cau và các dự án thuộc Trung tâm điện lực Vĩnh Tân.

- Giám sát và quản lý chặt chẽ lực lượng thi công nhằm ngăn chặn các hiện tượng săn bắt sinh vật biển và các hành vi trái phép xâm hại Khu bảo tồn biển Hòn Cau.

- Thực hiện việc đổ thải đất, đá thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

- Thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn phát sinh bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình để giảm thiểu ô nhiễm bụi, chất lượng nước mưa chảy tràn, bồi lắng, úng ngập do việc thực hiện Dự án. Không được thực hiện các hoạt động phá dỡ tàu cũ, sửa chữa và súc rửa tàu trong phạm vi cảng.

- Có các biện pháp phù hợp nhằm giảm thiểu tác động của Dự án tới các hoạt động giao thông đường bộ, giao thông đường thủy; có biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện dự án.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng bảo tồn các hệ sinh thái và xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường do các hoạt động của Dự án gây ra.

- Có biện pháp quản lý đội ngũ cán bộ, lực lượng lao động nhằm ngăn chặn các hành vi xâm hại tài nguyên biển; phối hợp với các cơ quan có chức năng hướng dẫn các đơn vị kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi Dự án tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

6.2. Các điều kiện kèm theo:

- Tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng.

- Áp dụng các giải pháp thi công tiên tiến, hiện đại trong quá trình thực hiện Dự án để hạn chế tối đa tác động xấu đến chất lượng nước biển ven bờ và khu bảo tồn biển Hòn Cau.

- Thiết kế và xây dựng hạng mục kè chắn đảm bảo hạn chế tối đa các thay đổi tới chế độ thủy thạch động lực tự nhiên của khu vực, đặc biệt là chế độ dòng chảy ven bờ, tác động đến quá trình lầy, xả nước làm mát của các Dự án nhiệt điện thuộc Trung tâm điện lực Vĩnh Tân; chỉ được phép thi công xây dựng sau khi có ý kiến chấp thuận của cơ quan chức năng về hạng mục này.

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, giao biển, cho phép lấn biển theo các quy định pháp luật hiện hành.

- Chỉ được phép triển khai nạo vét, vận chuyển, đổ vật chất nạo vét theo đúng địa điểm, diện tích, hướng tuyến, độ sâu, chuẩn tắc thiết kế được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận; tuân thủ nghiêm các yêu cầu về an toàn trong thiết kế được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Quản lý chặt chẽ chất thải từ các tàu thuyền ra vào cảng; thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn, trật tự, vệ sinh môi trường tại cảng; phòng, chống cháy, nổ; phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo các quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số

điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, cháy nổ theo quy định của pháp luật; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan để phòng chống, khắc phục các sự cố do tai nạn giao thông của tàu thuyền và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai Dự án, trong đó có hoạt động nạo vét, vận chuyển vật, chất nạo vét.

- Chỉ được đưa Dự án vào hoạt động sau khi hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường; lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo tồn đa dạng sinh học; tài nguyên, môi trường biển; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về xây dựng, phòng cháy chữa cháy, rà phá bom mìn, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 333 /GPMT-BNNMT

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 224/CV-VTIP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân” tại thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân, địa chỉ tại thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân tại thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3401086899 do Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký lần đầu ngày 05/9/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 01/8/2025.

1.4. Mã số thuế: 3401086899.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cảng biển, xuất nhập hàng hóa, kho bãi và lưu trữ hàng hóa tổng hợp qua đường thủy.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Nghị định số

08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

- Diện tích: 141,34 ha (gồm đất bến cảng và hậu cảng 51,34 ha, trong đó đất xây dựng công trình là 19,71 ha và 31,63 ha đất trống dự kiến làm dự án công nghiệp; đất mặt nước và công trình thủy 90 ha).

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Cầu cảng số 1, cầu cảng số 2 có khả năng tiếp nhận tàu đến 50.000 DWT, chiều dài bến 450 m;

+ Cầu cảng cho tàu công vụ kết hợp có khả năng tiếp nhận tàu đến 3.000 DWT, chiều dài bến 120 m;

+ Công suất hàng hóa tổng hợp thông qua cảng là khoảng 5.055.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **7 năm.**

(Kể từ khi Giấy phép môi trường này được ban hành đến ngày ..21.. tháng ...8.... năm 2032).

Điều 4. Giao Cục Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Lâm Đồng (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng;
- Công Thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ NN&MT;
- Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân;
- Lưu: VT, MT/Đ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu nhà điều hành.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu nhà đa năng.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu nhà xưởng.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh công cộng.
- Nguồn số 05: Nước thải nhiễm dầu phát sinh từ khu xưởng bảo dưỡng sửa chữa cơ khí, rửa xe.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: khu vực ven biển thuộc thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°30' múi chiều 3°): X = 1251107, Y = 534384.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 80 m³/ngày (24 giờ).

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý tự chảy ra khu vực ven biển.
- Hình thức xả: Xả mặt, ven bờ.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q= 1, K_f=1,1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	Không	Không
2	Nhiệt độ	°C	40		

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
3	Tổng nito	mg/l	22	thuộc đối tượng	thuộc đối tượng
4	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	4,4		
5	Độ màu	Pt/Co	50		
6	TSS	mg/l	55		
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	33		
8	COD	mg/l	82,5		
9	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,5		
10	Sunfua	mg/l	0,22		
11	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5,5	thuộc đối tượng	thuộc đối tượng
12	Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3.000		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032 giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả ra nguồn tiếp nhận phải đáp ứng tại QCVN 40:2025/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh:

- Nước thải từ các nguồn phát sinh (nước thải sinh hoạt xử lý qua bể tự hoại 5 ngăn, nước thải nhiễm dầu) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 80 m³/ngày để xử lý trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình thiết bị xử lý sơ bộ nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Thoát ra biển.

- Công suất thiết kế: 80 m³/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Chlorine (hoặc các vật liệu, hóa chất tương đương, sử dụng với liều lượng phù hợp, bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ quy trình vận hành và bảo dưỡng máy móc, thiết bị; tập huấn cho công nhân vận hành về việc phòng ngừa, ứng phó sự cố, bố trí thiết bị dự phòng. Dự phòng các thiết bị dễ hư hỏng để kịp thời thay thế khi xảy ra sự cố.

- Theo dõi, giám sát, kiểm tra thường xuyên tình trạng vận hành của các hạng mục, công trình để nhanh chóng phát hiện sự cố bất thường và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Trường hợp chất lượng nước thải sau xử lý không đáp ứng yêu cầu, phải dừng ngay việc xả nước thải; kiểm tra, tìm kiếm lỗi phát sinh để thay thế, sửa chữa kịp thời, bảo đảm hệ thống xử lý nước thải vận hành ổn định, xử lý nước thải đạt yêu cầu trước khi xả thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý các nguồn nước thải phát sinh đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này ra môi trường.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI****VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Bụi từ thiết bị silo đứng 1.
- Nguồn số 02: Bụi từ thiết bị silo đứng 2.
- Nguồn số 03: Bụi từ thiết bị silo đứng 3.
- Nguồn số 04: Bụi từ thiết bị silo đứng 4.
- Nguồn số 05: Bụi từ thiết bị silo đứng 5.
- Nguồn số 06: Bụi từ thiết bị silo đứng 6.
- Nguồn số 07: Bụi từ thiết bị silo nằm 1.
- Nguồn số 08: Bụi từ thiết bị silo nằm 2.
- Nguồn số 09: Bụi từ thiết bị silo nằm 3.
- Nguồn số 10: Bụi từ thiết bị silo nằm 4.
- Nguồn số 11: Bụi từ thiết bị silo nằm 5.
- Nguồn số 12: Bụi từ thiết bị silo nằm 6.
- Nguồn số 13: Bụi từ thiết bị silo nằm 7.
- Nguồn số 14: Bụi từ thiết bị silo nằm 8.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói số 01 (xử lý bụi từ nguồn số 01, 02, 03), toạ độ vị trí xả thải: $X = 1250948$; $Y = 533918$
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói số 02 (xử lý bụi từ nguồn số 04, 05, 06), toạ độ vị trí xả thải: $X = 1250948$; $Y = 533921$
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống khói số 03 (xử lý bụi từ nguồn số 07, 08), toạ độ vị trí xả thải: $X = 1250942$; $Y = 533972$.
- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống khói số 04 (xử lý bụi từ nguồn số 09, 10), toạ độ vị trí xả thải: $X = 1251000$; $Y = 533957$
- Dòng khí thải số 05: Tương ứng với ống khói số 05 (xử lý bụi từ nguồn số 11, 12), toạ độ vị trí xả thải: $X = 1250997$; $Y = 533939$
- Dòng khí thải số 06: Tương ứng với ống khói số 06 (xử lý bụi từ nguồn số 13, 14), toạ độ vị trí xả thải: $X = 1250991$; $Y = 5339117$
- Dòng khí thải số 07: Tương ứng với ống khói số 07 (ống thải từ nguồn số 15), toạ độ

vị trí xả thải: $X = 1250991$; $Y = 5339117$.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân tại thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $3.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $3.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $9.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $9.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $9.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 06: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $9.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, Bảng 1, cột B, $K_p = 1$ và $K_v = 1$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng số 01, 02, 03, 04, 05, 06				
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	200	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải khi xả thải ra môi trường phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Từ nguồn số 01 đến nguồn số 03 được thu gom về thiết bị lọc bụi số 01 để xử lý.
- Từ nguồn số 04 đến nguồn số 06 được thu gom về thiết bị lọc bụi số 02 để xử lý.
- Từ nguồn số 07 đến nguồn số 08 được thu gom về thiết bị lọc bụi số 03 để xử lý.
- Từ nguồn số 09 đến nguồn số 10 được thu gom về thiết bị lọc bụi số 04 để xử lý.
- Từ nguồn số 11 đến nguồn số 12 được thu gom về thiết bị lọc bụi số 05 để xử lý.

- Từ nguồn số 13 đến nguồn số 14 được thu gom về thiết bị lọc bụi số 06 để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Số lượng: 06 thiết bị lọc bụi có quy trình công nghệ xử lý giống nhau.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Lọc bụi túi vải → Ống thải.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi vải lọc bụi.

- Công suất thiết kế:

+ Công suất thiết kế thiết bị lọc bụi số 1, số 2: 3.000 m³/giờ/thiết bị;

+ Công suất thiết kế thiết bị lọc bụi số 3, số 4, số 5, số 6: 9.000 m³/giờ/thiết bị;

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các công trình xử lý khí thải để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Tuân thủ quy trình vận hành máy móc, thiết bị; tập huấn cho công nhân vận hành về việc phòng ngừa, ứng phó sự cố; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc thiết bị của hệ thống xử lý khí thải; bố trí các thiết bị dự phòng (quạt hút) để kịp thời thay thế khi xảy ra sự cố.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố, dừng hoạt động sản xuất tại hệ thống có sự cố để kiểm tra, khắc phục và hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực nhà đặt máy phát điện dự phòng công suất 625 KVA.
- Nguồn số 02: Khu vực nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải công suất 80 m³/ngày.
- Nguồn số 03: Khu vực xưởng bảo dưỡng sửa chữa cơ khí.
- Nguồn số 04: Khu vực xuất nhập tro bay.
- Nguồn số 05: Khu vực bốc dỡ hàng tại khu cầu cảng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

Từ 6 giờ đến 22 giờ (dB)	Từ 22 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	60	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Các điểm tiếp xúc giữa máy móc và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH):**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bộ lọc dầu	15 01 02	52
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	12
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	346
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	490
Tổng khối lượng			900

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (ví dụ đá mài, giấy ráp...)	07 03 10	25
2	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	20
3	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	07 04 02	120
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	100
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	15
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	114
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 03	33
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	164
Tổng khối lượng			591

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải từ máy in của khu văn phòng	10
2	Các bao bì nhựa; pallet hỏng thải	180
3	Hàng hoá rơi vãi, hỏng hóc có lẫn đất, cát	300
Tổng khối lượng		490

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng **25 tấn/năm**.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Diện tích 32 m². Kho có mái che, tường bao quanh, nền bê tông, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy và bao bì.

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: Diện tích 16 m². Kho có mái che, tường bao quanh, nền bê tông, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng đựng có nắp đậy.

- Thùng đựng được để tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Theo Quyết định số 20/QĐ-BTNMT ngày 06/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân”, Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân đã hoàn thành các hạng mục công trình phục vụ sản xuất, bảo vệ môi trường của cơ sở, không còn hạng mục đầu tư, công trình sản xuất, công trình bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Máy phát điện dự phòng phải đảm bảo sử dụng nhiên liệu là dầu DO đạt tiêu chuẩn, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định.

2. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT) để có biện pháp quản lý phù hợp. Khu vực lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT). Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường và Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường theo quy định.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch về bảo vệ môi trường và các quy hoạch có liên quan.

5. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ
Số: *13*. /2025/HĐDV/VTIP-HTXVT

Về việc: Cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường
Địa điểm: Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- Căn cứ các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2025, tại Bình Thuận, chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUỐC TẾ VĨNH TÂN
Đại diện : Ông Phan Lê Hoàng Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Địa chỉ : Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
Điện thoại : (0252) 625 6869 Fax: (0252) 3856969
Mã số thuế : 3401086899

BÊN B : HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG VĨNH TÂN
Đại diện : Bà Trần Thị Sáu Chức vụ: Phó Giám đốc
(Theo Giấy uỷ quyền số 01-GUQ/HTX-VT do bà Mai Thị Thuận – Giám đốc Công ty ký ngày 01/10/2022)
Địa chỉ : Thôn Vĩnh Tiến, Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận
Điện thoại : 0364000605
GCN ĐK HTX : 4803B00009
Mã số thuế : 3400920825
Tài khoản : 4808 2010 01631 tại Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Tuy Phong

Bên A và Bên B sau đây gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Hai bên”.

Hai bên tại đây thỏa thuận ký Hợp đồng dịch vụ (sau đây gọi là “Hợp đồng”) này với những điều khoản và nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung công việc của Hợp đồng

- 1.1. Bên A đồng ý sử dụng và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường cho Bên A (sau đây gọi tắt là “Dịch vụ”) bao gồm nhưng không giới hạn các công việc như sau:
 - a. Thu gom rác thải của khu vực Trung tâm Dịch vụ tổng hợp Vĩnh Tân và Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân;
 - b. Vận chuyển và xử lý rác thải sau khi thu gom.
 - c. Các công việc khác liên quan.
- 1.2. Địa điểm cung cấp Dịch vụ: Các khu vực gồm (1) Khu nhà ở; (2) Khu nhà điều hành; và (3) các khu vực khác do Bên A chỉ định tại Trung tâm Dịch vụ tổng hợp Vĩnh Tân và Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân tại xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh

Bình Thuận.

1.3. Thời gian thực hiện Hợp đồng:

- a. Thời gian thu gom rác cố định là 03 lần/tuần (trong khung giờ từ 07 giờ đến 17 giờ) các ngày từ thứ 2, 4, 6; mỗi ngày 01 lần;
- b. Trường hợp Bên A có nhu cầu thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải ngoài thời gian cố định nêu tại Điểm a Khoản này, Bên A sẽ thông báo cho Bên B tới thu gom, vận chuyển (thông báo có thể được thực hiện bằng tin nhắn, điện thoại, email hoặc hình thức hợp lý khác). Trong vòng 4 (bốn) tiếng kể từ thời điểm nhận thông báo của Bên A, Bên B phải cử nhân sự tới thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải theo đúng yêu cầu của Bên A và quy định của Hợp đồng này.

- 1.4. Hợp đồng này trong bất kỳ trường hợp nào đều được hiểu là một Hợp đồng dịch vụ giữa Bên A và Bên B. Người được Bên B phân công trực tiếp thực hiện công việc dịch vụ trong mọi trường hợp là Người lao động của riêng Bên B. Bên B chịu toàn bộ trách nhiệm quản lý lao động của mình tuân theo quy định của Bên A và trách nhiệm của bên thực hiện dịch vụ trong quan hệ với Bên A.

Điều 2. Phí dịch vụ và thanh toán

2.1. Hình thức Hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

2.2. Phí dịch vụ:

Phí dịch vụ đối với công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải của khu vực trung tâm Dịch vụ tổng hợp Vĩnh Tân và Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân, áp dụng theo bảng giá như sau:

TT	Nội dung	Đơn giá
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	5.000.000 đồng/tháng
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường	1.000.000 đồng/chuyến

Phí dịch vụ nêu trên đã bao gồm thuế GTGT, các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật Việt Nam và các loại chi phí khác liên quan để Bên B cung cấp dịch vụ theo đúng quy định của Hợp đồng này.

2.3. Thanh toán:

- a. Việc thanh toán được thực hiện một tháng một lần căn cứ theo khối lượng dịch vụ thực tế Bên A sử dụng và được cán bộ phụ trách của hai bên ký xác nhận. Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc đầu tiên của mỗi tháng, cán bộ phụ trách của Bên A và Bên B sẽ kiểm tra và nghiệm thu các dịch vụ Bên A đã sử dụng trong tháng trước đó để làm hồ sơ thanh toán.

Thời gian thanh toán là trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B, gồm: (i) Bản gốc văn bản đề nghị thanh toán; (ii) Bảng xác nhận giá trị dịch vụ thu gom rác thải được ký bởi cán bộ phụ trách của hai bên; và (iii) Bản gốc Hóa đơn giá trị gia

tăng hợp pháp viết cho giá trị Dịch vụ Bên B hoàn thành và được Bên A chấp nhận nghiệm thu.

- b. Việc thanh toán được thực hiện sau khi Bên A đã trừ các khoản phạt vi phạm Hợp đồng và/hoặc tiền bồi thường thiệt hại của Bên B theo Hợp đồng (nếu có).
- c. Hình thức thanh toán: Thanh toán qua chuyển khoản vào tài khoản do Bên B chỉ định hoặc tiền mặt theo quy định.

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

- 3.1. Tại bất cứ thời điểm nào, Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay đổi bất kỳ nhân sự nào nếu Bên A cho rằng người đó không đủ năng lực, thiếu sự cẩn trọng, không đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của Hợp đồng hoặc không tuân thủ các quy định, chỉ dẫn của Bên A. Bên B có trách nhiệm bố trí nhân sự thay thế phù hợp trong vòng 02 (hai) giờ kể từ khi có yêu cầu của Bên A.
- 3.2. Thanh toán phí dịch vụ đầy đủ theo đúng quy định của Hợp đồng này.
- 3.3. Thu gom rác gọn gàng đúng nơi quy định (cho vào thùng chứa hoặc có bao bì) và được che đậy. Đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên B thực hiện việc thu gom và vận chuyển.
- 3.4. Nếu Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nội dung được quy định tại Hợp đồng này thì Bên A có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) đơn phương lấy lại phần công việc và thuê đơn vị khác thay thế Bên B để tiếp tục thực hiện phần công việc đó và toàn bộ chi phí này sẽ được khấu trừ vào Phí dịch vụ Bên A phải thanh toán cho Bên B. Đồng thời, Bên B phải chịu toàn bộ các chi phí cũng như thiệt hại phát sinh (nếu có).
- 3.5. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

- 4.1. Bảo đảm chất lượng Dịch vụ theo đúng yêu cầu của Bên A và theo quy định của Hợp đồng. Việc thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt phải đảm bảo nhanh chóng, thực hiện theo trình tự, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, không để rác thải tồn đọng lại trong quá trình thu gom.
- 4.2. Việc thu gom, vận chuyển, xử lý rác không được gây ảnh hưởng đến công việc, hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên A, có ý thức bảo vệ thùng rác của Bên A.
- 4.3. Đảm bảo nhân sự do Bên B cử phải: (i) Có thái độ lịch thiệp, ứng xử hòa nhã, đúng mực, có văn hóa với tất cả cán bộ nhân viên của Bên A và các bên liên quan; (ii) Chấp hành mọi nội quy, quy định của Bên A và các quy định, hướng dẫn khác của Bên A và quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện.
- 4.4. Cung cấp cho nhân sự của mình các công cụ hỗ trợ cần thiết để thực hiện công việc của Hợp đồng này.
- 4.5. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải; Tuân thủ chỉ dẫn của Bên A để đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ. Khi phát hiện bất kỳ sự cố hay mối nguy hiểm nào xảy ra, Bên B phải sử dụng biện pháp khẩn cấp theo quy định và kịp thời thông báo cho Bên A.
- 4.6. Sử dụng phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ bốc xếp vận chuyển rác đến nơi quy

định. Đồng thời tiến hành xử lý theo đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và không làm rơi vãi khi vận chuyển.

- 4.7. Cam đoan và đảm bảo có đủ điều kiện kinh doanh, thực hiện dịch vụ theo quy định pháp luật để thực hiện Hợp đồng này. Nhân sự do Bên B cử để thực hiện công việc nêu tại Hợp đồng này phải là người có đủ năng lực, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp, cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên B tự chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Bên A và trước pháp luật đối với năng lực hoạt động của Bên B và nhân sự của mình.
- 4.8. Không được phép chuyển giao các công việc của Hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Bên A.
- 4.9. Giữ bảo mật mọi thông tin, tài liệu, hình ảnh của Bên A mà Bên B có được trong quá trình thực hiện Hợp đồng và không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Nghĩa vụ bảo mật nêu trên được Bên B thực hiện trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng này và được tiếp tục duy trì hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng này chấm dứt. Nếu Bên B vi phạm thì Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ mọi thiệt hại cho Bên A theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 4.10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này.

Điều 5. Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại

- 5.1. Trường hợp Bên B chậm thực hiện hoặc thực hiện không đạt yêu cầu Dịch vụ thì phải chịu phạt số tiền là 1.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu đồng*) cho mỗi lần vi phạm.
- 5.2. Khi Bên B vi phạm Hợp đồng 03 (ba) lần liên tiếp hoặc trong thời gian 03 ngày liên tiếp, Bên A tùy theo lựa chọn của mình có quyền: (i) Chấm dứt Hợp đồng và phạt Bên B vi phạm theo quy định tại Khoản 5.3 Điều này; hoặc (ii) để Bên B tiếp tục thực hiện Dịch vụ và phạt Bên B vi phạm theo quy định tại Khoản 5.3 Điều này.
- 5.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu Bên B hoặc người của Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các quy định nêu tại Hợp đồng dẫn đến gây ảnh hưởng hoặc gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản, tài chính của Bên A và/hoặc người của Bên A và/hoặc bất kỳ bên thứ ba nào thì Bên B phải chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật, trước Bên A và bên thứ ba về mọi vấn đề liên quan. Đồng thời, Bên B phải chịu phạt số tiền là 8% tổng Phí dịch vụ đã thực hiện tính đến thời điểm vi phạm, chi trả toàn bộ mọi thiệt hại liên quan cho Bên A và/hoặc người của Bên A và/hoặc bên thứ ba ngay khi nhận được thông báo của Bên A và/hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền và/hoặc thông báo của bên thứ ba.
- 5.4. Nếu việc khấu trừ Phí dịch vụ theo Khoản 2.3 Điều 2 của Hợp đồng này vẫn không đủ để thanh toán tiền phạt vi phạm và tiền bồi thường thiệt hại thì Bên B có trách nhiệm chuyển số tiền còn thiếu cho Bên A trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bên A.

Điều 6. Hiệu lực của Hợp đồng

- 6.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Bên B phải hoàn thành nốt Dịch vụ còn đang thực hiện trước khi Hợp đồng chấm dứt, trừ trường hợp Bên A có ý kiến khác.

- 6.2. Hợp đồng này sẽ được chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- Kết thúc thời hạn của Hợp đồng mà hai bên không có văn bản thỏa thuận trước về gia hạn Hợp đồng;
 - Hợp đồng được chấm dứt trước thời hạn khi hai bên ký văn bản thỏa thuận chấm dứt;
 - Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng cách gửi thông báo bằng văn bản tới Bên B trước 30 (ba mươi) ngày;
 - Bên A thực hiện quyền quy định tại Khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng này;
 - Trường hợp một trong hai bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ theo Hợp đồng này. Bên không vi phạm có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng và đòi bồi thường các thiệt hại vật chất cũng như các thiệt hại gián tiếp do Bên vi phạm gây ra.
- 6.3. Hợp đồng này có thể được gia hạn bằng văn bản có đầy đủ chữ ký của người đại diện đủ thẩm quyền và đóng dấu của hai bên. Phí dịch vụ trong (các) thời gian gia hạn do hai bên thỏa thuận.

Điều 7. Đạo đức kinh doanh

- 7.1. Liên quan đến việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này, hai bên thống nhất rằng mỗi bên và các nhân sự của mình không được phép thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật đấu thầu, Luật phòng, chống tham nhũng và quy định pháp luật khác có liên quan, và các hành vi vi phạm khác nhằm đạt được lợi ích không chính đáng.
- 7.2. Bên B cam kết chịu mọi tổn thất liên quan, đồng thời phải chịu phạt vi phạm và bồi thường toàn bộ thiệt hại theo quy định của pháp luật và quy định của Hợp đồng này, nếu Bên B và nhân sự của Bên B (bao gồm: người quản lý, cán bộ, nhân viên, tư vấn, hoặc người khác được giao thực hiện nhiệm vụ của Hợp đồng này) thực hiện bất cứ hành vi vi phạm nào quy định tại Khoản 7.1 nêu trên.
- 7.3. Nếu phát hiện thấy có bất cứ dấu hiệu vi phạm hoặc hành vi vi phạm nào của Bên B và nhân sự của Bên B thì Bên A có quyền thực hiện mọi biện pháp, chế tài phù hợp để khắc phục và hạn chế thiệt hại có thể xảy ra, bao gồm: (i) Tạm dừng hoặc chấm dứt Hợp đồng và thuê bên khác thực hiện các phần việc còn lại của Hợp đồng; (ii) Yêu cầu Bên B hoàn trả ngay toàn bộ các khoản đã được tạm ứng/thanh toán, các khoản thiệt hại gây ra cho Bên A (bao gồm cả các chi phí cơ hội Bên A bị mất do lỗi của Bên B gây ra), các lợi ích khác do Bên B vi phạm, gian lận... mà có được. Bên A được toàn quyền khấu trừ các chi phí phạt vi phạm, bồi thường và khắc phục vi phạm của Bên B vào số tiền còn phải thanh toán cho Bên B (nếu có); (iii) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều tra, xử lý theo đúng quy định pháp luật (nếu cần).

Điều 8. Điều khoản chung

- 8.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này. Những nội dung khác chưa nêu trong Hợp đồng này sẽ được hai bên áp dụng theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành có liên quan để giải quyết.
- 8.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, hai bên cần chủ động phối hợp và thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện Hợp đồng. Trường hợp có vướng mắc phát sinh thì hai bên phải thông báo cho nhau biết bằng văn bản và cùng bàn bạc, thương lượng để giải

quyết trên tinh thần hợp tác, trung thực, đảm bảo quyền lợi của cả hai bên. Trường hợp hai bên không tự giải quyết bằng đàm phán và thương lượng thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thi hành. Bên có lỗi phải chi trả cho bên kia mọi chi phí liên quan đến quá trình giải quyết tranh chấp bao gồm nhưng không giới hạn chi phí tố tụng, chi phí thuê luật sư và các chi phí hợp lý khác.

- 8.3. Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung theo thoả thuận của hai bên. Mọi sửa đổi, bổ sung đối với Hợp đồng đều phải được lập thành văn bản và có đầy đủ chữ ký của hai bên thì mới có hiệu lực thi hành.
- 8.4. Các Phụ lục đính kèm theo Hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng (nếu có) là một phần không tách rời của Hợp đồng và có hiệu lực như đối với Hợp đồng chính.
- 8.5. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản chính có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để làm cơ sở thực hiện. *OK*

ĐẠI DIỆN BÊN A *OK*



Phan Lê Hoàng

ĐẠI DIỆN BÊN B



Trần Thị Sáu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: **46**./2025/HĐNT/VTIP-KES.COM

Về việc: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại/ chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2025

Địa điểm: Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân

Địa chỉ: Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận.

- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ký ngày 14/06/2005,
- Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 ngày 17/01/2020 và hiệu lực ngày 01/01/2022;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ vào Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường;
- Căn cứ vào Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo Vệ Môi Trường;
- Căn cứ vào Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017 của Bộ Giao thông vận tải về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại (CTNH) số 1-2-3-4-5-6.095.VX ngày 06/06/2022 do Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp lần 3 cho Công ty cổ phần Môi trường Khánh Hòa.
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và điều kiện của hai bên.

Hôm nay, ngày **19** tháng **02** năm **2025**, chúng tôi đại diện cho các bên ký hợp đồng gồm có:

BÊN A	:	CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUỐC TẾ VĨNH TÂN
Địa chỉ	:	Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận
Mã số thuế	:	3401086899
Đại diện	:	Ông Phan Lê Hoàng Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Điện thoại	:	0252 625 6869
BÊN B	:	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG KHÁNH HÒA
Địa chỉ	:	Thôn Ninh Ích, Xã Ninh An, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa.
Mã số thuế	:	4200652338
Tài khoản	:	6020068397 tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Nha Trang.
Đại diện	:	Ông Hà Quang Hòa Chức vụ: Tổng giám đốc
Điện thoại	:	(0258) 3621577

Bên A và Bên B sau đây gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Hai bên”.

Hai bên tại đây thỏa thuận ký kết Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại/ chất thải rắn công nghiệp thông thường này (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) với các điều khoản và nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung công việc của Hợp đồng

- 1.1. Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH)/ chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTR CNTT) phát sinh trong quá trình vận hành khai thác và/hoặc từ các tàu thuyền trong vùng nước cảng biển khi đến Bến Cảng Quốc tế Vĩnh Tân.
- 1.2. Địa điểm thu gom chất thải nguy hại/ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Công ty cổ phần Cảng Quốc Tế Vĩnh Tân, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.
- 1.3. Tần suất thu gom chất thải nguy hại/ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Theo thỏa thuận (trong vòng 72 giờ kể từ khi Bên A thông báo cho Bên B thông qua điện thoại / fax / email Bên B phải đến thu gom chất thải nguy hại tại địa điểm quy định tại Khoản 1.2 Điều này).
- 1.4. Tình trạng lưu chứa: Chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường được Bên A lưu chứa trong bao bì chuyên dụng theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
- 1.5. Chất thải của Bên A được vận chuyển và xử lý tại nhà máy Bên B, địa chỉ: Thôn Ninh Ích, xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa theo phương án đã được thống nhất giữa hai bên và được cơ quan chức năng cho phép thực hiện.

Điều 2. Tên chất thải nguy hại, số lượng và đơn giá

- 2.1. Số lượng: được xác định bằng cân (kg) tại kho Bên A. Đại diện mỗi bên có đủ thẩm quyền ký xác nhận số lượng thực tế trên biên bản giao nhận đã được hai bên thống nhất theo mẫu và chứng từ chất thải nguy hại theo quy định, là cơ sở cho việc đối chiếu và thanh toán theo nội dung Hợp đồng.
- 2.2. Danh mục chất thải nguy hại và đơn giá xử lý:

STT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Đơn giá xử lý (VNĐ/kg)
I. CHẤT THẢI NGUY HẠI				
1	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (ví dụ đá mài, giấy ráp...)	Rắn	07 03 10	6.800
2	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	Rắn	07 04 01	6.800
3	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	Rắn	07 04 02	6.800
4	Kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	11 04 01	6.800
5	Đất đá thải có các thành phần nguy hại	Rắn	11 05 01	6.800
6	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 05	6.800
7	Bộ lọc dầu	Rắn	15 01 02	6.800

8	Các thiết bị, linh kiện nguy hại khác với các loại trên	Rắn	15 01 09	6.800
9	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	6.800
10	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	6.800
11	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	17 01 06	6.800
12	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	6.800
13	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	17 06 01	6.800
14	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	6.800
15	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	6.800
16	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	6.800
17	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	6.800
18	Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	6.800

II. CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

19	Hộp chứa mực in (loại không có các TPNH trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải khác với các loại trên	Rắn	08 02 08	6.500
20	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn với CTNH	Rắn	11 04 03	6.500
21	Lốp cao su	Rắn	15 01 10	6.500
22	Nhựa	Rắn	15 01 17	6.500
23	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	18 01 05	6.500
24	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	Rắn	18 01 06	6.500
25	Bao bì gỗ (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	Rắn	18 01 07	6.500

Ghi chú:

- Đơn giá xử lý trên chưa bao gồm 8% thuế giá trị gia tăng; đã bao gồm tất cả các khoản thuế, phí, lệ phí, chi phí khác theo quy định của pháp luật hiện hành để thực hiện công việc theo Hợp đồng.
- Không giới hạn khối lượng chất thải mỗi lần giao nhận.
- Chi phí vận chuyển cho Bên B là 4.000.000 đồng/đợt thu gom (chưa bao gồm 8% thuế GTGT).

Điều 3. Phương thức thanh toán

3.1. Hồ sơ thanh toán: Kết thúc mỗi đợt thu gom Bên B phải cung cấp cho Bên A đầy đủ

hồ sơ thanh toán hợp lệ gồm:

- (i) Bản gốc văn bản đề nghị thanh toán;
- (ii) Biên bản giao nhận chất thải nguy hại/ chất thải rắn công nghiệp thông thường;
- (iii) Bảng tổng kết chất thải;
- (iv) Chứng từ chất thải nguy hại (liên 3, 4);
- (v) Biên bản thanh lý hợp đồng (đối với lần thanh toán cho đợt thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải nguy hại cuối cùng của năm 2025);
- (vi) Bản gốc Hóa đơn tài chính hợp pháp viết cho giá trị thuê xử lý CTNH của Bên B và được Bên A xác nhận;

3.2. Thời gian thanh toán: Việc thanh toán phí được Bên A thực hiện trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B nêu trên và sau khi đã khấu trừ các khoản phạt vi phạm Hợp đồng và/hoặc tiền bồi thường thiệt hại của Bên B theo Hợp đồng (nếu có).

Nếu việc khấu trừ vẫn không đủ để thanh toán tiền phạt vi phạm và tiền bồi thường thiệt hại thì Bên B có trách nhiệm chuyển số tiền còn thiếu cho Bên A trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bên A.

3.3. Hình thức thanh toán: Thanh toán qua chuyển khoản hoặc tiền mặt theo quy định. Trường hợp thanh toán qua chuyển khoản, Bên A chuyển vào tài khoản của Bên B theo chi tiết sau:

- Người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Môi trường Khánh Hòa.
- Số TK: 6020068397.
- Ngân hàng: BIDV – Chi nhánh Nha Trang.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

- 4.1. Bố trí nhân viên hướng dẫn, phối hợp giám sát, hỗ trợ xe nâng (nếu cần) và tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B khi thực hiện dịch vụ thu gom chất thải.
- 4.2. Bên A kê khai và sử dụng chứng từ CTNH theo quy định pháp luật và chuyển giao cho nhân viên thu gom Bên B sau mỗi lần bàn giao CTNH.
- 4.3. Bên A cam kết thanh toán đầy đủ và đúng hạn giá trị thuê xử lý chất thải cho Bên B.
- 4.4. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay đổi bất kỳ nhân sự nào nếu Bên A cho rằng người đó không đủ năng lực, thiếu sự cẩn trọng, không đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của Hợp đồng hoặc không tuân thủ các quy định, chỉ dẫn của Bên A. Bên B có trách nhiệm bố trí nhân sự thay thế phù hợp khi có yêu cầu của Bên A.
- 4.5. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

- 5.1. Sẵn sàng hỗ trợ Bên A khi có các vấn đề liên quan đến chất thải nguy hại/ chất thải rắn công nghiệp thông thường.
- 5.2. Bên B cung cấp phương tiện, nhân lực để thực hiện dịch vụ thu gom chất thải từ Bên A, vận chuyển, lưu giữ tạm thời và xử lý chất thải theo đúng yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.
- 5.3. Bên B tuân thủ các quy định và chịu sự hướng dẫn của Bên A khi vào làm việc tại khu lưu chứa chất thải của Bên A.
- 5.4. Cam đoan và bảo đảm có đầy đủ năng lực và điều kiện theo quy định của pháp luật để thực hiện công việc của Hợp đồng này trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng. Nhân sự do Bên B cử để thực hiện công việc nêu tại Hợp đồng này phải là người có đầy

đủ năng lực, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp và có đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ hành nghề cần thiết phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Bên B tự chịu trách nhiệm trước Bên A và trước pháp luật đối với nhân sự của mình.

- 5.5. Không được phép chuyển giao các công việc của Hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Bên A.
- 5.6. Khi chất thải nguy hại của Bên A giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- 5.7. Ký xác nhận và hoàn trả chứng từ CTNH (liên 3, 4) sau khi hoàn thành việc xử lý an toàn chất thải.
- 5.8. Giữ bảo mật mọi thông tin, tài liệu, hình ảnh của Bên A mà Bên B có được trong quá trình thực hiện Hợp đồng và không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Nghĩa vụ bảo mật nêu trên được Bên B thực hiện trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng này và được tiếp tục duy trì hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng này chấm dứt. Nếu Bên B vi phạm thì Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ mọi thiệt hại cho Bên A theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 5.9. Cung cấp cho Bên A hồ sơ thanh toán đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này.
- 5.10. Bên B tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH, báo cáo Hợp đồng này với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc không thực hiện hoặc chậm thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH đúng theo yêu cầu, dẫn đến tình trạng CTNH không được xử lý, ứ đọng lại gây nguy hiểm cho môi trường và con người.
- 5.11. Bên B tự thu xếp phương tiện đi lại, chỗ ăn ở cho nhân sự của mình khi phải làm việc xa trụ sở; Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp và các bảo hiểm khác, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo đúng quy định của pháp luật.
- 5.12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Phạt vi phạm Hợp đồng

- 6.1. Trường hợp Bên B chậm thực hiện hoặc thực hiện không đạt yêu cầu về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định tại Hợp đồng này và quy định pháp luật thì phải chịu phạt số tiền là 10% giá trị của lần cung cấp dịch vụ này.
- 6.2. Khi Bên B vi phạm Hợp đồng, Bên A tùy theo lựa chọn của mình có quyền: (i) Chấm dứt Hợp đồng và phạt Bên B vi phạm theo quy định tại Khoản 6.1 Điều này; hoặc (ii) Bên B tiếp tục thực hiện Hợp đồng và phạt Bên B vi phạm theo quy định tại Khoản 6.1 điều này.
- 6.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu Bên B hoặc người của Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các quy định nêu tại Hợp đồng dẫn đến gây ảnh hưởng hoặc gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản, tài chính của Bên A và/hoặc người của Bên A và/hoặc bất kỳ Bên thứ ba nào thì Bên B phải chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật, trước Bên A và Bên thứ ba về mọi vấn đề liên quan. Đồng thời, Bên B phải chịu phạt số tiền là 10% tổng phí thu gom, vận chuyển và xử lý đã thực hiện tính đến thời điểm vi phạm, chi trả toàn bộ các chi phí cho việc

hỗ trợ, khắc phục, sửa chữa và phải bồi thường toàn bộ mọi thiệt hại liên quan cho Bên A và/hoặc người của Bên A và/hoặc Bên thứ ba ngay khi nhận được thông báo của Bên A và/hoặc thông báo của Bên thứ ba và/hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 7. Hiệu lực Hợp đồng

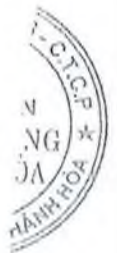
- 7.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực vào lúc 24h ngày 31 tháng 12 năm 2025. Bên B phải hoàn thành nốt việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại/ chất thải rắn công nghiệp thông thường đang thực hiện trước khi Hợp đồng chấm dứt, trừ trường hợp Bên A có ý kiến khác.
- 7.2. Hợp đồng này sẽ được chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- a. Kết thúc thời hạn của Hợp đồng mà hai bên không có văn bản thỏa thuận trước về gia hạn Hợp đồng;
 - b. Hợp đồng được chấm dứt trước thời hạn khi hai bên ký văn bản thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng;
 - c. Bên A thực hiện quyền quy định tại Khoản 6.2 Điều 6 của Hợp đồng này;
 - d. Trường hợp một trong hai bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ theo Hợp đồng này. Bên không vi phạm có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng và đòi bồi thường các thiệt hại vật chất cũng như các thiệt hại gián tiếp do Bên vi phạm gây ra.
- 7.3. Việc gia hạn Hợp đồng sẽ được thực hiện bằng văn bản có đầy đủ chữ ký của người đại diện đủ thẩm quyền và đóng dấu của hai bên. Phí dịch vụ trong thời gian gia hạn Hợp đồng do hai bên thỏa thuận.

Điều 8. Đạo đức kinh doanh

Liên quan đến việc soạn thảo và thực hiện Hợp đồng này, hai bên thống nhất rằng mỗi bên và các nhân sự của mình không được phép thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật và các hành vi vi phạm khác nhằm đạt được lợi ích không chính đáng. Bên vi phạm phải chịu phạt vi phạm và phải bồi thường toàn bộ thiệt hại theo quy định của pháp luật, quy định của Hợp đồng này và theo thông lệ quốc tế.

Điều 9. Điều khoản chung

- 9.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã nêu trong Hợp đồng. Nếu bên nào vi phạm thì phải chịu phạt vi phạm Hợp đồng, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường toàn bộ mọi thiệt hại do mình đã gây ra cho bên còn lại.
- 9.2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hai bên sẽ cùng bàn bạc giải quyết. Trường hợp phát sinh những bất đồng, tranh chấp mà hai bên không tự giải quyết được thì mỗi bên có quyền khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành. Mọi chi phí liên quan đến quá trình giải quyết tranh chấp (bao gồm nhưng không giới hạn chi phí tố tụng, chi phí thuê luật sư và các chi phí hợp lý khác) do bên thua kiện chịu.
- 9.3. Mọi điều khoản khác có liên quan không được quy định cụ thể tại Hợp đồng này sẽ được hai bên thực hiện theo quy định của luật pháp Việt Nam.



- 9.4. Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng này khi có sự thỏa thuận giữa hai bên và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một bộ phận không tách rời hợp đồng chính và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản trong hợp đồng chính thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi. Phụ lục hợp đồng được các bên thống nhất và có đầy đủ chữ ký, dấu của các bên.
- 9.5. Tất cả các thông tin, tài liệu liên quan đến Hợp đồng này phải được các bên bảo mật theo quy định. Nghĩa vụ bảo mật nêu trên được hai bên thực hiện trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng này và được tiếp tục duy trì hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng này chấm dứt. Nếu bên nào vi phạm thì bên đó phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ mọi thiệt hại cho bên kia theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 9.6. Tất cả các nội dung hai bên trao đổi từ trước ngày ký Hợp đồng này dưới bất kỳ hình thức nào (như: trao đổi trực tiếp, qua email, trao đổi bằng thư hay biên bản làm việc...) đều không có giá trị pháp lý ràng buộc giữa các bên.
- 9.7. Hợp đồng này gồm 09 Điều, được lập thành 04 (bốn) bản chính có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Chủ tịch HĐQT



Phan Lê Hoàng

ĐẠI DIỆN BÊN B

Tổng Giám đốc



Hà Quang Hòa

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH THUẬN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 01/2025/1-2-3-4-5-6.095.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG KHÁNH HÒA

Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.095.VX

Địa chỉ văn phòng : Thôn Ninh Ieh, Xã Ninh An, Thị Xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa ĐT: 02583.621.577

Địa chỉ cơ sở/dại lý : Thôn Ninh Ieh, Xã Ninh An, Thị Xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa ĐT: 02583.621.577

2. Chủ CS DV XL CTNH2:..... Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:

Địa chỉ cơ sở:..... ĐT:

3.Tên chủ nguồn thải : CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUỐC TẾ VINH TÂN

Số Giấy phép môi trường/ Mã QLCTNH: 60.000385.T

Địa chỉ văn phòng : Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận . ĐT:0252.625.6869

Địa chỉ cơ sở : Công ty cổ phần Cảng Quốc Tế Vĩnh Tân, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận . ĐT: 0252.3856.968

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (ví dụ đá mài, giấy ráp...)	X			07 03 10	8	TĐ
2	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	X			07 04 01	27	HR/ CL
3	XI hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	X			07 04 02	50	CL
4	Kim loại bị nhiễm các TPNH	X			11 04 01	/	TC, SC, XLN
5	Đất đá thải có các TPNH	X			11 05 01	/	HR/ CL
6	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp			X	12 06 05	/	TĐ
7	Bộ lọc dầu	X			15 01 02	17	TĐ
8	Các thiết bị, linh kiện nguy hại khác với các loại trên	X			15 01 09	/	PD, PT, TC, TĐ
9	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	X			16 01 06	/	HTXL Bóng đèn, HR
10	Pin, ác quy thải	X			16 01 12	/	PD, PT, TC, XLN
11	Dầu thủy lực tổng hợp thải		X		17 01 06	/	PT, TC, TĐ
12	Dầu động cơ, hợp số và bôi trơn tổng hợp thải		X		17 02 03	/	PT, TC, TĐ
13	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải		X		17 06 01	/	TĐ
14	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	X			18 01 01	2	TĐ
15	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp rắn nguy hại như amiang) thải	X			18 01 02	35	SR, TC, TĐ
16	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	X			18 01 03	5	TĐ
17	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	X			18 02 01	117	TĐ
18	Ác quy chì thải	X			19 06 01	/	PD, PT, TC, XLN

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: <u>79C-06736</u>	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: <u>Nguyễn Thị Thuany</u> Ký: <u>[Signature]</u> Ngày: 17/06/2025	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:../../....	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Bình Thuận, ngày 17 tháng 06 năm 2025 Chức danh người ký (Chữ ký, đóng dấu)  PHÓ GIÁM ĐỐC NGUYỄN BÌNH DÂN	8. Chủ CS DV XL CTNH CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Khánh Hòa, ngày <u>21</u> tháng <u>6</u> năm 2025 Chức danh người ký (Chữ ký, đóng dấu)  ALAM ĐỐC SẢN XUẤT Trần Khắc Diện
@Liên số: ☐ - ☐ - ☐ - ☒	
Ghi chú:..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)	

TỈNH/THÀNH PHỐ
LÂM ĐỒNG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 02/2025/1-2-3-4-5-6.095.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG KHÁNH HÒA
Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.095.VX
Địa chỉ văn phòng : Thôn Ninh Ích, Xã Bắc Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa ĐT: 02583.621.577
Địa chỉ cơ sở/đại lý : Thôn Ninh Ích, Xã Bắc Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa ĐT: 02583.621.577

2. Chủ CS DV XL CTNH2:..... Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:
Địa chỉ cơ sở:..... ĐT:

3. Tên chủ nguồn thải : CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUỐC TẾ VINH TÂN
Số Giấy phép môi trường/ Mã QLCTNH: 333/GPMT-BNNMT
Địa chỉ văn phòng : Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Hảo, Tỉnh Lâm Đồng. ĐT: 0252.625.6869
Địa chỉ cơ sở: Công ty cổ phần Cảng Quốc Tế Vĩnh Tân, Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Hảo, Tỉnh Lâm Đồng.

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (ví dụ đá mài, giấy ráp...)	X			07 03 10	10	TĐ
2	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	X			07 04 01	10	HR/ CL
3	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	X			07 04 02	30	CL
4	Kim loại bị nhiễm các TPNH	X			11 04 01	/	TC, SC, XLN
5	Đất đá thải có các TPNH	X			11 05 01	/	HR/ CL
6	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp			X	12 06 05	1000	TĐ
7	Bộ lọc dầu	X			15 01 02	48	TĐ
8	Các thiết bị, linh kiện nguy hại khác với các loại trên	X			15 01 09	/	PD, PT, TC, TĐ
9	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	X			16 01 06	/	HTXL Bóng đèn, HR
10	Pin, ắc quy thải	X			16 01 12	/	PD, PT, TC, XLN
11	Dầu thủy lực tổng hợp thải		X		17 01 06	/	PT, TC, TĐ
12	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		X		17 02 03	100	PT, TC, TĐ
13	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải		X		17 06 01	/	TĐ
14	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	X			18 01 01	8	TĐ
15	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp rắn nguy hại như amiang) thải	X			18 01 02	60	SR, TC, TĐ
16	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	X			18 01 03	25	TĐ
17	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	X			18 02 01	210	TĐ
18	Ắc quy chì thải	X			19 06 01	119	PD, PT, TC, XLN

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kín); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT**

Số: 001/2025/BBGN/CTRCNTT

1. Bên giao : CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUỐC TẾ VĨNH TÂN

Địa chỉ văn phòng : Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

ĐT:0252.625.6869

Địa chỉ cơ sở: Công ty cổ phần Cảng Quốc Tế Vĩnh Tân, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

2. Bên nhận : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ văn phòng : Thôn Ninh Ích, X.Ninh An, Tx.Ninh Hòa, T.Khánh Hòa

ĐT : 0258.3621.577

Địa chỉ cơ sở xử lý : Thôn Ninh Ích, X.Ninh An, Tx.Ninh Hòa, T.Khánh Hòa

ĐT : 0258.3621.577

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	Mã chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
I. Tài sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)				
II. Chất thải phải xử lý				
1	Hộp chứa mực in (loại không có các TPNH trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải khác với các loại trên	08 02 08	/	
2	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn với CTNH	11 04 03	/	
3	Lốp cao su	15 01 10	/	
4	Nhựa	15 01 07	/	
5	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	6	
6	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	/	
7	Bao bì gỗ (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 07	220	
III. Tổng khối lượng				

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục I - III

Bình Thuận, ngày 17 Tháng 06 năm 2025

Bên giao

Lê Nguyễn Hoài Thương

Bình Thuận, ngày 17 Tháng 06 năm 2025

Bên nhận

Nguyễn Đại

QUYẾT ĐỊNH

V/v Thành lập Ban chỉ đạo ứng phó sự cố môi trường
và Đội ứng phó sự cố môi trường

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế của Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân;
- Căn cứ tình hình thực tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo ứng phó sự cố môi trường (BCĐ) bao gồm các thành viên như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ trong BCĐ	Điện thoại
1	Ông Nguyễn Bình Dân	Phó Giám đốc	Trưởng ban	0908 674 456
2	Ông Bùi Xuân Liêm	Trưởng phòng Kỹ thuật	Phó ban	0904 114 788
3	Ông Trần Minh Tuấn	Phó phòng An ninh	Phó ban	0916 626 705

Điều 2. Thành lập Đội ứng phó sự cố môi trường (ĐUP) bao gồm các thành viên như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ trong ĐUP	Điện thoại
1	Ông Giang Thái Hưng	Chuyên viên điều độ	Đội trưởng	0975 449 086
2	Bà Lê Nguyễn Hoài Thương	Nhân viên kỹ thuật môi trường	Đội phó	0365 445 346
3	Ông Lê Trung Châu	Nhân viên vận hành cầu bờ	Đội phó	0368 681 452
4	Ông Trần Quang Tín	Chuyên viên điều độ	Thành viên	0975 792 949
5	Ông Nguyễn Khánh Chính	Chuyên viên điều độ	Thành viên	0853 559 641
6	Ông Dương Chí Bảo Huy	Chuyên viên điều độ	Thành viên	0898 687 820
7	Ông Lương Trung Hưng	Nhân viên vận hành cầu bờ	Thành viên	0986 842 127
8	Ông Nguyễn Ngọc Phi	Nhân viên vận hành cầu bờ	Thành viên	0397 528 456
9	Ông Nguyễn Hải Đăng	Nhân viên vận hành cầu bờ	Thành viên	0868 924 729
10	Ông Lê Quang Hải Quân	Nhân viên vận hành cầu bờ	Thành viên	0902 590 692
11	Ông Đặng Tấn Hồng	Nhân viên vận hành cầu bờ	Thành viên	0399 497 696

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUỐC TẾ VĨNH TÂN

Số: /12/QĐ-VTIP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Thuận, ngày 02 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế của Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân;
- Căn cứ tình hình thực tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường lồng ghép, tích hợp với kế hoạch ứng phó sự cố chất thải của Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân theo nội dung kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trong quá trình hoạt động đảm bảo thực hiện đúng các nội dung đề ra trong Kế hoạch đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Giám đốc và các Phòng/Ban trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban GD (để biết);
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH HĐQT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẢNG QUỐC TẾ
VĨNH TÂN
PHÒNG - BÌNH THUẬN
Phan Lê Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUỐC TẾ VĨNH TÂN



000

PACIFIC
INDUSTRY

KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN BẾN CẢNG QUỐC TẾ VĨNH TÂN



BÌNH THUẬN, THÁNG 06 NĂM 2025

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Mục đích, phạm vi kế hoạch.....	1
1.1. Mục đích	1
1.2. Phạm vi kế hoạch.....	1
2. Cơ sở pháp lý	1
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	2
1. Tên chủ cơ sở: Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân	2
2. Tên dự án: Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân	2
3. Vị trí địa lý	2
4. Quy mô cơ sở.....	2
4.1. Loại hình hoạt động.....	2
4.2. Công suất hoạt động	2
CHƯƠNG II. KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG	3
1. Xác định và đánh giá nguy cơ xảy ra sự cố môi trường	3
2. Lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó sự cố môi trường	3
2.1. Nguồn lực tại chỗ của công ty	3
2.1.1. Ban chỉ đạo ứng phó sự cố môi trường	3
2.1.2. Đội ứng phó sự cố môi trường.....	4
2.2. Phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố môi trường	5
3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	5
3.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về nước thải	5
3.1.1. Phương án phòng ngừa	5
3.1.2. Ứng phó sự cố.....	6
3.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về khí thải	9
3.2.1. Phương án phòng ngừa	9
3.2.2. Ứng phó sự cố.....	9
3.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải nguy hại.....	11
3.3.1. Phương án phòng ngừa	11
3.3.2. Ứng phó sự cố.....	11
3.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu trên biển.....	13
3.4.1. Phương án phòng ngừa	13
3.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố	14
3.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.....	14

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân

3.5.1. Phương án phòng ngừa.....	14
3.5.2. Biện pháp ứng phó sự cố	15
4. Kế hoạch tập huấn, huấn luyện, diễn tập về ứng phó sự cố môi trường	15
CHƯƠNG III. KẾT LUẬN.....	16

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.....	3
Bảng 2. Ban chỉ đạo ứng phó sự cố môi trường.....	3
Bảng 3. Đội ứng phó sự cố môi trường	4
Bảng 4. Thiết bị ứng phó sự cố môi trường.....	5
Bảng 5. Ứng phó sự cố nước thải	6
Bảng 6. Ứng phó sự cố khí thải	9
Bảng 7. Ứng phó sự cố chất thải nguy hại.....	11

MỞ ĐẦU

1. Mục đích, phạm vi kế hoạch

1.1. Mục đích

- Lập kế hoạch nhằm chủ động phòng ngừa xảy ra sự cố chất thải.
- Sẵn sàng và ứng phó kịp thời, hiệu quả mọi trường hợp xảy ra sự cố môi trường trong khu vực Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân để giảm tới mức thấp nhất thiệt hại đối với môi trường, sinh thái, ảnh hưởng đến các ngành kinh tế và đời sống của người dân xung quanh.
- Thiết lập một quy trình phản ứng kịp thời, hiệu quả, phối hợp tốt giữa các bên có liên quan đối với bất kỳ sự cố môi trường có thể xảy ra trong phạm vi Công ty.
- Đảm bảo sẵn sàng các nguồn lực chuyên nghiệp làm nòng cốt ứng phó khi sự cố môi trường xảy ra thực tế tại Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân.

1.2. Phạm vi kế hoạch

- Phạm vi về mặt địa lý: Trên khu vực hoạt động của Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân.
- Phạm vi nội dung thực hiện: Bao gồm các nội dung về kế hoạch phòng ngừa, các hoạt động chuẩn bị, tổ chức ứng phó, khắc phục và giải quyết hậu quả trong mọi trường hợp sự cố môi trường do hoạt động trên khu vực Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân gây ra.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Quyết định số 11/2025/QĐ-TT'g ngày 23/04/2025 ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải.

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân

- Địa chỉ: Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.
- Người đại diện: Ông Phan Lê Hoàng - Chủ tịch HĐQT
- Số điện thoại: 0252 625 6869

2. Tên dự án: Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân

3. Vị trí địa lý

- Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân thuộc địa phận xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, có vị trí tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông giáp: Biển Đông;
- + Phía Tây giáp: Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 1;
- + Phía Nam giáp: Biển Đông;
- + Phía Bắc giáp: Dự án khác và hành lang an toàn quốc lộ 1A.

- Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân có tổng diện tích 141,34 ha trong đó bao gồm:

- + Đất bến cảng và hậu cảng: 51,34 ha;
- + Đất mặt nước và hạng mục thủy công: 90,00 ha.

4. Quy mô cơ sở

4.1. Loại hình hoạt động

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa, kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

4.2. Công suất hoạt động

Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu xuất nhập hàng hóa tổng hợp qua đường thủy phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Thuận, phía Nam tỉnh Ninh Thuận, một phần Tây Nguyên và các tỉnh lân cận khu vực Nam Trung Bộ.

- Công suất thiết kế Cảng:

- + 02 bến tổng hợp cho tàu đến 50.000 DWT;
- + 01 bến cho tàu công vụ kết hợp cho tàu đến 3.000 DWT.

- Công suất hàng hóa thông qua cảng khi đi vào hoạt động ổn định là 5.055.000 tấn/năm. Các mặt hàng thực hiện xuất, nhập tại cảng bao gồm: cát, đá, tro ẩm, tro bay, xỉ than, xỉ măng, khoáng sản (quặng, than), muối...

CHƯƠNG II. KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xác định và đánh giá nguy cơ xảy ra sự cố môi trường

Bảng 1. Nguy cơ xảy ra sự cố môi trường

TT	Nguy cơ xảy ra sự cố	Nguyên nhân
I	Nước thải	
1	Tràn đổ, rò rỉ nước thải chưa qua xử lý ra môi trường	- Đường ống thu gom, đầu nối ống nước thải bị tắc nghẽn, rò rỉ.
2	Nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn xả thải	- Máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý bị hư hỏng. - Công tác vận hành không đảm bảo.
II	Khí thải	
1	Phát tán, rò rỉ khí thải chưa qua xử lý ra môi trường.	- Đường ống thu gom, mối nối bị tắc nghẽn, rò rỉ.
2	Khí thải sau xử lý không đạt quy chuẩn xả thải	- Các thiết bị của hệ thống bị bể, hư hỏng. - Hệ thống lọc bụi có túi bị hỏng.
III	Chất thải	
1	Tràn đổ, rò rỉ chất thải nguy hại ra nền đất, mương thoát nước mưa...	- Thiết bị lưu chứa bị nứt bể do va chạm, do thời gian sử dụng lâu. - Khi nhập kho chất thải/chuyển giao chất thải làm rơi đổ gây tràn đổ chất thải ra ngoài.
IV	Khác	
1	Tràn dầu trên biển	- Dầu tràn từ nơi khác tới. - Khoang chứa dầu của tàu, thuyền, xà lan cập cảng bị nứt hoặc rò rỉ. - Va chạm giữa các tàu thuyền cập cảng.
2	Sự cố cháy nổ	- Chập điện. - Ý thức của cán bộ nhân viên.

2. Lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó sự cố môi trường

2.1. Nguồn lực tại chỗ của công ty

2.1.1. Ban chỉ đạo ứng phó sự cố môi trường

Công ty đã thành lập Ban chỉ đạo để điều hành chỉ đạo ứng phó sự cố xảy ra như sau:

Bảng 2. Ban chỉ đạo ứng phó sự cố môi trường

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ trong BCD	Điện thoại
1	Ông Nguyễn Bình Dân	Phó Giám đốc	Trưởng ban	0908 674 456

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ trong BCD	Điện thoại
2	Ông Bùi Xuân Liêm	Trưởng phòng Kỹ thuật	Phó ban	0977 399 721
3	Ông Trần Minh Tuấn	Phó phòng An ninh	Phó ban	0916 626 705

2.1.2. Đội ứng phó sự cố môi trường

Cán bộ, nhân viên của Công ty là những người trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và được trang bị những kiến thức nghiệp vụ, đào tạo, huấn luyện về ứng phó sự cố sẽ được lập thành một đội với tên gọi “Đội ứng phó sự cố môi trường”.

Bảng 3. Đội ứng phó sự cố môi trường

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ trong ĐUP	Điện thoại
1	Ông Giang Thái Hưng	Chuyên viên điều độ	Đội trưởng	0975 449 086
2	Bà Lê Nguyễn Hoài Thương	Nhân viên kỹ thuật môi trường	Đội phó	0365 445 346
3	Ông Lê Trung Châu	Nhân viên vận hành cầu bờ	Đội phó	0368 681 452
4	Ông Trần Quang Tín	Chuyên viên điều độ	Thành viên	0975 792 949
5	Ông Nguyễn Khánh Chính	Chuyên viên điều độ	Thành viên	0853 559 641
6	Ông Dương Chí Bảo Huy	Chuyên viên điều độ	Thành viên	0898 687 820
7	Ông Lương Trung Hưng	Nhân viên vận hành cầu bờ	Thành viên	0986 842 127
8	Ông Nguyễn Ngọc Phi	Nhân viên vận hành cầu bờ	Thành viên	0397 528 456
9	Ông Nguyễn Hải Đăng	Nhân viên vận hành cầu bờ	Thành viên	0868 924 729
10	Ông Lê Quang Hải Quân	Nhân viên vận hành cầu bờ	Thành viên	0902 590 692
11	Ông Đặng Tấn Hồng	Nhân viên vận hành cầu bờ	Thành viên	0399 497 696
12	Ông Trịnh Minh Vũ	Nhân viên lái xe tải	Thành viên	0917 001 248
13	Ông Đặng Võ	Nhân viên lái máy xúc lật	Thành viên	0907 820 870
14	Ông Trương Thảo	Nhân viên lái máy xúc lật	Thành viên	0965 487 123
15	Ông Nguyễn Thanh Trịnh	Nhân viên giao nhận	Thành viên	0963 529 758
16	Ông Nguyễn Huỳnh Anh Chương	Nhân viên giao nhận	Thành viên	0933 343 843
17	Ông Nguyễn Văn Thiệu	Nhân viên bảo dưỡng sửa chữa thiết bị cơ giới	Thành viên	0977 938 379
18	Ông Nguyễn Văn Giang	Nhân viên gia công cơ khí	Thành viên	0984 205 845
19	Ông Nguyễn Hùng Phương	Nhân viên bảo trì điện	Thành viên	0852 016 422

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ trong ĐUP	Điện thoại
20	Ông Đỗ Ngọc Điền	Nhân viên bảo dưỡng sửa chữa thiết bị cơ giới	Thành viên	0359 623 339
21	Ông Nguyễn Ngọc Lương	Nhân viên an ninh	Thành viên	0947 329 880
22	Ông Nguyễn Văn Ngà	Nhân viên an ninh	Thành viên	0908 250 096
23	Ông Dương Văn Lượng	Nhân viên an ninh	Thành viên	0985 739 995

2.2. Phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố môi trường

Bảng 4. Thiết bị ứng phó sự cố môi trường

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bể sự cố bằng túi PVC di động, dung tích 30 m ³ , kích thước DxRxC = (15x2x1)m, dày 0,9 mm, có 2 van	Cái	01
2	Bể sự cố bằng túi PVC di động, dung tích 50 m ³ , kích thước DxRxC = (25x2x1)m, dày 0,9 mm, có 2 van	Cái	01
3	Bơm dự phòng (Bơm chìm)	Cái	01
4	Phao quây dầu tự nổi tròn	Mét	300
5	Hệ thống bơm nước hút dầu tràn từ mặt nước biển lên sà lan/thùng chứa	Hệ thống	01
6	Tấm thấm dầu (100 tấm/ thùng)	Thùng	11
7	Phương tiện thông tin: Bộ đàm cầm tay Icom M36 VHF	Cái	06
8	Đồ bảo hộ lao động	Bộ	05
9	Bao tay	Đôi	05
10	Ủng	Đôi	05
11	Mắt kính	Cái	05
12	Thùng cát	Cái	01
13	Thùng chứa	Cái	07
14	Giẻ lau	Kg	05
15	Xăng	Cái	02
16	Bao nilon	Kg	05
17	Dây băng cảnh báo	Cuộn	02

3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về nước thải

3.1.1. Phương án phòng ngừa

- Thiết kế và vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân

- Luôn duy trì công tác ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải
- Trang bị thiết bị dự phòng cần thiết (bơm, máy thổi khí...) để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ; bảo đảm vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.
- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải hằng ngày.
- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thu gom nước thải, hồ ga lắng nước thải trên tuyến mương thu gom về hệ thống xử lý nước thải.
- Thực hiện lấy mẫu giám sát chất lượng nước thải sau xử lý để đánh giá hiệu quả xử lý hệ thống xử lý nước thải và có biện pháp khắc phục ngay khi có sự cố.
- Khi xảy ra sự cố mất điện, công ty sẽ sử dụng hệ thống máy phát điện dự phòng để tiếp tục vận hành hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo hệ thống xử lý vận hành liên tục.
- Công ty đã trang bị 02 bể sự cố bằng túi PVC di động cỡ lớn để lưu trữ toàn bộ lượng nước thải phát sinh lưu trữ tối thiểu 01 ngày trong trường hợp xảy ra sự cố, cụ thể bao gồm: 01 Túi dung tích 30 m³, kích thước DxRxC = (15x2x1)m, dày 0,9 mm, có 2 van và 01 túi dung tích 50 m³, kích thước: DxRxC = (25x2x1)m, dày 0,9 mm, có 2 van.

3.1.2. Ứng phó sự cố

Bảng 5. Ứng phó sự cố nước thải

Các bước tiến hành	Người thực hiện	Nội dung thực hiện
Ứng phó sự cố nước thải nội bộ (cấp cơ sở)		
Nhận biết thông tin sự cố	Người phát hiện sự cố	- Xác định vị trí tràn đổ, rò rỉ nước thải. - Mức độ, nguyên nhân. - Người bị ảnh hưởng trực tiếp tại địa điểm tràn đổ.
Thông báo	Người phát hiện sự cố	- Thông báo cho Trưởng Ban chỉ đạo và Đội trưởng đội ứng phó sự cố. - Báo cáo rõ ràng, chính xác tình hình sự cố nước thải như các thông tin nhận định ở trên.
Chỉ đạo ứng phó sự cố	Ban chỉ đạo	- Dưa ra phương án, kế hoạch ứng phó sự cố theo mức độ ảnh hưởng của sự cố. - Phân công nhiệm vụ ứng phó sự cố. - Báo cáo UBND xã, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện sự cố.
Điều hành ứng phó sự cố	Đội trưởng/ Đội phó đội ứng phó sự cố	- Tiếp nhận phương án ứng phó từ Ban chỉ đạo, trực tiếp điều hành xử lý sự cố. - Quan sát, nắm bắt tình hình thực tế và báo cáo Ban chỉ đạo.

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân

Thực hiện ứng phó sự cố	Thành viên đội ứng phó sự cố	- Tiếp nhận thông tin chỉ đạo từ Ban chỉ đạo, thông báo tình huống khẩn cấp cho mọi người, bộ phận liên quan. - Hỗ trợ thông tin liên lạc. - Sơ tán người bị nạn ra khỏi khu vực nguy hiểm đưa người bị nạn tới nơi an toàn. - Di dời tài sản có giá trị đến nơi an toàn. - Trang bị bảo hộ lao động, trang thiết bị, dụng cụ ứng phó sự cố. - Liên lạc nhà cung ứng hỗ trợ các thiết bị chuyên dụng (nếu cần). - Tiến hành kiểm tra tình trạng sức khỏe của các nhân viên đang làm việc trong khu vực xảy ra sự cố. Thực hiện cấp cứu nếu có nhân viên bị ngạt, ngộ độc và chuyển đến trung tâm y tế gần nhất. ◦ Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố máy móc thiết bị dẫn đến xử lý không đảm bảo. - Bơm nước thải về bể sự cố (chờ xử lý xong sự cố sẽ tiếp tục xử lý). - Tạm dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, khoanh vùng khu vực sự cố, xác định nguyên nhân (kiểm tra máy móc, thiết bị). Đánh giá mức độ của sự cố. - Nhanh chóng liên hệ với đội bảo trì để sửa chữa các thiết bị hư hỏng. - Sau khi khắc phục thì vận hành lại hệ thống xử lý nước thải, theo dõi chất lượng nước thải nếu đạt quy chuẩn thì mới xả ra nguồn tiếp nhận. - Trường hợp không đạt, tiến hành kiểm tra, khắc phục và sửa chữa lại hệ thống đến khi đạt thì mới xả thải. - Trường hợp vẫn không tìm được nguyên nhân và cách khắc phục sẽ liên hệ với đơn vị lắp đặt để hỗ trợ khắc phục. ◦ Đối với trường hợp nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu do công tác vận hành không đảm bảo - Bơm nước thải về bể sự cố (chờ xử lý lại). - Nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải dừng hệ thống kiểm tra nguyên nhân gây ra sự cố (lượng hóa chất, lưu lượng nước thải...). - Sau khi xác định được nguyên nhân tiến hành khắc phục sự cố (điều chỉnh lại lượng hóa chất, lưu lượng nước thải...).
-------------------------	------------------------------	---

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân

		- Theo dõi chất lượng nước đầu ra đến khi đạt quy chuẩn thì mới xả ra nguồn tiếp nhận. - Bơm lượng nước thải không đạt từ bể sự cố về trạm để xử lý lại cho đạt quy chuẩn rồi xả ra nguồn tiếp nhận. • Đối với trường hợp hệ thống thu gom nước thải gặp sự cố, nước thải tràn ra ngoài - Khoanh vùng khu vực sự cố, ngăn chặn sự lan truyền của nước thải. - Sử dụng bơm, bồn chứa, dụng cụ ứng phó sự cố để thu gom nước thải bị rò rỉ. - Đưa nước thải bị rò rỉ tràn đổ về hệ thống xử lý nước thải để xử lý. - Vệ sinh khu vực xảy ra sự cố.
Hoàn thành ứng phó sau sự cố	Các Trưởng/ Đại diện Phòng/ Ban	- Điều tra nguyên nhân, tính toán chi phí, những ảnh hưởng, tác động đến môi trường ... - Báo cáo kết thúc sự cố nước thải cho các Phòng/ Ban liên quan và lãnh đạo công ty.
Phối hợp với cơ quan chức năng và các đơn vị bên ngoài khi sự cố nước thải vượt tầm kiểm soát của Công ty		
Thông báo cơ quan chức năng và các đơn vị liên quan.	Ban chỉ huy ứng phó sự cố	- Khi xác định sự cố vượt ngoài khả năng ứng phó của cơ sở, người chỉ huy thông báo ngay cho UBND xã, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã để tổ chức ứng phó.
Phối hợp với cơ quan chức năng và các đơn vị liên quan xử lý sự cố.	UBND xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, Công an tỉnh, UBND tỉnh	- Tổ chức lực lượng phong tỏa hiện trường, sơ tán người dân khỏi khu vực nguy hiểm. - Thực hiện triển khai ứng cứu tại các khu vực xảy ra sự cố nước thải. - Đánh giá mức độ ô nhiễm, xác định các đối tượng bị ảnh hưởng.
	Trung tâm y tế	- Sơ cứu và cấp cứu người bị nạn.
	Đơn vị lấy mẫu	- Lấy mẫu giám định, kiểm tra chất lượng nước biển ven bờ khu vực xã Vĩnh Tân.
	Đơn vị thu gom chất thải	- Thu gom và xử lý chất thải sau khi ứng phó sự cố.
	Đơn vị lắp đặt hệ thống	- Hỗ trợ kỹ thuật, thiết bị vật tư thay thế...
Hoàn thành ứng phó sau sự cố	Cơ sở phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan	- Điều tra nguyên nhân sự cố. - Đánh giá mức độ ảnh hưởng, tác động đến môi trường. - Lập hồ sơ, khiếu nại, đền bù... (nếu có).

3.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về khí thải

3.2.1. Phương án phòng ngừa

- Bố trí cán bộ có chuyên môn vận hành, theo dõi hoạt động của thiết bị lọc bụi.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động của thiết bị lọc bụi và thực hiện bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị.
- Dự phòng các thiết bị dễ hư hỏng như quạt hút, túi lọc, van giữ bụi... để thay thế trong trường hợp hư hỏng đột xuất.
- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân tại hệ thống khống chế ô nhiễm để kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra.
- Hàng ngày nhân viên vận hành kiểm tra các hệ thống, có khả năng phát hiện các sự cố như sau:

- + Kiểm tra độ hao tổn áp suất
- + Quan sát khí sạch qua ống khói
- + Đi quanh hệ thống, lắng nghe xem có âm thanh vận hành bất thường hay không
- + Kiểm tra ngay lập tức các sự cố bất thường trên
- + Quan sát các chỉ số trong tủ điều khiển
- + Kiểm tra áp suất khí nén
- + Đảm bảo tro được rũ xuống, thu ở phễu chứa chuyển lại silo.

3.2.2. Ứng phó sự cố

Bảng 6. Ứng phó sự cố khí thải

Các bước tiến hành	Người thực hiện	Nội dung thực hiện
Ứng phó sự cố nước thải nội bộ (cấp cơ sở)		
Nhận biết thông tin sự cố	Người phát hiện sự cố	- Xác định vị trí khí thải rò rỉ, phát tán. - Mức độ, nguyên nhân. - Người bị ảnh hưởng bởi sự cố khí thải.
Thông báo	Người phát hiện sự cố	- Thông báo cho Trưởng Ban chỉ đạo và Đội trưởng đội ứng phó sự cố. - Báo cáo rõ ràng, chính xác tình hình sự cố khí thải như các thông tin nhận định ở trên.
Chỉ đạo ứng phó sự cố	Ban chỉ đạo	- Đưa ra phương án, kế hoạch ứng phó sự cố theo mức độ ảnh hưởng của sự cố. - Phân công nhiệm vụ ứng phó sự cố. - Báo cáo UBND xã, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện sự cố.

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân

Điều hành ứng phó sự cố	Đội trưởng/ Đội phó đội ứng phó sự cố	- Tiếp nhận phương án ứng phó từ Ban chỉ đạo, trực tiếp điều hành xử lý sự cố. - Quan sát, nắm bắt tình hình thực tế và báo cáo Ban chỉ đạo.
Thực hiện ứng phó sự cố	Thành viên đội ứng phó sự cố	- Tiếp nhận thông tin chỉ đạo từ Ban chỉ đạo, thông báo tình huống khẩn cấp cho mọi người, bộ phận liên quan. - Hỗ trợ thông tin liên lạc. - Sơ tán người bị nạn ra khỏi khu vực nguy hiểm đưa người bị nạn tới nơi an toàn. - Di dời tài sản có giá trị đến nơi an toàn. - Trang bị bảo hộ lao động, trang thiết bị, dụng cụ ứng phó sự cố. - Liên lạc nhà cung ứng hỗ trợ các thiết bị chuyên dụng (nếu cần). - Tiến hành kiểm tra tình trạng sức khỏe của các nhân viên đang làm việc trong khu vực xảy ra sự cố. Thực hiện cấp cứu nếu có nhân viên bị ngạt, ngộ độc và chuyển đến trung tâm y tế gần nhất. - Tổ chức ứng phó sự cố khí thải: + Dừng hoạt động phát sinh khí thải. + Khoanh vùng khu vực xảy ra sự cố khí thải, căng dây cảnh báo. + Đội bảo trì tiến hành khắc phục, sửa chữa vị trí rò rỉ bụi. + Trường hợp không thể khắc phục được sẽ liên hệ với đơn vị lắp đặt để hỗ trợ.
Hoàn thành ứng phó sau sự cố	Các Trưởng/ Đại diện Phòng/ Ban	- Điều tra nguyên nhân, tính toán chi phí, những ảnh hưởng, tác động đến môi trường ... - Báo cáo kết thúc sự cố khí thải cho các Phòng/ Ban liên quan và lãnh đạo công ty.
Phối hợp với cơ quan chức năng và các đơn vị bên ngoài khi sự cố nước thải vượt tầm kiểm soát của Công ty		
Thông báo cơ quan chức năng và các đơn vị liên quan.	Ban chỉ huy ứng phó sự cố	- Khi xác định sự cố vượt ngoài khả năng ứng phó của cơ sở, người chỉ huy thông báo ngay cho UBND xã, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã để tổ chức ứng phó.
Phối hợp với cơ quan chức năng và các đơn vị liên	UBND xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, UBND tỉnh	- Thực hiện triển khai ứng cứu tại các khu vực xảy ra sự cố khí thải. - Xác định các đối tượng bị ảnh hưởng.

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân

quan xử lý sự cố.	Công an xã, Công an tỉnh	- Sơ tán các đối tượng xung quanh bị ảnh hưởng từ sự cố khí thải.
	Cảnh sát PCCC	- Thực hiện triển khai ứng cứu tại khu vực xảy ra sự cố cháy nổ.
	Trung tâm y tế	- Sơ cứu và cấp cứu người bị ngạt, ngộ độc khí thải gây ra.
	Đơn vị lấy mẫu	- Lấy mẫu giám định, kiểm tra chất lượng không khí xung quanh bị ảnh hưởng từ sự cố khí thải.
	Đơn vị lắp đặt hệ thống	- Hỗ trợ kỹ thuật, thiết bị thay thế...
Hoàn thành ứng phó sau sự cố	Cơ sở phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan	- Điều tra nguyên nhân sự cố. - Đánh giá mức độ ảnh hưởng, tác động đến môi trường. - Lập hồ sơ, khiếu nại, đền bù... (nếu có).

3.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải nguy hại

3.3.1. Phương án phòng ngừa

- Chất thải được thu gom và quản lý theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Công ty đã xây dựng kho lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích 32 m².

- Chất thải được để trong khu vực lưu chứa và phân loại theo quy định.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động phù hợp, thiết bị PCCC theo quy định.

- Bố trí nhân viên quản lý khu vực lưu chứa chất thải giám sát và thông báo ngay các trường hợp sự cố có thể xảy ra.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

3.3.2. Ứng phó sự cố

Bảng 7. Ứng phó sự cố chất thải nguy hại

Các bước tiến hành	Người thực hiện	Nội dung thực hiện
Ứng phó sự cố nước thải nội bộ (cấp cơ sở)		
Nhận biết thông tin sự cố	Người phát hiện sự cố	- Xác định vị trí tràn đổ, rò rỉ chất thải nguy hại. - Mức độ, nguyên nhân tràn đổ. - Người bị ảnh hưởng trực tiếp tại địa điểm tràn đổ.
Thông báo	Người phát hiện sự cố	- Thông báo cho Trường Ban chỉ đạo và Đội trưởng đội ứng phó sự cố. - Báo cáo rõ ràng, chính xác tình hình sự cố tràn đổ chất thải nguy hại như các thông tin nhận định ở trên.

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân

Chỉ đạo ứng phó sự cố	Ban chỉ đạo	- Đưa ra phương án, kế hoạch ứng phó sự cố theo mức độ ảnh hưởng của sự cố. - Phân công nhiệm vụ ứng phó sự cố. - Báo cáo UBND xã, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện sự cố.
Điều hành ứng phó sự cố	Đội trưởng/ Đội phó đội ứng phó sự cố	- Tiếp nhận phương án ứng phó từ Ban chỉ đạo, trực tiếp điều hành xử lý sự cố. - Quan sát, nắm bắt tình hình thực tế và báo cáo Ban chỉ đạo.
Thực hiện ứng phó sự cố	Thành viên đội ứng phó sự cố	- Tiếp nhận thông tin chỉ đạo từ Ban chỉ đạo, thông báo tình huống khẩn cấp cho mọi người, bộ phận liên quan. - Hỗ trợ thông tin liên lạc. - Sơ tán người bị nạn ra khỏi khu vực nguy hiểm đưa người bị nạn tới nơi an toàn. - Di dời tài sản có giá trị đến nơi an toàn. - Trang bị bảo hộ lao động, trang thiết bị, dụng cụ ứng phó sự cố. - Liên lạc nhà cung ứng hỗ trợ các thiết bị chuyên dụng (nếu cần). - Tiến hành kiểm tra tình trạng sức khỏe của các nhân viên đang làm việc trong khu vực xảy ra sự cố. Thực hiện cấp cứu nếu có nhân viên bị ngạt, ngộ độc và chuyển đến trung tâm y tế gần nhất. ◦ Đối với trường hợp chất thải nguy hại tràn đổ ra đất, nền đường, xuống - Cách ly khu vực tràn đổ với các nguồn nhiệt, điện, hóa chất khác. - Khoanh vùng khu vực xảy ra sự cố, ngăn chặn chất thải nguy hại lan rộng. Dùng cát, giẻ lau... ngăn chặn chất thải lan rộng ra xung quanh. - Tiến hành thu gom xử lý chất thải nguy hại tràn đổ (tùy vào tính chất của chất thải nguy hại mà sử dụng các loại vật liệu hấp thụ phù hợp như cát, giẻ lau, mặt cưa...) - Trường hợp chất thải dạng lỏng thấm ra đất cần phải thu gom cả lớp đất bị ô nhiễm. - Vệ sinh sạch sẽ khu vực xảy ra sự cố. - Thu gom toàn bộ chất thải chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý. ◦ Đối với trường hợp chất thải nguy hại dạng lỏng tràn đổ ra mương thoát nước mưa

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân

		- Nhanh chóng xác định hướng dòng chảy và ngăn chặn dòng chảy của chất thải nguy hại (sử dụng bao cát hoặc vật liệu thấm hút để ngăn chặn dòng chảy). - Tiến hành thu gom xử lý chất thải (sử dụng bơm để hút vào thùng chứa, vật liệu thấm hút...). Đồng thời nạo vét lớp bùn, đất dưới lòng mương khu vực có chất thải nguy hại tràn đổ. - Vệ sinh sạch sẽ khu vực xảy ra sự cố. - Thu gom toàn bộ chất thải sau khi xử lý sự cố chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.
Hoàn thành ứng phó sau sự cố	Các Trưởng/ Đại diện Phòng/ Ban	- Điều tra nguyên nhân, tính toán chi phí, những ảnh hưởng, tác động đến môi trường ... - Báo cáo kết thúc sự cố tràn đổ chất thải cho các Phòng/ Ban liên quan và lãnh đạo công ty.
Phối hợp với các đơn vị bên ngoài khi sự cố nước thải vượt tầm kiểm soát của Công ty		
Thông báo cơ quan chức năng và các đơn vị liên quan.	Ban chỉ huy ứng phó sự cố	- Khi xác định sự cố vượt ngoài khả năng ứng phó của cơ sở, người chỉ huy thông báo ngay cho UBND xã, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã để tổ chức ứng phó.
Phối hợp với cơ quan chức năng và các đơn vị liên quan xử lý sự cố.	UBND xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, UBND tỉnh	- Thực hiện triển khai ứng cứu tại các khu vực cụ thể xảy ra sự cố chất thải. - Xác định các đối tượng bị ảnh hưởng.
	Cảnh sát PCCC	- Thực hiện triển khai ứng cứu tại khu vực xảy ra sự cố cháy nổ.
	Trung tâm y tế	- Sơ cứu và cấp cứu người bị ngạt, ngộ độc khí thải gây ra.
	Đơn vị thu gom chất thải	- Hỗ trợ phương tiện, thiết bị để xử lý, thu gom chất thải.
Hoàn thành ứng phó sau sự cố	Cơ sở phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan	- Điều tra nguyên nhân sự cố. - Đánh giá mức độ ảnh hưởng, tác động đến môi trường. - Lập hồ sơ, khiếu nại, đền bù... (nếu có).

3.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu trên biển

3.4.1. Phương án phòng ngừa

- Nạo vét duy tu luồng tàu, vũng quay tàu để đảm bảo độ rộng, độ sâu cho tàu ra vào cảng thuận lợi.
- Phổ biến hành trình, giờ cập bến cảng của các tàu chở hàng đến cộng đồng ngư dân địa phương để giảm thiểu việc va chạm không đáng có.

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân

- Quay trở tàu, sà lan đúng kỹ thuật trong phạm vi vùng quay tàu, khi cần thiết sẽ nhờ đến hỗ trợ của tàu lai dắt.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì hệ thống đèn pha, đèn báo trên tàu. Trang bị sẵn các thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế khi gặp sự cố.
- Thường xuyên theo dõi các thông báo của Cục Hàng hải Việt Nam để biết những thay đổi về tuyến luồng quy định.
- Thường theo dõi dự báo khí tượng thủy văn để sắp xếp lịch trình tàu, sà lan cho phù hợp xuyên.
- Cảng bố trí các phao phân luồng và biển báo hiệu, đèn báo hiệu tại các vùng tàu, sà lan để tránh các ghe, tàu nhỏ vào khu vực có chướng ngại vật nguy hiểm.
- Công ty đã thành lập Ban chỉ đạo và Đội ứng phó sự cố tràn dầu theo Quyết định số 80/QĐ-VTIP ngày 28/4/2025 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo ứng phó sự cố tràn dầu và Đội ứng phó sự cố tràn dầu tại Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân.
- Kế hoạch UPSCITD được phê duyệt theo Quyết định số 3837/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Bình Thuận và được cập nhật bổ sung theo Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.
- Phối hợp với các Trung tâm Ứng cứu sự cố tràn dầu (thuộc UB Tìm kiếm Cứu nạn Quốc gia) tại khu vực Miền Trung (đóng tại Đà Nẵng) và miền Nam (đóng tại Vũng Tàu) trong công tác lập kế hoạch II hành động Ứng cứu sự cố tràn dầu, huấn luyện cán bộ và trong triển khai các hoạt động ứng cứu khi xảy ra sự cố tràn dầu ở khu vực cảng và vùng lân cận.
- Định kỳ thực hiện diễn tập phương án ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định.

3.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố

- Khi sự cố tràn dầu trên biển xảy ra, việc ứng phó sự cố sẽ được triển khai theo Kế hoạch UPSCITD được phê duyệt theo Quyết định số 3837/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Bình Thuận và được cập nhật bổ sung theo Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

3.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

3.5.1. Phương án phòng ngừa

- Công ty đã trang bị các thiết bị phòng chống cháy nổ (bình chữa cháy, máy bơm nước chữa cháy, hệ thống cung cấp nước, vòi phun...) và thực hiện đầy đủ theo các hướng dẫn về PCCC của Bộ Công an.
- Công ty đã lắp đặt hệ thống chống sét tại những điểm cao và hệ thống thu sét, thu tĩnh điện tích tụ.
- Hệ thống PCCC được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 3579/TĐ-PCCC ngày 13/8/2018; được kiểm tra, nghiệm thu theo văn bản số 1397/PCCC ngày 25/12/2018 về việc nghiệm thu PCCC Bến cảng tổng hợp Vĩnh Tân.
- Công ty đã xây dựng Phương án chữa cháy của cơ sở số 123A/CV-PA ngày 06/12/2022 và được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH tỉnh Bình Thuận phê duyệt ngày 12/12/2022.
- Công ty đã thành lập đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ theo Quyết định số 33/QĐ-VTIP ngày 20/02/2025.

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân

- Trang bị các thiết bị, phương tiện chữa cháy và xây dựng nội quy PCCC.
- Định kỳ kiểm tra các thiết bị PCCC, báo cáo kế hoạch thay mới hoặc sửa chữa thiết bị bị lỗi, hết hạn đảm bảo các thiết bị PCCC trong tình trạng hoạt động tốt.
- Tập huấn định kỳ PCCC cho các thành viên đội PCCC của công ty. Kết hợp với Cảnh sát PCCC diễn tập ứng phó sự cố PCCC định kỳ cho toàn bộ nhân viên công ty.
- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của công ty.

3.5.2. Biện pháp ứng phó sự cố

- Khi có sự cố cháy nổ xảy ra, việc ứng phó sự cố sẽ được triển khai theo Phương án chữa cháy của cơ sở số 123A/CV-PA ngày 06/12/2022 và được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH tỉnh Bình Thuận phê duyệt ngày 12/12/2022.

4. Kế hoạch tập huấn, huấn luyện, diễn tập về ứng phó sự cố môi trường

- Kế hoạch tập huấn, huấn luyện: Định kỳ 1 năm/lần tổ chức buổi đào tạo về ứng phó sự cố môi trường.
 - + Đối tượng đào tạo: Thành viên trong Ban chỉ đạo và Đội ứng phó sự cố môi trường.
 - + Nội dung đào tạo: Thông tin, hoạt động sản xuất của cơ sở; Tình huống xảy ra sự cố chất thải; Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường.
- Diễn tập: Để chủ động ứng phó khi có sự cố môi trường, định kỳ 1 năm/lần diễn tập ứng phó sự cố môi trường theo kịch bản đã xây dựng.



CHƯƠNG III. KẾT LUẬN

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường là tài liệu xác định các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường, dự kiến kịch bản xảy ra sự cố kèm theo phương án ứng phó tương ứng.

Công ty thường xuyên thực hiện kiểm tra, phát hiện những nguy cơ, thực hiện các biện pháp phòng ngừa để không xảy ra sự cố môi trường.

1. C. P. A.
V. T. N.

QUYẾT ĐỊNH

V/v Kiện toàn Ban chỉ đạo ứng phó sự cố tràn dầu và Đội ứng phó sự cố tràn dầu
tại Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế của Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân;
- Căn cứ tình hình thực tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Ban chỉ đạo ứng phó sự cố tràn dầu (BCĐ) bao gồm các thành viên như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ trong BCĐ	Điện thoại
1	Ông Nguyễn Bình Dân	Phó Giám đốc	Trưởng ban	0908 674 456
2	Ông Bùi Xuân Liêm	Trưởng phòng Kỹ thuật	Phó ban	0904 114 788
3	Ông Trần Minh Tuấn	Phó phòng An ninh	Phó ban	0916 626 705

Điều 2. Kiện toàn Đội ứng phó sự cố tràn dầu (ĐUP) bao gồm các thành viên như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ trong ĐUP	Điện thoại
1	Ông Giang Thái Hưng	Chuyên viên điều độ	Đội trưởng	0975 449 086
2	Ông Nguyễn Văn Thiệu	Nhân viên bảo dưỡng sửa chữa thiết bị cơ giới	Đội phó	0977 938 379
3	Ông Nguyễn Văn Ngà	Nhân viên an ninh	Đội phó	0908 250 096
4	Ông Trần Quang Tín	Chuyên viên điều độ	Thành viên	0975 792 949
5	Ông Nguyễn Khánh Chính	Chuyên viên điều độ	Thành viên	0853 559 641
6	Dương Chí Bảo Huy	Chuyên viên điều độ	Thành viên	0898 687 820
7	Ông Lê Trung Châu	Nhân viên vận hành cầu bờ	Thành viên	0368 681 452
8	Ông Lương Trung Hưng	Nhân viên vận hành cầu bờ	Thành viên	0986 842 127
9	Nguyễn Ngọc Phi	Nhân viên vận hành cầu bờ	Thành viên	0397 528 456
10	Ông Nguyễn Hải Đăng	Nhân viên vận hành cầu bờ	Thành viên	0868 924 729
11	Ông Lê Quang Hải Quân	Nhân viên vận hành cầu bờ	Thành viên	0902 590 692

12	Ông Đặng Tấn Hồng	Nhân viên vận hành cầu bờ	Thành viên	0399 497 696
13	Trịnh Minh Vũ	Nhân viên lái xe tải	Thành viên	0917 001 248
14	Ông Đặng Võ	Nhân viên lái máy xúc lật	Thành viên	0907 820 870
15	Trương Thảo	Nhân viên lái máy xúc lật	Thành viên	0965 487 123
16	Ông Nguyễn Thanh Trinh	Nhân viên giao nhận	Thành viên	0963 529 758
17	Ông Nguyễn Huỳnh Anh Chương	Nhân viên giao nhận	Thành viên	0933 343 843
18	Ông Nguyễn Văn Giang	Nhân viên gia công cơ khí	Thành viên	0984 205 845
19	Ông Nguyễn Hùng Phương	Nhân viên bảo trì điện	Thành viên	0852 016 422
20	Đỗ Ngọc Điền	Nhân viên bảo dưỡng sửa chữa thiết bị cơ giới	Thành viên	0359 623 339
21	Ông Nguyễn Ngọc Lương	Nhân viên an ninh	Thành viên	0947 329 880
22	Ông Dương Văn Lượng	Nhân viên an ninh	Thành viên	0985 739 995

Điều 3. Các thành viên BCD và ĐUP thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo yêu cầu của kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và theo sự phân công chỉ đạo cụ thể của Lãnh đạo Công ty; Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 159/QĐ-VTIP ngày 19/08/2024. Các Phòng/Ban trong Công ty và các thành viên nêu tại Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban GD (để biết);
- Phòng: Kỹ thuật, Khai thác, An ninh;
- Lưu VT.



Phan Lê Hoàng

Bình Thuận, ngày 10 tháng 6 năm 2025.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC DIỄN TẬP UPSCTD
TẠI CẢNG QUỐC TẾ VĨNH TÂN**

Hôm nay, vào lúc 16 giờ 00' ngày 10 tháng 6 năm 2025.

Tại: Khu vực cầu cảng Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân.

Địa chỉ: Xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Chúng tôi gồm các bên:

1. Đại diện Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân:

Ông: Nguyễn Bình Dân

Chức vụ: Phó Giám đốc

2. Đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường T.Đ.A:

Ông: Nguyễn Mạnh Tuấn

Chức vụ: Giám đốc

Đã tiến hành lập biên bản rút kinh nghiệm về công tác tổ chức và diễn tập UPSCTD lần 1 của năm 2025 tại Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân, với các nội dung như sau:

Căn cứ các quy định của Pháp luật về UPSCTD, căn cứ vào kịch bản giả định trong Kế hoạch UPSCTD đã lập và được UBND tỉnh Bình Thuận phê duyệt. Lực lượng UPSCTD của Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân đã tiến hành tổ chức diễn tập UPSCTD tại khu vực khu nước bên trong Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân.

Thời gian diễn tập: Từ 13 giờ 30' đến 15 giờ 30' ngày 10 tháng 6 năm 2025.

I. Lực lượng và phương tiện tham gia:

- Lực lượng UPSCTD: Đội UPSCTD tại Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân gồm 22 thành viên.

- Phương tiện gồm: Xe nâng, xe tải.

- Các trang thiết bị khác:

+ Giấy thấm dầu: 10 thùng

+ Phao quây dầu tràn: 300 mét

+ Thùng chứa dầu dự phòng: 07 thùng (250 lít)

+ Hệ thống bơm hút dầu tràn (Oil Skimmers)

+ Loa phát thanh hiện trường: 01 cái

+ Bộ đàm hàng hải: 06 cái

+ Đồ bảo hộ lao động: 10 bộ

II. Nội dung diễn tập UPSCTD:

1. Phần Lý thuyết:

Địa điểm: tại văn phòng cảng.

Thời gian: từ 08 giờ 30' đến 11 giờ 00' ngày 10 tháng 6 năm 2025.

- Cán bộ của Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường T.Đ.A hỗ trợ huấn luyện cho cán bộ nhân viên Cảng Quốc tế Vĩnh Tân những kiến thức, khái niệm cơ bản về sự cố tràn dầu, xác định được các nguồn gây ô nhiễm dầu. Những tác động do sự cố tràn dầu gây ra và các yếu tố quan trọng cần xem xét khi triển khai ứng cứu.

- Phổ biến các quy định của pháp luật về quy trình thông báo, báo động, phối hợp lực lượng, chỉ huy hiện trường ứng phó sự cố tràn dầu. Quy định về xử phạt trong ứng phó sự cố tràn dầu. Quy định về thủ tục điều tra, xác minh sự cố và thủ tục bồi thường.

- Các phương pháp khống chế sự cố tràn dầu, lựa chọn giải pháp phù hợp với điều kiện từng cơ sở, hoạt động kiểm soát sự cố, các giải pháp kỹ thuật để làm sạch dầu tràn. Quản lý chất thải nhiễm dầu.

- Giới thiệu về công dụng, tính năng của các loại trang thiết bị phục vụ ứng phó sự cố tràn dầu. Hướng dẫn cách tháo lắp, vận hành, bảo dưỡng trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu.

2. Diễn tập Ứng phó sự cố tràn dầu

a. Giả định tình huống: (Diễn tập tình huống theo kịch bản)

- Hoạt động tại cầu tàu 30.000 DWT: khi phát hiện sự cố đang trong quá trình cấp nhiên liệu bổ sung cho thiết bị cơ giới làm hàng ở cầu cảng.

- Nguyên nhân sự cố: Trong quá trình cấp dầu từ xe bồn cho cầu bánh xích Sany đang làm việc tại cầu cảng thì bị tuột vòi cấp dầu DO nên dầu tràn ra ngoài khoảng 60 lít, lượng dầu này tràn trên mặt cầu cảng bị trôi xuống biển (gầm cầu cảng) qua các lỗ thoát nước mưa.

b. Triển khai của lực lượng UPSCTD Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân

Theo nội dung, kế hoạch kịch bản diễn tập đã lập: Phát hiện sự cố và hành động ứng phó ban đầu tại cầu tàu 30.000 DWT, cụ thể:

- Phát hiện sự cố thông báo/báo động cho các lực lượng: Thời gian từ 13 giờ 30' đến 13 giờ 45' ngày 10 tháng 6 năm 2025.

- Đánh giá tình hình và huy động các lực lượng của cơ sở tham gia: Thời gian từ 13 giờ 35' đến 13 giờ 40' ngày 10 tháng 6 năm 2025.

- Triển khai các trang thiết bị sẵn có để tiếp cận hiện trường, ứng phó sự cố: Thời gian từ 13 giờ 40' đến 15 giờ 00' ngày 10 tháng 6 năm 2025.

- Thu hồi xong thiết bị và kết thúc diễn tập: Thời gian từ 15 giờ 00' đến 15 giờ 30' ngày 10 tháng 6 năm 2025.

III. Nhận xét và kiến nghị:

- Quân số tham gia diễn tập đầy đủ, có ý thức tốt, tinh thần trách nhiệm cao trong quá trình diễn tập UPSCTD tại hiện trường.

- Tình huống diễn tập đặt ra trong kế hoạch đúng với tình huống trong kịch bản và bám sát với thực tế.

- Quá trình diễn tập, lực lượng của Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân triển khai đúng quy trình ứng phó và đảm bảo an toàn.

*** Đánh giá kết quả:** Đạt yêu cầu.

108689
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẢNG QUỐC
TẾ VĨNH TÂN
T.Đ.A

44/
T.Đ.A
T.Đ.A
T.Đ.A

Biên bản được lập thành 02 bản; mỗi bản gồm 03 trang có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản./.

**ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUỐC TẾ VĨNH TÂN**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN BÌNH DÂN**

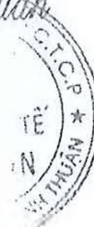
**ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TĐA**

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC

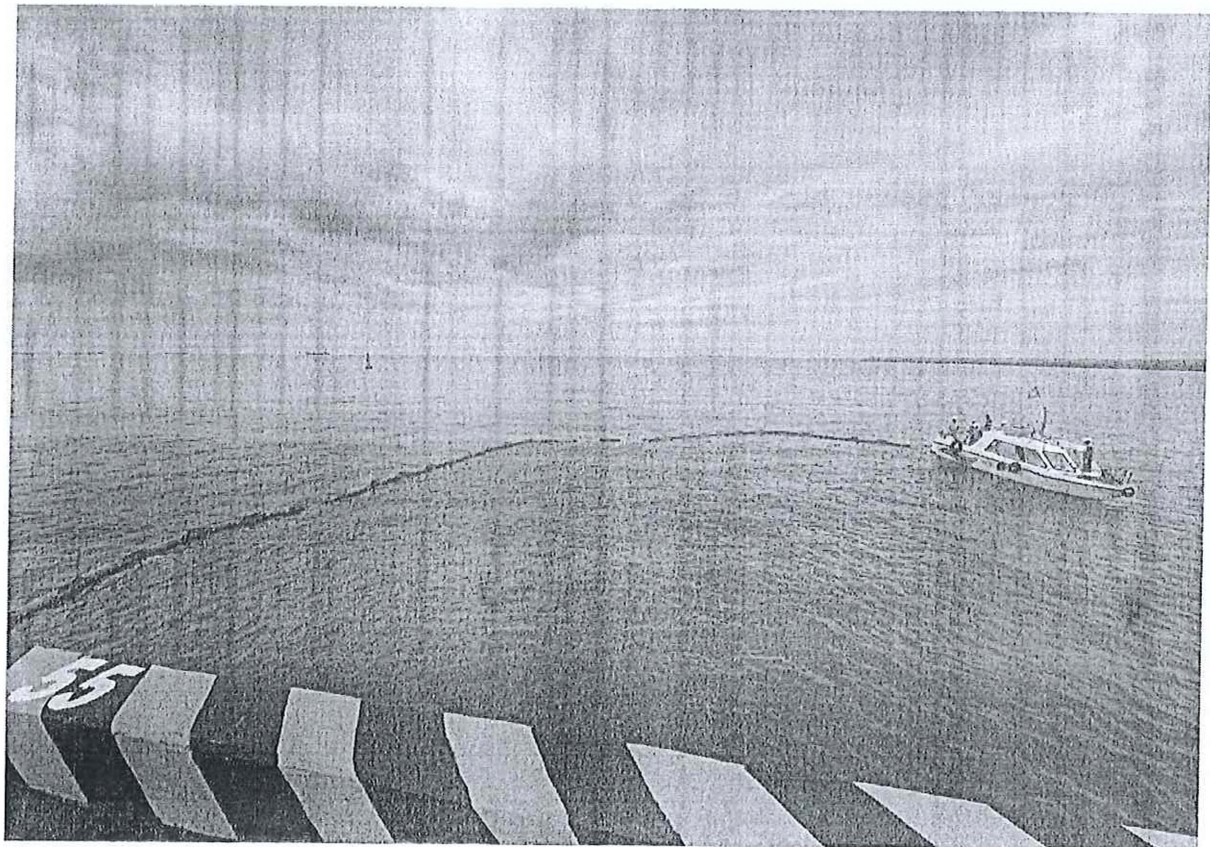
Nguyễn Mạnh Tuấn



107

NG
3 P
NGHỆ
T.
HÂN

HÌNH ẢNH DIỄN TẬP UPSCTD





* SĐKKD: *

86899 - C.I.C.P
 TY
 AN
 QUỐC TẾ
 TÂN
 BÌNH THUAN



Lâm Đồng, ngày 24 tháng 10 năm 2025.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC DIỄN TẬP UPSCTD
TẠI CẢNG QUỐC TẾ VINH TÂN**

Hôm nay, vào lúc 16 giờ 00' ngày 24 tháng 10 năm 2025.

Tại: Phòng họp Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vinh Tân.

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Chúng tôi gồm các bên:

1. Đại diện Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vinh Tân:

Ông: Nguyễn Bình Dân

Chức vụ: Phó Giám đốc

2. Đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường TĐA:

Ông: Nguyễn Mạnh Tuấn

Chức vụ: Giám đốc

Đã tiến hành lập biên bản rút kinh nghiệm về công tác tổ chức và diễn tập UPSCTD lần 2 của năm 2025 tại Bến cảng Quốc tế Vinh Tân, với các nội dung như sau:

Căn cứ các quy định của Pháp luật về UPSCTD, căn cứ vào kịch bản giả định trong Kế hoạch UPSCTD đã lập và được UBND tỉnh Bình Thuận phê duyệt. Lực lượng UPSCTD của Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vinh Tân đã tiến hành tổ chức diễn tập UPSCTD tại khu vực khu nước bên trong Bến cảng Quốc tế Vinh Tân.

Thời gian diễn tập: Từ 13 giờ 30' đến 15 giờ 30' ngày 24 tháng 10 năm 2025.

I. Lực lượng và phương tiện tham gia:

- Lực lượng UPSCTD: Ban UPSCTD tại Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Vinh Tân gồm 22 thành viên.

- Phương tiện gồm: Xe nâng, xe tải.

- Các trang thiết bị khác:

+ Giấy thấm dầu: 10 thùng

+ Phao quây dầu tràn: 300 mét

+ Thùng chứa dầu dự phòng: 07 thùng (250 lít)

+ Hệ thống bơm hút dầu tràn (Oil Skimmers): 01 hệ thống

+ Loa phát thanh hiện trường: 01 cái

+ Bộ đàm hàng hải: 06 cái

+ Đồ bảo hộ lao động: 10 bộ

II. Nội dung diễn tập UPSCTD:

1. Phần Lý thuyết:

Địa điểm: tại văn phòng cảng.

Thời gian: từ 08 giờ 30' đến 11 giờ 30' ngày 24 tháng 10 năm 2025.



- Cán bộ của Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường TĐA hỗ trợ huấn luyện cho cán bộ nhân viên Cảng Quốc tế Vĩnh Tân những kiến thức, khái niệm cơ bản về sự cố tràn dầu, xác định được các nguồn gây ô nhiễm dầu. Những tác động do sự cố tràn dầu gây ra và các yếu tố quan trọng cần xem xét khi triển khai ứng cứu.

- Phổ biến các quy định của pháp luật về quy trình thông báo, báo động, phối hợp lực lượng, chỉ huy hiện trường ứng phó sự cố tràn dầu. Quy định về xử phạt trong ứng phó sự cố tràn dầu. Quy định về thủ tục điều tra, xác minh sự cố và thủ tục bồi thường.

- Các phương pháp khống chế sự cố tràn dầu, lựa chọn giải pháp phù hợp với điều kiện từng cơ sở, hoạt động kiểm soát sự cố, các giải pháp kỹ thuật để làm sạch dầu tràn. Quản lý chất thải nhiễm dầu.

- Giới thiệu về công dụng, tính năng của các loại trang thiết bị phục vụ ứng phó sự cố tràn dầu. Hướng dẫn cách tháo lắp, vận hành, bảo dưỡng trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu.

2. Diễn tập Ứng phó sự cố tràn dầu

a. Giả định tình huống: (Diễn tập tình huống theo kịch bản)

- Hoạt động tại cầu tàu 30.000 DWT: khi phát hiện sự cố đang trong quá trình cấp nhiên liệu bổ sung cho thiết bị cơ giới làm hàng ở cầu cảng.

- Nguyên nhân sự cố: Trong quá trình cấp dầu từ xe bồn cho xe xúc lật Liugong đang làm việc tại cầu cảng thì bị tuột vòi cấp dầu DO nên dầu tràn ra ngoài khoảng 60 lít, lượng dầu này tràn trên mặt cầu cảng bị trôi xuống biển (gầm cầu cảng) qua các lỗ thoát nước mưa.

b. Triển khai của lực lượng UPSCCTD Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân

Theo nội dung, kế hoạch kịch bản diễn tập đã lập: Phát hiện sự cố và hành động ứng phó ban đầu tại cầu tàu 30.000 DWT, cụ thể:

- Phát hiện sự cố thông báo/báo động cho các lực lượng: Thời gian từ 13 giờ 30' đến 13 giờ 45' ngày 24 tháng 10 năm 2025.

- Đánh giá tình hình và huy động các lực lượng của cơ sở tham gia: Thời gian từ 13 giờ 35' đến 13 giờ 40' ngày 24 tháng 10 năm 2025.

- Triển khai các trang thiết bị sẵn có để tiếp cận hiện trường, ứng phó sự cố: Thời gian từ 13 giờ 40' đến 15 giờ 00' ngày 24 tháng 10 năm 2025.

- Thu hồi xong thiết bị và kết thúc diễn tập: Thời gian từ 15 giờ 00' đến 15 giờ 30' ngày 24 tháng 10 năm 2025.

III. Nhận xét và kiến nghị:

- Quân số tham gia diễn tập đầy đủ, có ý thức tốt, tinh thần trách nhiệm cao trong quá trình diễn tập UCSCTD tại hiện trường.

- Tình huống diễn tập đặt ra trong kế hoạch đúng với tình huống trong kịch bản và bám sát với thực tế.

- Quá trình diễn tập, lực lượng của Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân triển khai đúng quy trình ứng phó và đảm bảo an toàn.

*** Đánh giá kết quả:** Đạt yêu cầu.

Biên bản được lập thành 02 bản; mỗi bản gồm 03 trang có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản./.

**ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUỐC TẾ VINH TÂN**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN BÌNH DÂN**

**ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TĐA**

(Ký, ghi rõ họ tên)

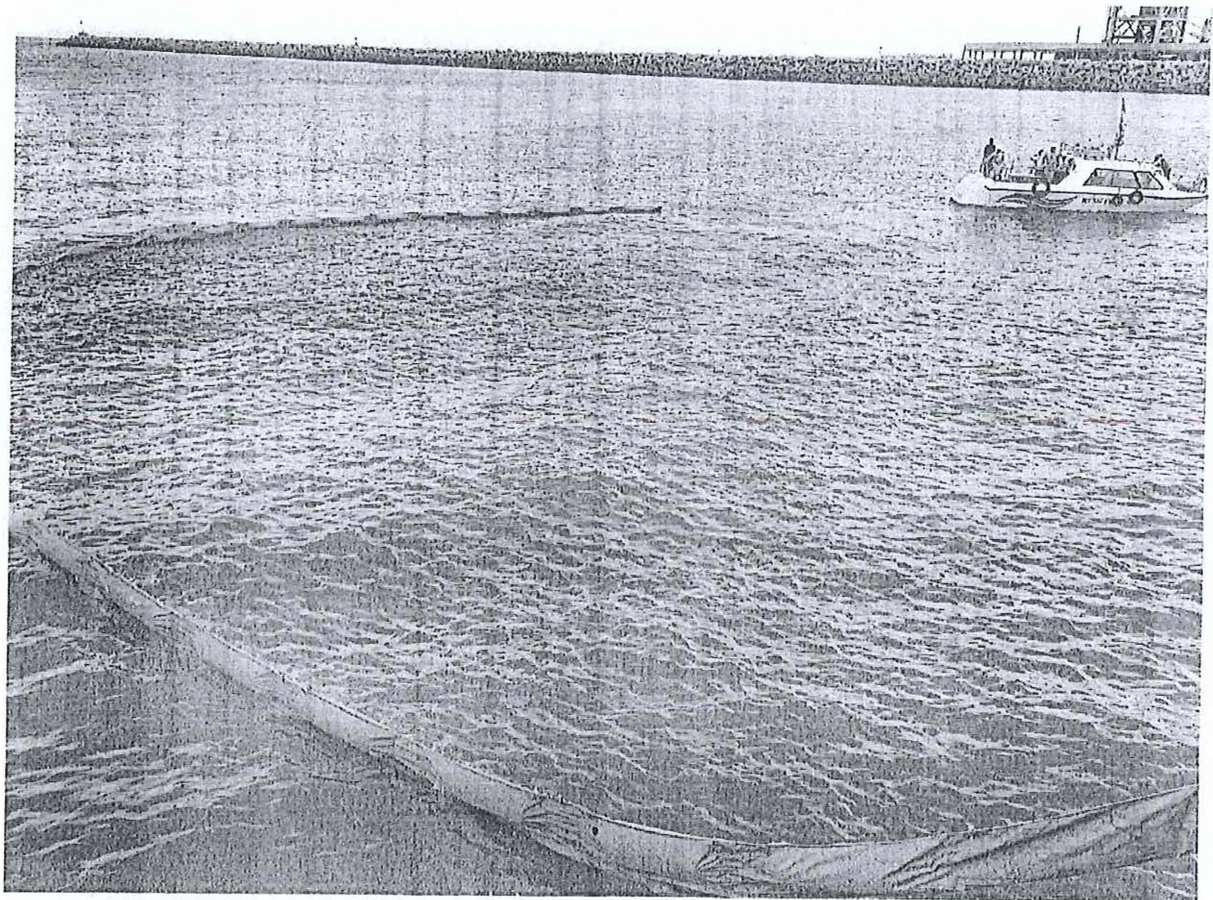
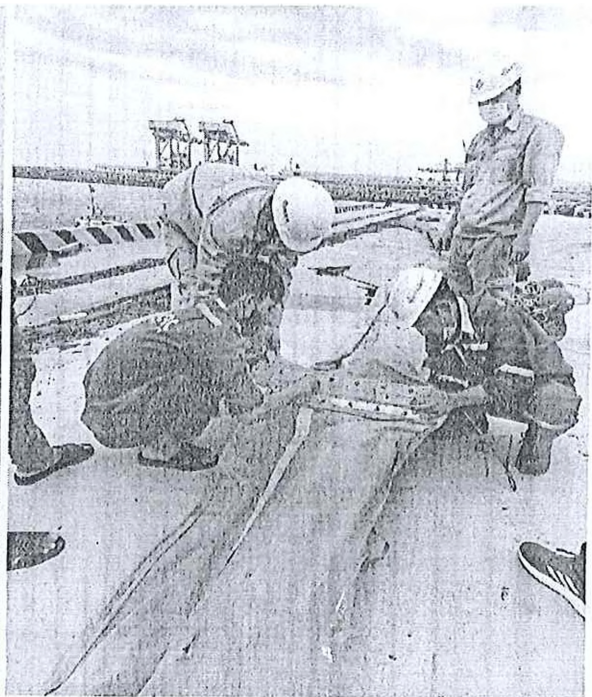


**GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Tuấn**





HÌNH ẢNH ĐIỂN TẬP UPSCTD





TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
(Center for Research and Application of Science and Technology)
Địa chỉ(Add): 436A/24 Đường Ba Tháng Hai, Phường Hòa Hưng, TP. Hồ Chí Minh
436A/24 Ba Tháng Hai Street, Hoa Hưng Ward, Ho Chi Minh City
Email: dịchvu.cast@gmail.com Điện thoại (Tel): (+84) 28.66.828.606 - 0901.696.222



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: PT.432/CAST.25

Khách hàng: Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân

Địa chỉ: Cảng Quốc tế Vĩnh Tân, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hào, tỉnh Lâm Đồng.

Địa điểm quan trắc: Hệ thống silo - kho chứa và xuất hàng tại Cảng Quốc tế Vĩnh Tân, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hào, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày lấy mẫu: 25-11-2025

Mẫu khí thải: Ống khí thải sau thiết bị lọc bụi số 1

1. Phương pháp đo đạc và phân tích:

Thông số	Phương pháp đo đạc tại hiện trường	Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích
Bụi	-	US EPA Method 5	US EPA Method 5
Lưu lượng	US EPA Method 2	-	-
Vị trí lấy mẫu			Mã mẫu
Mẫu khí thải thoát ra từ ống khí thải sau HTXL khí thải (X: 1250948; Y: 533918)			E271125.09

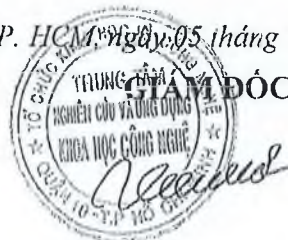
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Thông số	Bụi	Lưu lượng
	mg/Nm ³	m ³ /h
E271125.09	<5	976
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (Kv= 1; Kp=1)	200	-

ĐẠI DIỆN PHÂN TÍCH

Vũ Thị Yến Nhi

TP. HCM ngày 05 tháng 12 năm 2025



Nguyễn Hồng Châu

Kết quả chỉ có giá trị với mẫu phân tích ở trên

Thông số in nghiêng được thực hiện bởi thần phụ

Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh). Hết thời gian lưu mẫu CAST không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại của khách hàng



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
(Center for Research and Application of Science and Technology)
Địa chỉ(Add): 436A/24 Đường Ba Tháng Hai, Phường Hòa Hưng, TP. Hồ Chí Minh
436A/24 Ba Tháng Hai Street, Hoa Hưng Ward, Ho Chi Minh City
Email: dichvu.cast@gmail.com Điện thoại (Tel): (+84) 28.66.828.606 - 0901.696.222



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: PT.433/CAST.25

Khách hàng: Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân

Địa chỉ: Cảng Quốc tế Vĩnh Tân, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hào, tỉnh Lâm Đồng.

Địa điểm quan trắc: Hệ thống silo - kho chứa và xuất hàng tại Cảng Quốc tế Vĩnh Tân, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hào, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày lấy mẫu: 25-11-2025

Mẫu khí thải: Ống khí thải sau thiết bị lọc bụi số 2

1. Phương pháp đo đạc và phân tích:

Thông số	Phương pháp đo đạc tại hiện trường	Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích
Bụi	-	US EPA Method 5	US EPA Method 5
Lưu lượng	US EPA Method 2	-	-
Vị trí lấy mẫu			Mã mẫu
Mẫu khí thải thoát ra từ ống khí thải sau HTXL khí thải (X: 1250948; Y: 533921)			E271125.11

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Thông số	Bụi	Lưu lượng
	mg/Nm ³	m ³ /h
E271125.11	<5	915
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (Kv= 1; Kp=1)	200	-

ĐẠI DIỆN PHÂN TÍCH

Vũ Thị Yến Nhi

TP. HCM ngày 05 tháng 12 năm 2025



GIAM ĐỐC

Kết quả chỉ có giá trị với mẫu phân tích ở trên

Thông số in nghiêng được thực hiện bởi thiết bị phụ

Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh). Hết thời gian lưu mẫu CAST không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại của khách hàng



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
(Center for Research and Application of Science and Technology)
Địa chỉ(Add): 436A/24 Đường Ba Tháng Hai, Phường Hòa Hưng, TP. Hồ Chí Minh
436A/24 Ba Tháng Hai Street, Hoa Hung Ward, Ho Chi Minh City
Email: djchvu.cast@gmail.com Điện thoại (Tel): (+84) 28.66.828.606 - 0901.696.222



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: PT.434/CAST.25

Khách hàng: Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân

Địa chỉ: Cảng Quốc tế Vĩnh Tân, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng.

Địa điểm quan trắc: Hệ thống silo - kho chứa và xuất hàng tại Cảng Quốc tế Vĩnh Tân, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày lấy mẫu: 24-11-2025

Mẫu khí thải: Ống khí thải sau thiết bị lọc bụi số 3

1. Phương pháp đo đạc và phân tích:

Thông số	Phương pháp đo đạc tại hiện trường	Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích
Bụi	-	US EPA Method 5	US EPA Method 5
Lưu lượng	US EPA Method 2	-	-
Vị trí lấy mẫu			Mã mẫu
Mẫu khí thải thoát ra từ ống khí thải sau HTXL khí thải (X: 1250942; Y: 533972)			E271125.01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Thông số	Bụi	Lưu lượng
	mg/Nm ³	m ³ /h
E271125.01	<5	830
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (Kv= 1; Kp=1)	200	-

ĐẠI DIỆN PHÂN TÍCH

Vũ Thị Yến Nhi

TP. HCM, ngày 05 tháng 12 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Nhung

Kết quả chỉ có giá trị với mẫu phân tích ở trên
Thông số in nghiên được thực hiện bởi thầu phụ
Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh). Hết thời gian lưu mẫu CAST không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại của khách hàng



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
(Center for Research and Application of Science and Technology)
Địa chỉ(Add): 436A/24 Đường Ba Tháng Hai, Phường Hòa Hưng, TP. Hồ Chí Minh
436A/24 Ba Tháng Hai Street, Hoa Hưng Ward, Ho Chi Minh City
Email: dịchvu.cast@gmail.com Điện thoại (Tel): (+84) 28.66.828.606 - 0901.696.222



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: PT.435/CAST.25

Khách hàng: Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân

Địa chỉ: Cảng Quốc tế Vĩnh Tân, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng.

Địa điểm quan trắc: Hệ thống silo - kho chứa và xuất hàng tại Cảng Quốc tế Vĩnh Tân, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày lấy mẫu: 24-11-2025

Mẫu khí thải: Ống khí thải sau thiết bị lọc bụi số 4

1. Phương pháp đo đạc và phân tích:

Thông số	Phương pháp đo đạc tại hiện trường	Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích
Bụi	-	US EPA Method 5	US EPA Method 5
Lưu lượng	US EPA Method 2	-	-
Vị trí lấy mẫu			Mã mẫu
Mẫu khí thải thoát ra từ ống khí thải sau HTXL khí thải (X: 1251000; Y: 533957)			E271125.05

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Thông số	Bụi	Lưu lượng
	mg/Nm ³	m ³ /h
E271125.05	<5	993
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (Kv= 1; Kp=1)	200	-

ĐẠI DIỆN PHÂN TÍCH

Vũ Thị Yến Nhi

TP. HCM, ngày 05 tháng 12 năm 2025



Nguyễn Hồng Nhung

Kết quả chỉ có giá trị với mẫu phân tích ở trên
Thông số in nghiêng được thực hiện bởi thần phụ
Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh). Hết thời gian lưu mẫu CAST không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại của khách hàng



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
(Center for Research and Application of Science and Technology)
Địa chỉ(Add): 436A/24 Đường Ba Tháng Hai, Phường Hòa Hưng, TP. Hồ Chí Minh
436A/24 Ba Tháng Hai Street, Hoa Hưng Ward, Ho Chi Minh City
Email: djchvu.cast@gmail.com Điện thoại (Tel): (+84) 28.66.828.606 - 0901.696.222



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: PT.436/CAST.25

Khách hàng: Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân

Địa chỉ: Cảng Quốc tế Vĩnh Tân, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng.

Địa điểm quan trắc: Hệ thống silo - kho chứa và xuất hàng tại Cảng Quốc tế Vĩnh Tân, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày lấy mẫu: 24-11-2025

Mẫu khí thải: Ống khí thải sau thiết bị lọc bụi số 5

1. Phương pháp đo đạc và phân tích:

Thông số	Phương pháp đo đạc tại hiện trường	Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích
Bụi	-	US EPA Method 5	US EPA Method 5
Lưu lượng	US EPA Method 2	-	-
Vị trí lấy mẫu			Mã mẫu
Mẫu khí thải thoát ra từ ống khí thải sau HTXL khí thải (X: 1250997; Y: 533939)			E271125.03

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Thông số	Bụi	Lưu lượng
	mg/Nm ³	m ³ /h
E271125.03	<5	379
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (Kv= 1; Kp=1)	200	-

ĐẠI DIỆN PHÂN TÍCH

Vũ Thị Yến Nhi

TP. HCM, ngày 05 tháng 12 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Kết quả chỉ có giá trị với mẫu phân tích ở trên

Thông số m nghiên được thực hiện bởi nhân phụ

Thời gian hai mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh). Hết thời gian hai mẫu CAST không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại của khách hàng



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
(Center for Research and Application of Science and Technology)
Địa chỉ(Add): 436A/24 Đường Ba Tháng Hai, Phường Hòa Hưng, TP. Hồ Chí Minh
436A/24 Ba Tháng Hai Street, Hoa Hưng Ward, Ho Chi Minh City
Email: dichvu.cast@gmail.com Điện thoại (Tel): (+84) 28.66.828.606 - 0901.696.222



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: PT.437/CAST.25

Khách hàng: Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân

Địa chỉ: Cảng Quốc tế Vĩnh Tân, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hào, tỉnh Lâm Đồng.

Địa điểm quan trắc: Hệ thống silo - kho chứa và xuất hàng tại Cảng Quốc tế Vĩnh Tân, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hào, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày lấy mẫu: 24-11-2025

Mẫu khí thải: Ống khí thải sau thiết bị lọc bụi số 6

1. Phương pháp đo đạc và phân tích:

Thông số	Phương pháp đo đạc tại hiện trường	Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích
Bụi	-	US EPA Method 5	US EPA Method 5
Lưu lượng	US EPA Method 2	-	-
Vị trí lấy mẫu			Mã mẫu
Mẫu khí thải thoát ra từ ống khí thải sau HTXL khí thải (X: 1250991; Y: 5339117)			E271125.07

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Thông số	Bụi	Lưu lượng
	mg/Nm ³	m ³ /h
E271125.07	<5	546
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (Kv= I; Kp=I)	200	-

ĐẠI DIỆN PHÂN TÍCH

Vũ Thị Yến Nhi

TP. HCM, ngày 05 tháng 12 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Kết quả chỉ có giá trị với mẫu phân tích ở trên

Thông số in nghiên được thực hiện bởi thần phụ

Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh). Hết thời gian lưu mẫu CAST không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại của khách hàng



VIMCERTS 145

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH THUẬN
DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF BINH THUAN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL AND RESOURCES MONITORING
ISO/IEC 17025:2017 – VIMCERTS 145

Số/ No:	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày/ Date :
03250207		03/4/2025

1.	Đơn vị yêu cầu/Client: Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân. Địa chỉ/Address: Xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.
2.	Tên mẫu/ Sample name : Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công nghiệp - Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân Địa chỉ/Address: Xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.
3.	Số lượng/ Quantity: 01.
4.	Ngày lấy mẫu/ Date of sampling: 20/3/2025
5.	Ngày hẹn trả kết quả/Date of returning result: 03/4/2025
6.	Phương pháp lấy mẫu/ Method : TCVN 5999:1995.
7.	Mô tả mẫu/ Sample description: Mẫu chứa trong bình P, chai G tiệt trùng. Thời gian lấy mẫu: 14 giờ 00 phút. Mẫu do Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận thực hiện.
8.	Kết quả thử nghiệm/ Test result: Xem trang 2/2.

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
Technical Manager

Trương Thị Kim Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
Vice Director



Đoàn Thị Ngọc Linh

8. Kết quả thử nghiệm/ Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị tính Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
1	pH	-	6,59	TCVN 6492:2011*
2	TDS	mg/L	234	HDCV TNHT_01*
3	TSS	mg/L	9	SMEWW 2540D: 2023*
4	BOD ₅	mg/L	KPH (LOD=1)	TCVN 6001-1: 2021*
5	COD	mg/L	KPH (LOD=11)	SMEWW 5220C: 2023*
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	<0,03 (LOQ)	TCVN 6179-1: 1996*
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	0,53	TCVN 6180: 1996*
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/L	0,430	TCVN 6202: 2008*
9	Tổng Phospho (P)	mg/L	0,462	TCVN 6202: 2008*
10	Tổng Nitơ (N)	mg/L	1,2	SMEWW 4500N.C: 2023 & SMEWW 4500NO ₃ ⁻ E: 2023*
11	Coliform	MPN/100mL	1,1x10 ²	SMEWW 9221.B:2023*
12	Độ màu	Pt/Co	KPH (LOD=5)	SMEWW 2120C:2023**
13	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,04)	SMEWW 4500 S ²⁻ B&D:2023**
14	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	1,3	SMEWW 5520B&F:2023**
15	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	1,7	SMEWW5520B&F:2023**
16	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH (LOD=0,022)	SMEWW 5540B&C:2023**

*: Thông số được Bộ TN&MT chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

** : Kết quả thử nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ có VIMCERTS 075.

Ghi chú/ Remark:

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử. This test report is value to the following sample(s).
2. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày (kể từ ngày kết quả được ban hành). After the sample storing period expires, the Center For Environmental And Resources Monitoring of Binh Thuan doesn't take responsibility for anything of complaint. When sample storing period expire, Center For Environmental And Resources Monitoring of Binh Thuan doesn't take responsibility for anything of complaint.
3. Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường. This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Center For Environmental And Resources Monitoring.
4. Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp. The following sample(s) was were submitted and identified by client.
5. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp. - KPH: Không phát hiện. - LOQ: Giới hạn định lượng. Limit of Quantitation.



VIMCERTS 057-118-145

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG LÂM ĐỒNG
DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF BINH THUAN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL AND RESOURCES MONITORING

Trụ sở chính: 36 Trần Phú, Phường Xuân Hương, tỉnh Lâm Đồng
Khu vực 1: KDC Bắc Xuân An, phường Hàm Thắng, tỉnh Lâm Đồng
Tel: (0252) 3751127 - Email: quantraclamdong@gmail.com

Số/ No:

0019 .2025/TTQT-KV1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Ngày/ Date :

28/7/2025

- Khách hàng/Client :** Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Vĩnh Tân.
Địa chỉ/Address : Thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng).
- Thông tin mẫu/Sample information :**
Loại mẫu/Sample type : Nước biển **Ký hiệu mẫu (Code) :** 06250849
Vị trí lấy Mẫu/ Sampling location : Nước biển 01 điểm tại khu vực luồng tàu (ven bờ) - Cơ sở "Bến Cảng Quốc tế Vĩnh Tân".
- Ngày lấy mẫu/Date of sampling :** 24/6/2025 **Ngày trả kết quả/Date of returning result :** 28/7/2025
- Phương pháp lấy mẫu/Method :** TCVN 5998:1995.
- Kết quả thử nghiệm/Test result :**

TT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị tính Unit	Phương pháp phân tích Test method	Kết quả Test result
1	pH*	-	TCVN 6492:2011	8,35
2	DO*	mg/L	TCVN 7325:2016	5,08
3	TSS*	mg/L	SMEWW 2540D: 2023	10
4	Amoni (NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6179-1: 1996	<0,03 (LOQ)
5	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)*	mg/L	TCVN 6202: 2008	KPH (LOD=0,01)
6	Tổng Sắt (Fe)*	mg/L	TCVN 6177: 1996	KPH (LOD=0,02)
7	Coliform*	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2023	KPH (LOD=1,8)
8	Dầu mỡ khoáng [#]	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	0,4

Ghi chú¹:

* Chỉ tiêu được cấp phép đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IECB, VILAS 782, VILAT 1.0843.

Chỉ tiêu do nhà thầu phụ có Vimcerts 075 thực hiện.

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
Technical Manager

Trương Thị Kim Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
Vice Director

Đoàn Thị Ngọc Linh



¹ 1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày kể từ ngày trả kết quả ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh. Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

3. Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

4. Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp. The following sample(s) was/were submitted and identified by client.

5. LOD: Giới hạn phát hiện/Detection limit. - KPH: Không phát hiện/Not detected - LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation.



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG LÂM ĐỒNG
DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF BINH THUAN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL AND RESOURCES MONITORING

Trụ sở chính: 36 Trần Phú, Phường Xuân Hương, tỉnh Lâm Đồng
Khu vực I: KDC Bắc Xuân An, phường Hàm Thắng, tỉnh Lâm Đồng
Tel: (0252) 3751127 - Email: quantraclamdong@gmail.com

VIMCERTS 057-118-145

Số/ No:

0020 .2025/TTQT-KV1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/ Date :

28/7/2025

- Khách hàng/Client:** Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Vĩnh Tân.
Địa chỉ/Address : Thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Vĩnh Hào, tỉnh Lâm Đồng).
- Thông tin mẫu/Sample information:**
Loại mẫu/Sample type : Nước thải **Ký hiệu mẫu (Code):** 06250850
Vị trí lấy Mẫu/ Sampling location : Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công nghiệp - Cơ sở "Bến Cảng Quốc tế Vĩnh Tân".
- Ngày lấy mẫu/Date of sampling :** 24/6/2025 **Ngày trả kết quả/Date of returning result:** 28/7/2025
- Phương pháp lấy mẫu/Method:** TCVN 5999:1995.
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị tính Unit	Phương pháp phân tích Test method	Kết quả Test result
1	pH*	-	TCVN 6492:2011	7,9
2	TDS*	mg/L	HDCV TNHT_01	311
3	TSS*	mg/L	SMEWW 2540D: 2023	<9 (LOQ)
4	BOD ₅ *	mg/L	TCVN 6001-1: 2021	<8 (LOQ)
5	COD*	mg/L	SMEWW 5220C: 2023	KPH (LOD=11)
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6179-1: 1996	KPH (LOD=0,01)
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180: 1996	3,61
8	Tổng Nito*	mg/L	SMEWW 4500N.C: 2023 & SMEWW 4500NO ₃ ⁻ E: 2023	4,79
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)*	mg/L	TCVN 6202: 2008	0,68
10	Tổng Phospho (P)*	mg/L	TCVN 6202: 2008	0,714
11	Coliform*	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2023	2x10 ¹
12	Độ màu [#]	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=5)



VIMCERTS 057-118-145

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG LÂM ĐỒNG
DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF BINH THUAN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL AND RESOURCES MONITORING

Trụ sở chính: 36 Trần Phú, Phường Xuân Hương, tỉnh Lâm Đồng
Khu vực 1: KDC Bắc Xuân An, phường Hàm Thắng, tỉnh Lâm Đồng
Tel: (0252) 3751127 - Email: quantraclamdong@gmail.com

Số/ No:

0020 .2025/TTQT-KV1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/ Date :

28/7/2025

5. Kết quả thử nghiệm (tiếp theo)/ Test result (cont):

TT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị tính Unit	Phương pháp phân tích Test method	Kết quả Test result
13	Dầu mỡ động, thực vật [#]	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,2
14	Tổng dầu mỡ khoáng [#]	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,7
15	Sunfua (S ²⁻) [#]	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (LOD=0,04)
16	Chất hoạt động bề mặt [#]	mg/L	SMEWW 5540B&C:2023	0,04

Ghi chú¹:

* Chỉ tiêu được cấp phép đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IECB, VILAS 782, VILAT 1.0843.

Chỉ tiêu do nhà thầu phụ có Vimcerts 075 thực hiện.

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
Technical Manager

Trương Thị Kim Linh



PHÓ GIÁM ĐỐC
Vice Director

Đoàn Thị Ngọc Linh

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày kể từ ngày trả kết quả ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh. Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
3. Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.
4. Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp. The following sample(s) was/were submitted and identified by client.
5. LOD: Giới hạn phát hiện/Detection limit. - KPH: Không phát hiện/Not detected - LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation.



VIMCERTS 057-118-145

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG LÂM ĐỒNG
DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF BINH THUAN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL AND RESOURCES MONITORING

Trụ sở chính: 36 Trần Phú, Phường Xuân Hương, tỉnh Lâm Đồng
Khu vực 1: KDC Bắc Xuân An, phường Hàm Thắng, tỉnh Lâm Đồng
Tel: (0252) 3751127 - Email: quantraclamdong@gmail.com

Số/ No:

0021 .2025/TTQT-KV1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/ Date :

28/7/2025

- Khách hàng/Client:** Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Vĩnh Tân.
Địa chỉ/Address : Thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng).
- Thông tin mẫu/Sample information :**
Loại mẫu/Sample type : Không khí **Ký hiệu mẫu (Code):** 06250851
Vị trí lấy Mẫu/ Sampling location : Không khí tại khu vực cầu cảng bốc xếp hàng rời - Cơ sở "Bến Cảng Quốc tế Vĩnh Tân".
- Ngày lấy mẫu/Date of sampling :** 24/6/2025 **Ngày trả kết quả/Date of returning result :** 28/7/2025
- Phương pháp lấy mẫu/Method:** Mẫu TSP (TCVN 5067:1995) Mẫu SO₂ (TCVN 5971:1995)
Mẫu CO (HDCV LM_09) Mẫu NO₂ (TCVN 6137:2009)
Mẫu H₂S (MASA 701) Mẫu NH₃ (TCVN 5293:1995)
- Kết quả thử nghiệm/Test result :**

TT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị tính Unit	Phương pháp phân tích Test method	Kết quả Test result
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	84,3
2	CO*	µg/Nm ³	HDCV TN_17	<17200 (LOQ)
3	SO ₂ *	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	<133 (LOQ)
4	NO ₂ *	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	<48 (LOQ)
5	Độ rung [#]	dB	TCVN 6963:2001	47
6	Tiếng ồn L _{Aeq} [#]	dBA	TCVN 7878-2:2018	68,2

Ghi chú¹:

* Chỉ tiêu được cấp phép đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IECB, VILAS 782, VILAT 1.0843.

Chỉ tiêu do nhà thầu phụ có Vimcerts 075 thực hiện.

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
Technical Manager

Trương Thị Kim Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
Vice Director

Đoàn Thị Ngọc Linh

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày kể từ ngày ra kết quả ngoại trừ chi tiền vì sinh. Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
3. Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nên không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.
4. Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp. The following sample(s) was/were submitted and identified by client.
5. LOD: Giới hạn phát hiện Detection limit. - KPH: Không phát hiện Not detected - LOQ: Giới hạn định lượng Limit of Quantitation.



VIMCERTS 057-118-145

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG LÂM ĐỒNG
DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF BINH THUAN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL AND RESOURCES MONITORING

Trụ sở chính: 36 Trần Phú, Phường Xuân Hương, tỉnh Lâm Đồng
Khu vực I: KDC Bắc Xuân An, phường Hàm Thắng, tỉnh Lâm Đồng
Tel: (0252) 3751127 - Email: quantraclamdong@gmail.com

Số/ No:

0022 .2025/TTQT-KV1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/ Date :

28/7/2025

- Khách hàng/Client:** Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Vĩnh Tân.
Địa chỉ/Address: Thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng).
- Thông tin mẫu/Sample information:**
Loại mẫu/Sample type: Không khí **Ký hiệu mẫu (Code):** 06250852
Vị trí lấy Mẫu/ Sampling location: Không khí tại khu vực hành chính - Cơ sở "Bến Cảng Quốc tế Vĩnh Tân".
- Ngày lấy mẫu/Date of sampling:** 24/6/2025 **Ngày trả kết quả/Date of returning result:** 28/7/2025
- Phương pháp lấy mẫu/Method:**
Mẫu TSP (TCVN 5067:1995) Mẫu SO₂ (TCVN 5971:1995)
Mẫu CO (HDCV LM_09) Mẫu NO₂ (TCVN 6137:2009)
Mẫu H₂S (MASA 701) Mẫu NH₃ (TCVN 5293:1995)
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị tính Unit	Phương pháp phân tích Test method	Kết quả Test result
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	127,4
2	CO*	µg/Nm ³	HDCV TN_17	<17200 (LOQ)
3	SO ₂ *	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	<133 (LOQ)
4	NO ₂ *	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	<48 (LOQ)
5	Độ rung [#]	dB	TCVN 6963:2001	47
6	Tiếng ồn L _{Aeq} [#]	dBA	TCVN 7878-2:2018	62,4

Ghi chú:

* Chỉ tiêu được cấp phép đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IECB, VILAS 782, VILAT 1.0843.

Chỉ tiêu do nhà thầu phụ có Vimcerts 075 thực hiện.

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
Technical Manager

Trương Thị Kim Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
Vice Director



Đoàn Thị Ngọc Linh

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Thời gian hai mẫu là 5 ngày kể từ ngày trả kết quả ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh. Hết thời gian hai mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.
- Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp. The following sample(s) was/were submitted and identified by client.
- LOD: Giới hạn phát hiện/Detection limit. - KPH: Không phát hiện/Not detected - LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation.



VIMCERTS 057-118-145

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG LÂM ĐỒNG
DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF BINH THUAN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL AND RESOURCES MONITORING

Trụ sở chính: 36 Trần Phú, Phường Xuân Hương, tỉnh Lâm Đồng
Khu vực 1: KDC Bắc Xuân An, phường Hàm Thắng, tỉnh Lâm Đồng
Tel: (0252) 3751127 - Email: quantraclamdong@gmail.com

Số/ No:

0023 .2025/TTQT-KV1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/ Date :

28/7/2025

- Khách hàng/Client:** Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Vĩnh Tân.
Địa chỉ/Address : Thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng).
- Thông tin mẫu/Sample information :**
Loại mẫu/Sample type : Không khí **Ký hiệu mẫu (Code):** 06250853
Vị trí lấy Mẫu/Sampling location : Không khí tại khu vực hàng rào của Cơ sở giáp KDC - Cơ sở "Bến Cảng Quốc tế Vĩnh Tân".
- Ngày lấy mẫu/Date of sampling :** 24/6/2025 **Ngày trả kết quả/Date of returning result :** 28/7/2025
- Phương pháp lấy mẫu/Method:** Mẫu TSP (TCVN 5067:1995) Mẫu SO₂ (TCVN 5971:1995)
Mẫu CO (HDCV LM_09) Mẫu NO₂ (TCVN 6137:2009)
Mẫu H₂S (MASA 701) Mẫu NH₃ (TCVN 5293:1995)
- Kết quả thử nghiệm/Test result :**

TT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị tính Unit	Phương pháp phân tích Test method	Kết quả Test result
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	127,5
2	CO*	µg/Nm ³	HDCV TN_17	<17200 (LOQ)
3	SO ₂ *	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	<133 (LOQ)
4	NO ₂ *	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	<48 (LOQ)
5	Độ rung [#]	dB	TCVN 6963:2001	47
6	Tiếng ồn L _{Aeq} [#]	dBA	TCVN 7878-2:2018	67,7

Ghi chú¹:

* Chỉ tiêu được cấp phép đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IECB, VILAS 782, VILAT 1.0843.

Chỉ tiêu do nhà thầu phụ có Vimcerts 075 thực hiện.

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
Technical Manager

Trương Thị Kim Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
Vice Director

Đoàn Thị Ngọc Linh

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày kể từ ngày trả kết quả ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh. Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
3. Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.
4. Tài vụ thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp. The following sample(s) was/were submitted and identified by client.
5. LOD: Giới hạn phát hiện Detection limit. - KPH: Không phát hiện Not detected - LOQ: Giới hạn định lượng Limit of Quantitation.



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG LÂM ĐỒNG
DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF BINH THUAN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL AND RESOURCES MONITORING
Trụ sở chính: 36 Trần Phú, Phường Xuân Hương, tỉnh Lâm Đồng
Khu vực 1: KDC Bắc Xuân An, phường Hàm Thắng, tỉnh Lâm Đồng
Tel: (0252) 3751127 - Email: quantraclamdong@gmail.com

VIMCERTS 057-118-145

Số/ No:

0024 .2025/TTQT-KV1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/ Date :

28/7/2025

- Khách hàng/Client:** Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Vĩnh Tân.
Địa chỉ/Address : Thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng).
- Thông tin mẫu/Sample information:**
Loại mẫu/Sample type : Trầm tích
Ký hiệu mẫu (Code): 06250854
Vị trí lấy Mẫu/Sampling location : Trầm tích tại khu vực ven bờ - Cơ sở "Bến Cảng Quốc tế Vĩnh Tân".
- Ngày lấy mẫu/Date of sampling :** 24/6/2025
Ngày trả kết quả/Date of returning result : 28/7/2025
- Phương pháp lấy mẫu/Method:**
- Kết quả thử nghiệm/Test result :**

TT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị tính Unit	Phương pháp phân tích Test method	Kết quả Test result
1	Asen (As) [#]	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	0,32
2	Cadimi (Cd) [#]	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	0,14
3	Chì (Pb) [#]	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	15,1
4	Kẽm (Zn) [#]	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	91,8
5	Thủy ngân (Hg) [#]	mg/kg	US EPA Method 7471B	KPH (LOD=0,06)
6	Tổng Crom (Cr) [#]	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	1,28
7	Đồng (Cu) [#]	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	3,89

Ghi chú¹:

* Chỉ tiêu được cấp phép đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IECB, VILAS 782, VILAT 1.0843.

Chỉ tiêu do nhà thầu phụ có Vimcerts 075 thực hiện lấy mẫu và phân tích mẫu.

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
Technical Manager

Trương Thị Kim Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
Vice Director



Đoàn Thị Ngọc Linh

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày kể từ ngày trả kết quả ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh. Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thí nghiệm của khách hàng.
- Không được trích sao một phần kết quả thí nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.
- Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp. The following sample(s) was/were submitted and identified by client.
- LOD: Giới hạn phát hiện Detection limit. - KPH: Không phát hiện/ Not detected - LOQ: Giới hạn định lượng Limit of Quantitation.



VIMCERTS 057-118-145

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG LÂM ĐỒNG
DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF BINH THUAN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL AND RESOURCES MONITORING

Trụ sở chính: 36 Trần Phú, Phường Xuân Hương, tỉnh Lâm Đồng
Khu vực 2: KDC Bắc Xuân An, phường Hàm Thắng, tỉnh Lâm Đồng
Tel: (0252) 3751127 - Email: quantraclamdong@gmail.com

Số/ No:

0466 .2025/TTQT-KV2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/ Date :

07/10/2025

- Khách hàng/Client:** Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân.
Địa chỉ/Address : Xã Vĩnh Hào, tỉnh Lâm Đồng.
- Thông tin mẫu/Sample information :**
Loại mẫu/Sample type : Nước thải **Ký hiệu mẫu (Code):**
Vị trí lấy Mẫu/ Sampling location : Nước thải sau HTXLNT - Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân.
Tọa độ/Coordinates : X: 1251108; Y: 534379.
Thời gian lấy mẫu/Sampling time : 09 giờ 58 phút.
- Ngày lấy mẫu/Date of sampling :** 25/9/2025 **Ngày trả kết quả/Date of returning result :** 07/10/2025
- Phương pháp lấy mẫu/Method :** TCVN 5999:1995.
- Kết quả thử nghiệm/Test result :**

TT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị tính Unit	Phương pháp phân tích Test method	Kết quả Test result
1	Nhiệt độ*	°C	SMEWW 2550B:2023	28,11
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	8,04
3	TSS*	mg/L	SMEWW 2540D: 2023	11
4	BOD ₅ *	mg/L	TCVN 6001-1: 2021	KPH (MDL=3)
5	COD*	mg/L	SMEWW 5220C: 2023	KPH(MDL=11)
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6179-1: 1996	<0,03 (LOQ)
7	Tổng Nito*	mg/L	SMEWW 4500N.C: 2023 & SMEWW 4500NO ₃ ⁻ E: 2023	2,98
8	Tổng Phospho (P)*	mg/L	TCVN 6202: 2008	0,428
9	Coliform*	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2023	1,3x10 ²
10	Độ màu**	Pt-Co	TCVN 6185(C):2015	<9 (LOQ)
11	Sunfua**	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&C&D:2023	KPH (MDL=0,02)



VIMCERTS 057-118-145

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG LÂM ĐỒNG
DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF BINH THUAN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL AND RESOURCES MONITORING

Trụ sở chính: 36 Trần Phú, Phường Xuân Hương, tỉnh Lâm Đồng
Khu vực 2: KDC Bắc Xuân An, phường Hàm Thắng, tỉnh Lâm Đồng
Tel: (0252) 3751127 - Email: quantraclamdong@gmail.com

Số/ No:

0466 .2025/TTQT-KV2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/ Date :

07/10/2025

5. Kết quả thử nghiệm (tiếp theo)/ Test result (cont):

TT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị tính Unit	Phương pháp phân tích Test method	Kết quả Test result
12	Dầu mỡ khoáng [#]	mg/L	SMEWW5520B&F:2023	KPH (MDL=0,9)

Ghi chú¹:

* Chỉ tiêu được cấp phép đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

** Chỉ tiêu được thực hiện tại Phòng Phân tích - KV1 có Vimcerts 057.

Chỉ tiêu do nhà thầu phụ có Vimcerts 075 thực hiện.

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
Technical Manager

Trương Thị Kim Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
Vice Director

Đoàn Thị Ngọc Linh

¹ 1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày kể từ ngày trả kết quả ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh. Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

3. Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

4. Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/ The following sample(s) was/were submitted and identified by client.

5. MDL: Giới hạn phát hiện/ Detection limit. - KPH: Không phát hiện/ Not detected - LOQ: Giới hạn định lượng/ Limit of Quantitation.



VIMCERTS 057-118-145

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG LÂM ĐỒNG
DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF BINH THUAN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL AND RESOURCES MONITORING

Trụ sở chính: 36 Trần Phú, Phường Xuân Hương, tỉnh Lâm Đồng
Khu vực 2: KDC Bắc Xuân An, phường Hàm Thắng, tỉnh Lâm Đồng
Tel: (0252) 3751127 - Email: quantraclamdong@gmail.com

Số/ No:

0983 .2025/TTQT-KV1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Ngày/ Date :

26/11/2025

- Khách hàng/Client:** Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân.
Địa chỉ/Address : xã Vĩnh Hào, tỉnh Lâm Đồng.
- Thông tin mẫu/Sample information :**
Loại mẫu/Sample type : Nước thải **Ký hiệu mẫu (Code):**
Vị trí lấy Mẫu/ Sampling location : Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải - Cơ sở "Bến Cảng Quốc tế Vĩnh Tân".
Tọa độ/Coordinates : X= 1.251.107 Y= 534.384.
Thời gian lấy mẫu/Sampling time : 11 giờ 30 phút.
- Ngày lấy mẫu/Date of sampling :** 10/11/2025 **Ngày trả kết quả/Date of returning result :** 26/11/2025
- Phương pháp lấy mẫu/Method :** TCVN 5999:1995.
- Kết quả thử nghiệm/Test result :**

TT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị tính Unit	Phương pháp phân tích Test method	Kết quả Test result
1	Nhiệt độ*	°C	TCVN 6492:2011	28,15
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	7,98
3	TSS*	mg/L	SMEWW 2540D: 2023	<9 (LOQ)
4	BOD ₅ *	mg/L	TCVN 6001-1: 2021	KPH (MDL=3)
5	COD*	mg/L	SMEWW 5220C: 2023	KPH(MDL=11)
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6179-1: 1996	KPH(MDL=0,01)
7	Tổng Nito*	mg/L	SMEWW 4500N.C: 2023 & SMEWW 4500NO ₃ ⁻ E: 2023	4,8
8	Tổng Phospho (P)*	mg/L	TCVN 6202: 2008	0,692
9	Coliform*	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2023	KPH (MDL=1,8)
10	Độ màu**	Pt/Co	TCVN 6185(C): 2015	12
11	Tổng dầu mỡ khoáng [#]	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,2



VIMCERTS 057-118-145

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG LÂM ĐỒNG
DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF BINH THUAN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL AND RESOURCES MONITORING

Trụ sở chính: 36 Trần Phú, Phường Xuân Hương, tỉnh Lâm Đồng
Khu vực 2: KDC Bắc Xuân An, phường Hàm Thắng, tỉnh Lâm Đồng
Tel: (0252) 3751127 - Email: quantraclamdong@gmail.com

Số/ No:

0983 .2025/TTQT-KV1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Ngày/ Date :

26/11/2025

5. Kết quả thử nghiệm (tiếp theo)/ Test result (cont):

12	Sunfua (S ²⁻)**	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	<0,06 (LOQ)
----	-----------------------------	------	--------------------------------------	-------------

Ghi chú :

* Chỉ tiêu được cấp phép đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IECB, VILAS 782, VILAT 1.0843.

Chỉ tiêu do nhà thầu phụ có Vimcerts 075 thực hiện.

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Technical Manager

Trương Thị Kim Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC

Vice Director



Đoàn Thị Ngọc Linh

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày kể từ ngày trả kết quả ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh. Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
3. Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.
4. Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp. The following sample(s) was/were submitted and notified by client.
5. MDL: Giới hạn phát hiện/Detection limit. - KPH: Không phát hiện/ Not detected - LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation.